BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VĂN HỌC

8

TẬP MỘT

thuongnhotruongxua.vn

thuongmaitr

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Biên soạn :
NGUYỄN SĨ CẨN – NGUYỄN QUỐC TÚY
Chỉnh lí :
ĐỖ BÌNH TRỊ (chủ biên) – NGUYỄN HOÀNH KHUNG
PHÙNG VĂN TỬU – NGUYỄN KHẮC PHI – HOÀNG NGỌC HIẾN

VĂN HỌC

ruongxua.vn

8

TẬP MỘT

(Tái bản lần thứ mười hai)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Chịu trách nhiệm xuất bản :

NGÔ TRẦN ÁI

VŨ DƯƠNG THỤY

Biên tập lần đầu :

LÊ THU LAN

Biên tập tái bản :

NGUYỄN MINH TÂM

Trình bày bìa :

MINH HIỀN

Minh họa :

LÊ ANH VÂN

Biên tập mĩ thuật :

TRẦN TIỂU LÂM

Sửa bản in :

TRẦN THỊ OANH - VƯƠNG THỊ TRÌNH

Chế bản :

PHÒNG CHẾ BẢN (NXB GIÁO DỤC)

8(075) / GD - 01 1105/213 - 00 Mã số : 2H823 T1

thuongmaitr

PHẦN MỘT

VĂN HỌC VIỆT NAM

VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

Bài 1

KHÁI QUÁT VỀ VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

tuongxua.vn

Từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 là một thời kì rất quan trọng trong lịch sử văn học dân tộc. Văn học Việt Nam thời kì này phát triển sang một bước ngoặt, với những đặc điểm mới mẻ và những thành tựu phong phú chưa từng có.

I – VỀ TÌNH HÌNH XÃ HỘI VÀ VĂN HÓA

Ngay sau khi giặc Pháp nổ súng xâm lược nước ta (1858), ở khắp nơi, nhân dân ta đã đứng lên chống giặc cứu nước. Nhưng sau thất bại của phong trào Cần vương [1], thì nhìn chung, giặc Pháp đã "bình định" xong và đặt ách đô hộ thực dân trên cả đất nước ta. Sang thế kỉ XX, chúng ra sức củng cố địa vị thống trị và bắt tay khai thác về kinh tế. Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam và đế quốc Pháp, giữa nhân dân – chủ yếu là nông dân – với giai cấp địa chủ phong kiến càng thêm

Ở chặng này, văn học phát triển mạnh mẽ, có thể gọi là bùng nổ, đạt được nhiều thành tựu phong phú, đặc sắc ở mọi khu vực, thể loại.

Truyện ngắn và tiểu thuyết phong phú chưa từng có, vừa mới mẻ vừa già dặn về nghệ thuật. Trước hết là tiểu thuyết của Nhất Linh, Khái Hưng (Tự lực văn đoàn) (6) đã mở đầu cho phong trào tiểu thuyết mới. Sau đó là những tiểu thuyết có giá trị cao của Vũ Trọng Phụng (*Giông tố, Số đỏ*), Ngô Tất Tố (*Tắt đèn*), Nam Cao (*Sống mòn*)... Về truyện ngắn, ngoài Nguyễn Công Hoan, Thạch Lam, Nam Cao – có thể coi là những bậc thầy về truyện ngắn – còn có một loạt những cây bút có tài về thể loại này : Nguyễn Tuân, Thanh Tịnh, Hồ Dzếnh, Tô Hoài, Bùi Hiển... Về phóng sự đáng chú ý nhất là Tam Lang, Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố. Về tùy bút (7), nổi bật lên tên tuổi của Nguyễn Tuân, một cây bút rất mực tài hoa, độc đáo.

Thơ ca thật sự đổi mới với phong trào Thơ mới (8) (ra quân rầm rộ năm 1932), gắn liền với tên tuổi của Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính, Chế Lan Viên...

Trong bộ phận văn học cách mạng, thơ ca là thể loại chủ lực, trong đó, dồi dào và có chất lượng hơn cả là thơ của các chiến sĩ trong tù. Những nhà thơ cách mạng đáng chú ý nhất là : Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Xuân Thủy, Sóng Hồng, Đặng Xuân Thiều...

Ở chặng này, kịch nói tiếp tục phát triển với nghệ thuật mới mẻ hơn trước, các tác giả đáng chú ý nhất là : Vi Huyền Đắc, Đoàn Phú Tứ, Nguyễn Huy Tưởng.

Phê bình văn học cũng phát triển với một số công trình có nhiều giá trị (*Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh, *Nhà văn hiện đại* của Vũ Ngọc Phan).

2. Đặc điểm chung của văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945

a) *Văn học đổi mới theo hướng hiện đại hóa*

Đô thị phát triển, lớp công chúng văn học mới ra đời và ngày càng đông đảo, ảnh hưởng của văn hóa phương Tây, báo chí

thuongmaitr

và xuất bản phát triển..., tất cả những điều đó đã thúc đẩy văn học phải nhanh chóng đổi mới để hiện đại hóa, đáp ứng nhu cầu tinh thần và thị hiếu thẩm mĩ mới của xã hội. Sự đổi mới đã diễn ra trên mọi phương diện, mọi thể loại văn học.

Trước hết, đó là sự ra đời của nền văn xuôi quốc ngữ. Truyện ngắn, tiểu thuyết thời kì này, đặc biệt là từ sau 1930, được viết theo lối mới, khác với lối viết truyện trong văn học cổ, do học tập lối viết truyện của phương Tây.

Thơ đổi mới sâu sắc với sự ra đời của phong trào Thơ mới, được coi là "một cuộc cách mệnh trong thi ca". Những quy tắc gò bó, lối diễn đạt ước lệ, công thức bị phá bỏ, cảm xúc được phơi bày cởi mở, tự nhiên, chân thành hơn.

Việc ra đời các thể loại như phóng sự, kịch nói, phê bình văn học cũng là biểu hiện của sự đổi mới văn học theo hướng hiện đại hóa.

Hiện đại hóa văn học là một quá trình. Ở hai chặng đầu, văn học đã chuyển biến mạnh theo hướng hiện đại hóa nhưng sự níu kéo của cái cũ còn nặng. Chỉ đến chặng thứ ba, sự đổi mới văn học mới thật toàn diện và sâu sắc, để từ đây, có thể coi văn học Việt Nam đã thật sự là một nền văn học mang tính hiện đại, nhịp với văn học của thế giới hiện đại.

b) *Văn học hình thành hai khu vực (hợp pháp và bất hợp pháp) với nhiều trào lưu*[9] *cùng phát triển*

Sự hình thành hai khu vực văn học – khu vực hợp pháp, công khai và khu vực bất hợp pháp, bí mật – là do hoàn cảnh mất nước khi đó. Hai khu vực văn học đó rất khác nhau về tính chất, về lực lượng sáng tác, về điều kiện sáng tác và phổ biến..., tuy vẫn có ảnh hưởng lẫn nhau, bổ sung nhau, tạo nên nền văn học phong phú của dân tộc thời kì này.

Ở khu vực hợp pháp, văn học lại phân hóa thành các trào lưu mà nổi bật là hai trào lưu chính :

– Trào lưu *lãng mạn*, nói lên tiếng nói của cá nhân giàu cảm xúc và khát vọng, bất hòa với thực tại ngột ngạt, muốn thoát khỏi

thực tại đó bằng mộng tưởng và bằng việc đi sâu vào thế giới nội tâm. Văn học lãng mạn thường ca ngợi tình yêu đắm say, vẻ đẹp của thiên nhiên, của "ngày xưa" và thường đượm buồn. Tuy văn học lãng mạn còn những hạn chế rõ rệt về tư tưởng, nhưng nhìn chung, vẫn đậm đà tính dân tộc và có nhiều yếu tố lành mạnh, tiến bộ đáng quý. Văn học lãng mạn có đóng góp to lớn vào công cuộc đổi mới để hiện đại hóa văn học, đặc biệt là về thơ ca.

Tiêu biểu cho trào lưu lãng mạn trước 1930 là thơ Tản Đà, tiểu thuyết *Tố Tâm* của Hoàng Ngọc Phách; sau 1930 là Thơ mới của Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Nguyễn Bính... và văn xuôi của Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Thanh Tịnh, Nguyễn Tuân...

– Trào lưu *hiện thực* gồm các nhà văn hướng ngòi bút vào việc phơi bày thực trạng bất công, thối nát của xã hội và đi sâu phản ánh tình cảnh thống khổ của các tầng lớp quần chúng bị áp bức bóc lột đương thời. Nói chung, các sáng tác của trào lưu văn học này có tính chân thực cao và thấm đượm tinh thần nhân đạo. Văn học hiện thực có nhiều thành tựu đặc sắc ở các thể loại văn xuôi (truyện ngắn của Phạm Duy Tốn, Nguyễn Bá Học, Nguyễn Công Hoan, Nam Cao, Nguyên Hồng, Tô Hoài, Bùi Hiển; tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh, Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng, Mạnh Phú Tư, Nam Cao; phóng sự của Tam Lang, Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố...), nhưng cũng có những sáng tác giá trị ở thể thơ trào phúng (thơ Tú Mỡ, Đồ Phồn).

Hai trào lưu lãng mạn và hiện thực cùng tồn tại song song, vừa đấu tranh với nhau lại vừa ảnh hưởng, chuyển hóa lẫn nhau. Trên thực tế, hai trào lưu đó đều không thuần nhất và không biệt lập với nhau, càng không đối lập nhau về giá trị. Ở trào lưu nào cũng có những cây bút đầy tài năng và tâm huyết.

Văn học *khu vực bất hợp pháp* gồm thơ văn cách mạng bí mật, đặc biệt là sáng tác thơ ca của các chiến sĩ trong nhà tù. Thơ văn cách mạng cũng có lúc, có bộ phận được lưu hành nửa hợp pháp [10],

nhưng chủ yếu là bất hợp pháp, bị đặt ra ngoài pháp luật và ngoài đời sống văn học bình thường. Ra đời và phát triển trong hoàn cảnh luôn bị đàn áp, khủng bố, thiếu cả những điều kiện vật chất tối thiểu, nhưng văn học cách mạng vẫn phát triển mạnh mẽ, ngày càng phong phú và có chất lượng nghệ thuật cao, nhịp với sự phát triển của phong trào cách mạng. Thơ văn cách mạng đã nói lên một cách thống thiết, xúc động tấm lòng yêu nước thương dân nồng nàn, niềm căm thù sôi sục lũ giặc cướp nước và bọn bán nước, đã toát lên khí phách hào hùng của các chiến sĩ cách mạng thuộc nhiều thế hệ nửa đầu thế kỉ.

c) *Văn học phát triển với nhịp độ đặc biệt khẩn trương, đạt được thành tựu phong phú*

Văn học Việt Nam thời kì này vận động phát triển với một nhịp độ đặc biệt khẩn trương, mau lẹ. Có nhà phê bình đã nhận xét văn học nước ta thời kì này "một năm đã có thể bằng ba mươi năm". Nhịp độ phát triển về số lượng, về sự đổi mới văn học, về sự trưởng thành nhanh chóng dẫn đến kết tinh ở những tác giả, tác phẩm tầm cỡ, đều hết sức mau lẹ, khẩn trương.

Văn xuôi quốc ngữ, chỉ trên dưới ba mươi năm, đã phát triển từ chỗ hầu như chưa có gì đến chỗ có cả một nền văn xuôi phong phú, khá hoàn chỉnh với mọi thể loại (truyện ngắn, tiểu thuyết, phóng sự, tùy bút...), có trình độ nghệ thuật ngày càng cao, trong đó có cả những kiệt tác.

Về thơ, sự ra đời của phong trào Thơ mới (1932) đã mở ra "một thời đại trong thi ca" (lời tác giả cuốn *Thi nhân Việt Nam*) và làm xuất hiện một loạt nhà thơ có tài năng và có bản sắc. Thơ ca cũng là thể loại phát triển mạnh trong khu vực văn học bất hợp pháp, nhất là mảng thơ trong tù của các chiến sĩ cách mạng. Trong số khá nhiều nhà thơ chiến sĩ đó, có những tên tuổi nổi bật trong lịch sử văn học dân tộc (Phan Bội Châu, Hồ Chí Minh, Tố Hữu).

Ngay những thể loại mới được du nhập như phóng sự, tùy bút, phê bình văn học, kịch nói cũng có những thành tựu đặc sắc.

Phát triển trong hoàn cảnh chế độ thuộc địa tàn bạo, lạc hậu, văn học Việt Nam thời kì này không tránh được những hạn chế nhiều mặt. Đó là chưa kể có những mảng sáng tác rõ ràng là tiêu cực, độc hại. Dù vậy, phần có giá trị thật sự của thời kì văn học này – một thời kì phát triển mạnh mẽ chưa từng có trong lịch sử văn học dân tộc – vẫn rất phong phú.

Nguyên nhân của sự phát triển mạnh mẽ, phong phú đặc biệt đó của văn học, xét đến cùng, chính là do nó đã khơi nguồn từ sức sống tinh thần mãnh liệt của dân tộc. Sức sống ấy được thể hiện trước hết ở công cuộc đấu tranh cách mạng ngày càng dâng cao, nhưng sự phát triển mạnh mẽ, rực rỡ của văn học thời kì này cũng chính là một biểu hiện của sức sống bất diệt ấy.

Chú giải

(1) *Cần vương :* hết lòng vì vua lúc nguy biến ; *phong trào Cần vương :* phong trào yêu nước chống thực dân Pháp xâm lược do các sĩ phu phong kiến cầm đầu, hưởng ứng Hịch Cần vương của vua Hàm Nghi (1883).

(2) *Xung đột mới – cũ :* sự xung đột giữa lối sống theo lễ giáo, phong tục phong kiến đang trở nên hủ lậu và lối sống tự do, cởi mở, tôn trọng cá nhân của thế hệ trẻ, diễn ra ở đời sống thành thị khi đó.

(3) *Phong trào Duy tân, Đông du :* phong trào yêu nước cách mạng đầu thế kỉ do Phan Bội Châu và một số nhà nho yêu nước có tư tưởng tiến bộ khởi xướng, kêu gọi đổi mới, mở mang dân trí, đề cao tinh thần tự cường, tổ chức đưa người sang Nhật du học. Khi đó, nước Nhật là tấm gương về việc nhờ duy tân mà trở nên hùng cường.

(4) *Đông Kinh nghĩa thục : Đông Kinh* là tên gọi thành phố Tô–ky–ô, thủ đô nước Nhật ; *nghĩa thục :* trường tư thục; *Đông Kinh nghĩa thục* là tên một trường tư thục lập năm 1907 ở Hà Nội, do một số nhà nho yêu nước tiến bộ (Nguyễn Quyền, Lương Văn Can...) sáng lập, để tuyên truyền, cổ động yêu nước, duy tân, dân chủ. Trường bị thực dân Pháp đóng cửa, những người hoạt động chủ chốt bị chúng bắt đi tù đày.

(5) *Phóng sự :* thể văn xuôi thuộc loại kí, có tính chất điều tra, phơi bày rõ một hiện tượng đáng chú ý nào đó trong xã hội.

thuongmaitr

(6) *Tự lực văn đoàn :* tên một nhóm văn học do Nhất Linh đứng đầu, có ảnh hưởng lớn trong đời sống văn học Việt Nam những năm ba mươi. Tự lực văn đoàn có khuynh hướng tư sản, đã đề xướng cuộc vận động văn hóa văn nghệ mới, chống lễ giáo phong tục phong kiến, đòi giải phóng cá nhân. Tự lực văn đoàn có vai trò quan trọng trong việc đổi mới văn học khi đó.

(7) *Tùy bút :* thể văn thuộc loại kí, trong đó, tác giả có thể viết khá thoải mái về những quan sát, cảm nghĩ của mình.

(8) *Phong trào Thơ mới :* một phong trào thơ, tập hợp khá đông đảo các thi sĩ "Tây học" trẻ tuổi ; họ chống lại lối "thơ cũ" mà họ cho là quá gò bó trói buộc, đề xướng việc đổi mới thơ ca để giải phóng cho cảm hứng. Phong trào Thơ mới có nhiều thành tựu phong phú và đẩy mạnh sự phát triển của thơ Việt Nam theo hướng hiện đại hóa.

(9) *Trào lưu (trào lưu văn học*, còn gọi là *dòng văn học) :* phong trào văn học hình thành bởi nhiều nhà văn sống đồng thời hoặc kế tiếp nhau, gần gũi với nhau về tư tưởng và sáng tác.

(10) Văn thơ Đông Kinh nghĩa thục và văn thơ cách mạng thời kì Mặt trận Dân chủ (1936 – 1939) là nửa hợp pháp (vừa hợp pháp vừa bất hợp pháp).

uongxua.vn

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tình hình xã hội Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 có những điểm gì nổi bật đã ảnh hưởng rõ rệt đến văn học thời kì này ?

2. Sự phát triển văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ đến Cách mạng tháng Tám 1945 có thể chia ra mấy chặng ? Ở chặng thứ ba, vì sao có thể nói văn học phát triển mạnh mẽ, có tính chất bùng nổ ?

3. Văn học thời kì này phân hóa thành các khu vực, các trào lưu cùng phát triển như thế nào ? Vì sao không nên đối lập các khu vực, trào lưu văn học đó về giá trị ?

4. Văn học thời kì này phát triển với nhịp độ khẩn trương, mau lẹ như thế nào ?

5. Vì sao nói văn học thời kì này phát triển phong phú, rực rỡ và khá hoàn chỉnh (về thể loại) ?

Bài 2

CẢM TÁC VÀO NHÀ NGỤC QUẢNG ĐÔNG

PHAN BỘI CHÂU

Tiểu dẫn

Phan Bội Châu (1867 – 1940), biệt hiệu Sào Nam, quê làng Đan Nhiệm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, là nhà yêu nước, cách mạng lớn nhất của dân tộc Việt Nam trong hơn hai mươi năm đầu thế kỉ XX. Ông còn là nhà văn, nhà thơ lớn với một sự nghiệp sáng tác khá đồ sộ, gồm nhiều thể loại, viết bằng chữ Hán, chữ Nôm và chữ quốc ngữ, hầu hết đều thấm đượm tình cảm yêu nước thương dân thống thiết.

Tác phẩm văn học chính : *Việt Nam vong quốc sử*, *Trùng Quang tâm sử* (tiểu thuyết lịch sử), *Phan Bội Châu niên biểu* (hồi kí) ; *Hải ngoại huyết thư* (thơ), *Sào Nam thi tập* (thơ)...

Đầu năm 1914, chính quyền tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) bắt Phan Bội Châu và định trao cho thực dân Pháp, trong khi tòa án thực dân Pháp ở Đông Dương đã kết án Phan Bội Châu tử hình vắng mặt. Ngay trong đêm đầu tiên vào ngục Phan Bội Châu đã đọc miệng một bài thơ chữ Hán để an ủi người đồng chí cùng bị bắt và bị giam chung, đồng thời tự an ủi mình bằng một bài thơ Nôm. Đó chính là bài thơ này. Bài thơ không có đầu đề, đầu đề trên đây là do NBS đặt.

thuongmaitr

Vẫn là hào kiệt [1], vẫn phong lưu [2],
Chạy mỏi chân thì hãy ở tù.
Đã khách không nhà trong bốn bể,
Lại người có tội giữa năm châu.
Dang tay ôm chặt bồ kinh tế [3],
Mở miệng cười tan cuộc oán thù.
Thân ấy hãy còn, còn sự nghiệp,
Bao nhiêu nguy hiểm sợ gì đâu !

(Theo *Văn thơ Phan Bội Châu,* NXB Giáo dục, 1976)

Chú giải

(1) *Hào kiệt :* người tài cao chí lớn khác thường.

(2) *Phong lưu :* dáng vẻ lịch sự, trang nhã ; còn có nghĩa là mức sống khá giả.

(3) *Kinh tế* (nói tắt của *kinh bang tế thế*) : trị nước, cứu đời (không phải *kinh tế* theo nghĩa hiện nay).

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Đọc kĩ và cố nắm được ý nghĩa các câu thơ.

2. Phân tích hai cặp câu : 1, 2 và 3, 4. Em có nhận xét gì về giọng điệu những cặp câu đó ?

3. Khí phách hiên ngang, bất khuất của người tù yêu nước, anh hùng được thể hiện như thế nào trong bài thơ ?

4. Theo em, sức truyền cảm nghệ thuật của bài thơ là do đâu ?

Bài 3

ĐẬP ĐÁ Ở CÔN LÔN (1)

PHAN CHÂU TRINH

truongxua.vn

Tiểu dẫn

Phan Châu Trinh (1872 – 1926), hiệu Tây Hồ, còn có biệt hiệu là Hi Mã, quê ở làng Tây Lộc, huyện Hà Đông, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc thị xã Tam Kì, tỉnh Quảng Nam). Ông là nhà yêu nước lớn và có tư tưởng dân chủ sớm nhất ở Việt Nam. Những hoạt động sôi nổi, phong phú của Phan Châu Trinh ở trong và ngoài nước (ở Pháp, ở Nhật) cùng sáng tác văn thơ tràn đầy lòng yêu nước và tinh thần dân chủ của ông đã góp phần làm dấy lên những phong trào cách mạng ở Việt Nam mấy chục năm đầu thế kỉ XX. Đám tang Phan Châu Trinh đã được quần chúng tổ chức trọng thể trong cả nước và là một cuộc biểu dương tinh thần yêu nước của dân tộc khi đó.

Ngoài những áng văn chính luận, nổi tiếng về tính chất hùng biện đanh thép, Phan Châu Trinh còn làm thơ, tất cả đều cháy bỏng tinh thần yêu nước và dân chủ.

Tác phẩm chính : *Tỉnh quốc hồn ca I, Tỉnh quốc hồn ca II, Tây Hồ thi tập, Xăng-tê thi tập, Giai nhân kì ngộ*.

Năm 1908, Phan Châu Trinh bị triều đình Huế tố cáo là khởi xướng phong trào chống thuế ở Trung Kì, nên bị bắt giam và xử đày đi Côn Lôn.

Đến năm 1911, nhờ sự can thiệp của Hội nhân quyền ở Pháp, ông được trả tự do trước thời hạn. Ở Côn Lôn, tù nhân thường bị bắt đi đập đá.

Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn
Lừng lẫy[2] làm cho lở núi non.
Xách búa đánh tan năm bảy đống
Ra tay đập bể [3] mấy trăm hòn.
Tháng ngày bao quản thân sành sỏi[4]
Mưa nắng chi sờn dạ sắt son[5]
Những kẻ vá trời[6] khi lỡ bước,
Gian nan chi kể việc con con !

(Theo *Thơ văn yêu nước và cách mạng đầu thế kỉ XX*,
NXB Văn học, Hà nội, 1976)

Chú giải

(1) *Côn Lôn :* tức Côn Đảo, hòn đảo nằm trong quần đảo phía đông nam nước ta,cách đất liền khoảng 180km, nay thuộc tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ; nơi trước kia thực dân Pháp lập nhà tù giam cầm những chiến sĩ yêu nước, cách mạng.

(2) *Lừng lẫy :* ở đây có nghĩa là ngạo nghễ, lẫm liệt.

(3) *Bể* (từ địa phương) *:* vỡ ; *đập bể :* đập vỡ.

(4) *Thân sành sỏi :* ý nói thân dày dạn phong trần, sẵn sàng chấp nhận mọi gian khổ.

(5) *Dạ sắt son* (hoặc *son sắt*) *:* ý nói tinh thần cứng cỏi, trung kiên, không phai nhạt, đổi dời.

(6) *Vá trời : vá trời* hay *lấp biển* là ngụ ý mưu đồ công cuộc hết sức lớn lao (theo truyền thuyết Trung Quốc, bà Nữ Oa đội đá vá trời).

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Đọc kĩ và tìm hiểu để nắm được chắc chắn từng ý thơ trong từng câu. Chú ý những hình ảnh hai lớp nghĩa, vừa nói về việc đập đá, vừa ngụ ý chí khí của người tù yêu nước.

2. Phân tích tư thế hiên ngang, lẫm liệt của người tù yêu nước thể hiện trong bài thơ.

3. Em có nhận xét gì về giọng điệu bài thơ ? Giọng thơ ấy biểu lộ thái độ, tinh thần, khí phách của nhà thơ trong cảnh tù đày cực khổ như thế nào?

thuongmaitr

Bài 4

NHỮNG TRÒ LỐ HAY LÀ VA-REN VÀ PHAN BỘI CHÂU

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tiểu dẫn

Nguyễn Ái Quốc (1890 – 1969), sinh tại làng Kim Liên (làng Sen), huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Nguyễn Ái Quốc là tên dùng chủ yếu trong quãng đời hoạt động cách mạng trước 1945 của Hồ Chí Minh, lãnh tụ của cách mạng Việt Nam, dân tộc Việt Nam. Người còn là một nhà văn, nhà thơ lớn. Trong thời kì hoạt động cách mạng ở Pháp, Nguyễn Ái Quốc viết nhiều truyện ngắn, bài báo, tiểu phẩm châm biếm, phóng sự, kịch... bằng tiếng Pháp, nhằm vạch trần tội ác của chủ nghĩa thực dân, nói lên tình cảnh thống khổ và ca ngợi tinh thần đấu tranh của nhân dân các thuộc địa.

Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu được viết nhân dịp Va-ren – một chính khách Pháp, nguyên là đảng viên đảng Xã hội Pháp nhưng đã phản bội lí tưởng của đảng – sang nhận chức Toàn quyền ở Đông Dương và hứa sẽ "chăm sóc vụ Phan Bội Châu" (khi đó, nhà yêu nước Phan Bội Châu mới bị bắt giam và cả nước đã dấy lên một phong trào đấu tranh rộng khắp đòi thả tự do cho cụ). Bài viết của Nguyễn Ái Quốc đăng trên báo *Người cùng khổ* (tờ báo tiếng Pháp, do Nguyễn Ái Quốc và một số đồng chí của Người sáng lập) số 36 – 37, ra tháng 9 – 10 năm 1925. Bản dịch dùng ở đây là rút trong tập *Truyện và kí – Nguyễn Ái Quốc* (Phạm Huy Thông dịch và giới thiệu, NXB Văn học 1974).

truongxua.vn

Do sức ép của công luận[1] ở Pháp và ở Đông Dương, ông Va-ren đã nửa chính thức hứa sẽ chăm sóc vụ Phan Bội Châu. Ông hứa thế; giả thử cứ cho rằng một vị Toàn quyền Đông Dương mà lại biết giữ lời hứa đi chăng nữa, thì chúng ta vẫn được phép tự hỏi liệu quan Toàn quyền[2] Va-ren sẽ "chăm sóc" vụ ấy vào lúc nào và ra làm sao.

Trước hết, ngài chỉ muốn chăm sóc đến khi nào yên vị[3] thật xong xuôi ở bên ấy đã.

Nhưng ngài lại chỉ vừa mới xuống tàu, mà hành trình từ Mac-xây[4] đến Sài Gòn kéo chừng bốn tuần lễ cơ. Như vậy có nghĩa là trong bốn tuần lễ đó, Phan Bội Châu vẫn bị giam trong tù.

Đến Sài Gòn thì ông Va-ren, có gì mà không lượng trước được, sẽ bị quấn quýt lấy, lôi kéo đi, giằng co, ru vỗ, ấp ủ trong mớ bòng bong những buổi chiêu đãi, những cuộc tiếp rước, những lời chúc với tụng. Tiếp đấy là một cuộc tuần du[5] linh đình[6] qua khu phố bản xứ[7], giữa hàng nghìn người da vàng đã được nước Pháp hàng phục bằng sức mạnh của lưỡi lê, nay giao phó vận mệnh trong tay quan Toàn quyền. Và đó cũng là lần đầu tiên trong đời mình, hai con mắt của ông Va-ren được thấy hiển hiện[8] cái huyền diệu[9] của một thành phố Đông Dương, dưới lòng đường, trên vỉa hè, trong cửa tiệm. Những cu-li xe[10] kéo xe tay phóng cật lực[11], đôi bàn chân dẫm đất lạch bạch trên mặt đường nóng bỏng ; những quả dưa hấu bổ phanh đỏ lòm lòm ; những xâu lạp xường lủng lẳng dưới mái hiên các hiệu cơm ; cái rốn một chú khách[12] trưng ra giữa trời ; một viên quan uể oải bước qua, tay phe phẩy cái quạt, ngực đeo tấm Bắc Đẩu bội tinh[13] hình chữ thập. Thật là lộn xộn ! Thật là nhốn nháo !

thuongmaitr

Bỗng dưng tất cả dừng lại, dưới cây đũa thần, hay đúng hơn dưới ngọn roi gân bò mà viên đội xếp Tây vừa vung lên vừa quát tháo : "Cái giống tởm nhà mày ! Có cút đi không, cái giống tởm !". Thế là cái đám đông lúc nhúc đứng sắp hàng, vừa yên lại vừa lặng, hai bên lề đường. Gì thế nhỉ ? Xe ô tô quan Toàn quyền sắp đi qua đấy... Xe kia rồi ! Lại cả ông Toàn quyền đây rồi !

– Quan có cái mũ hai sừng trên chóp sọ ! – Một chú bé con thầm thì.

– Ồ ! Cái áo dài đẹp chửa ! – Một chị con gái thốt ra.

– Ngài sắp diễn thuyết[14] đấy ! – Một anh sinh viên kêu lên.

– Đôi bắp chân ngài bọc ủng ! – Một bác cu-li xe thở dài.

– *Rậm râu sâu mắt*[15] ! – Một nhà nho lẩm bẩm.

Thế là ô tô ông Va-ren chạy qua giữa hai hàng rào con người, lưng khom lại khi ngài đến gần. Cùng lúc, một tiếng rào rào nổi lên: "Lạy quan lớn ! Bẩm lạy quan lớn ạ !".

Trong khi đó thì Phan Bội Châu vẫn nằm tù.

Từ Sài Gòn ra Hà Nội, ông Va-ren sẽ dừng lại Huế. Triều đình An Nam, do Hoàng đế hay hình bóng Hoàng đế[16] dẫn đầu sẽ tất tưởi đi nghênh tiếp hiện thân tôn nghiêm[17] của nước Pháp. Đức Kim thượng[18] Khải Định sẽ thỉnh ông Va-ren thăm hoàng cung, và ông Va-ren sẽ vào. Hoàng thượng Khải Định sẽ thỉnh ông Va-ren dự yến[19], và ông Va-ren sẽ ăn. Đến lúc tráng miệng, Hoàng thượng đứng dậy, Ngài uy nghi tiến đến gần quan Toàn quyền ; đưa những ngón tay dài và mảnh, lấp lánh châu ngọc đỏ xanh, Ngài cài lên ngực ông Va-ren loại tưởng lệ phong tặng cao quý nhất của Hoàng triều[20]: Nam Long bội tinh, và thế là ông Va–ren được gắn mề đay[21].

Trong khi đó thì Phan Bội Châu vẫn nằm tù.

Nhưng chúng ta hãy theo dõi, theo dõi bằng đôi cánh của trí tưởng tượng, những trò lố chính thức của ông Va-ren. Hãy theo ông đến tận Hà Nội, tận cổng nhà lao chính, tận xà lim nơi người đồng bào tôn kính của chúng ta đang rên xiết.

truongxua.vn

Ôi thật là một tấn kịch ! Ôi thật là một cuộc chạm trán ! Con người đã phản bội giai cấp vô sản Pháp, tên chính khách[22] đã bị đồng bọn đuổi ra khỏi tập đoàn, kẻ đã ruồng bỏ quá khứ, ruồng bỏ lòng tin, ruồng bỏ giai cấp mình, lúc này mặt đối mặt với Người kia, con người đã hi sinh cả gia đình và của cải để xa lánh khỏi thấy mặt bọn cướp nước mình, sống xa lìa quê hương, luôn luôn bị lũ này săn đuổi, bị chúng nhử vào muôn nghìn cạm bẫy, bị chúng kết án tử hình vắng mặt, và giờ đây đang bị, vẫn chúng, đeo gông[23] lên vai đày đọa trong nhà giam, ngày đêm bị bóng dáng của máy chém như một bóng ma ám kề bên cổ.

Giữa kẻ phản bội nhục nhã và bậc anh hùng, vị thiên sứ[24], đấng xả thân[25] vì độc lập, được 20 triệu con người trong vòng nô lệ tôn sùng, giữa hai con người đó xảy ra chuyện gì đây ?

– Tôi đem tự do đến cho ông đây ! – Va-ren tuyên bố vậy, tay phải giơ ra bắt tay Phan Bội Châu, còn tay trái thì nâng cái gông to kếch đang xiết chặt (Phan) Bội Châu trong nhà tù ảm đạm.

"Nhưng, có đi phải có lại, tôi yêu cầu ông lấy danh dự hứa với tôi là sẽ trung thành với nước Pháp, hãy cộng tác, hãy hợp lực với nước Pháp để tiến hành ở Đông Dương một sự nghiệp khai hóa[26] và công lí.

"Ông Phan Bội Châu, tôi biết rõ tâm hồn cao thượng và cuộc đời đầy hi sinh, nhiều nguy nan của ông, và chính tôi, tôi xin là người đầu tiên, với tư cách Toàn quyền Đông Dương, được bày tỏ tấm lòng rất mực quý trọng ông. Song những ý tưởng hào hiệp nhất phải chăng bao giờ cũng hay nhất ? Phải chăng bao giờ cũng thực hiện được ? Than ôi, không đâu, ông ạ ! Vả lại, trời ơi ! Tại sao chúng ta lại cứ cố chấp[27] cãi lộn nhau mãi thế này, trong lúc ông và tôi, tay nắm chặt tay, chúng ta có thể làm được biết bao công việc tốt đẹp cho xứ Đông Dương này? Chúng ta có thể cùng nhau làm cho nước ông trở thành một quốc gia tân tiến lớn, một xứ tự trị, một nước Pháp ở châu Á !

"Ô ! Ông nghe tôi, ông Phan Bội Châu này ! Ông hãy để mặc đấy những ý nghĩ phục thù của ông, hãy từ bỏ đi những mưu đồ xưa cũ, và thôi, chớ tìm cách xúi giục đồng bào ông nổi lên chống lại chúng tôi nữa ; trái lại, ông hãy bảo họ cộng tác với người Pháp, và, làm như vậy là ông sẽ được tất cả, được cho đất nước ông, được cho bản thân ông !

"Về chuyện này, tôi có thể kể cho ông nghe gương của một trong những trợ thủ cũ của ông, là ông Nguyễn Bá Trác[28], ông biết đấy, ông này đã biết điều rồi và hiện nay thì đã đứng về phía chúng tôi. Nhưng nếu gương của người đồng bào ông, ông cho là chưa đủ, thì tôi xin kể gương đồng bào của chính tôi cho ông nghe, gương các bạn học của tôi từ hồi còn nhỏ, các chiến hữu của tôi, Guy-xta-vơ, A-lêch-xăng, A-ri-xtit, An-be, Pôn và Lê-ông. Những vị ấy, ngày nay lừng danh cả, đều đã lần lượt đốt cháy

thuongmaitr

những cái mà mình đã tôn thờ và đang tôn thờ những cái mà mình đã đốt cháy. Như vậy các vị ấy có sao không ? Chẳng sao cả. Nền dân chủ của chúng tôi, nhờ Chúa, rất là tốt ! Thật thế, nền dân chủ hào hùng của nước Pháp, mà hôm nay tôi được vinh dự thay mặt giữa các ông, khoan dung với những người, như tôi, đã đoạn tuyệt với những lầm lạc của tuổi trẻ.

"Nhưng sao thế, ông hãy nhìn tôi này, ông Phan Bội Châu! Trước tôi là đảng viên Xã hội đấy và giờ đây thì tôi làm Toàn quyền... !".

Ừ thì Phan Bội Châu nhìn Va-ren. Nhưng, lạ chưa! Những lời nói của Va-ren hình như lọt vào tai (Phan) Bội Châu chẳng khác gì "nước đổ lá khoai"[29] và cái im lặng dửng dưng của (Phan) Bội Châu suốt buổi gặp gỡ hình như làm cho Va-ren sửng sốt cả người.

Không phải vì một bên nói tiếng Nam, một bên nói tiếng Tây : đã có một viên quan ở đấy làm thông ngôn[30] cơ mà. Nhưng cứ xét bình tĩnh[31], thì đó chỉ là vì (Phan) Bội Châu không hiểu Va-ren cũng như Va-ren không hiểu (Phan) Bội Châu.

ruongxua.vn

*

* *

Cuộc gặp gỡ chấm dứt ở đấy, hay ít ra là không ai biết gì hơn nữa. Chỉ có anh lính dõng An Nam[32] bồng súng chào ở cửa ngục là cứ bảo rằng, nhìn qua chấn song, có thấy một sự thay đổi nhẹ trên nét mặt người tù lừng tiếng. Anh quả quyết – cái anh chàng ranh mãnh đó – rằng có thấy đôi ngọn râu mép người tù nhếch lên một chút rồi lại hạ xuống ngay, và cái đó chỉ diễn ra có một lần thôi.

Nếu quả thật thế, thì có thể là lúc ấy (Phan) Bội Châu có mỉm cười, mỉm cười một cách kín đáo, vô hình và im lặng, như cánh ruồi lướt qua vậy[33].

T.B – Một nhân chứng thứ hai của cuộc hội kiến[34] Va-ren – Phan Bội Châu (xin chẳng dám nêu tên nhân chứng này) lại quả quyết rằng (Phan) Bội Châu đã nhổ vào mặt Va-ren ; cái đó thì cũng có thể.

Chú giải

(1) *Công luận :* dư luận rộng rãi trong xã hội.

(2) *Toàn quyền :* quan chức đứng đầu bộ máy cai trị thực dân ở một nước (hoặc xứ) thuộc địa, đại diện cho chính quốc.

(3) *Yên vị :* ngồi yên vào chỗ.

(4) *Mac-xây :* thành phố cảng phía nam nước Pháp, trên bờ Địa Trung Hải.

(5) *Tuần du :* (vua) đi xem xét tình hình các nơi trong nước.

(6) *Linh đình :* hình thức to tát, trọng thể quá mức, có tính chất phô trương (thường nói về hội hè, cỗ bàn, đón rước...).

(7) *Bản xứ :* xứ thuộc địa, phân biệt với chính quốc – nước đế quốc xâm lược thuộc địa.

(8) *Hiển hiện :* hiện ra rõ ràng.

(9) *Huyền diệu :* lạ và tuyệt vời, cứ như không có thật.

(10) *Cu-li xe : cu-li* (phiên âm tiếng Pháp : coolie) có nghĩa là *phu*, người lao động làm thuê những việc nặng nhọc, gọi một cách khinh miệt ; *cu-li xe :* phu xe (người kéo xe tay).

thuongmaitr

(11) *Cật lực :* làm hết sức.

(12) *Khách :* tiếng gọi chung người Hoa kiều ở Việt Nam.

(13) *Bội tinh* (từ cũ) : huân chương ; *Bắc Đẩu bội tinh* là huân chương thuộc loại cao của nhà nước Pháp.

(14) *Diễn thuyết :* nói trước công chúng (thường nhằm để tuyên truyền, thuyết phục về một vấn đề gì).

(15) *Rậm râu sâu mắt :* thành ngữ trong tiếng Việt, ngụ ý tướng người bất lương.

(16) *Hình bóng Hoàng đế :* cách nói mỉa mai, ngụ ý Khải Định khi đó đâu còn là Hoàng đế thật mà chỉ là "hình bóng Hoàng đế" mà thôi ; nghĩa tương tự với *vua bù nhìn.*

(17) *Tôn nghiêm :* trang nghiêm, đáng tôn kính.

(18) *Kim thượng :* tiếng dùng chỉ nhà vua đương quyền một cách tôn kính.

(19) *Dự yến :* dự tiệc lớn, thường chỉ tiệc do vua thết đãi.

(20) *Hoàng triều :* triều vua đang trị vì.

(21) *Gắn mề đay :* gắn huân chương (*mề–đay*, phiên âm tiếng Pháp : *médaille*, có nghĩa là huân chương).

(22) *Chính khách :* nhà hoạt động chính trị ít nhiều có tiếng tăm.

(23) *Gông :* vật làm bằng khung gỗ, mà phạm nhân phải đeo vào cổ.

(24) *Thiên sứ :* sứ nhà trời ; ở đây chỉ người có sứ mệnh thiêng liêng.

(25) *Xả thân :* sẵn sàng hi sinh không tiếc thân vì việc nghĩa.

(26) *Khai hóa* (từ cũ) : mở mang văn hóa, rọi ánh sáng văn minh cho một dân tộc lạc hậu dã man (từ dùng thời Pháp thuộc, để tô vẽ cho chủ nghĩa thực dân).

(27) *Cố chấp :* cứ khăng khăng giữ nguyên ý kiến, quan niệm một cách cứng nhắc.

(28) *Nguyễn Bá Trác :* nhà nho, từng tham gia phong trào Đông du, đã sang Nhật, Trung Hoa, sau phản bội, đầu hàng chính quyền thực dân Pháp, viết báo ca ngợi Pháp.

(29) *"Nước đổ lá khoai"* (thành ngữ) : ngụ ý mọi lời khuyên bảo đều vô ích (lá khoai môn trơn không thấm nước, nước đổ lên bị chảy tuột đi ngay).

(30) *Thông ngôn :* người phiên dịch.

(31) *Bình tình :* tình hình.

truongxua.vn

(32) *Lính dõng An Nam :* lính người bản xứ trong quân đội nhà nước thời thuộc Pháp hoặc trong quân đội xâm lược thời kháng chiến chống Pháp.

(33) *Cánh ruồi lướt qua :* tác giả định diễn ý của từ *cười ruồi* là cái cười bí ẩn, thường hàm ý mỉa mai.

(34) *Hội kiến :* gặp nhau thảo luận những vấn đề ít nhiều quan trọng.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Trước hết, hãy đọc kĩ bài văn ; chú ý tìm hiểu kĩ những từ ngữ, câu văn khó hiểu để nắm được một cách chắc chắn nội dung của truyện.

2. Phân tích hình tượng nhân vật Va-ren và làm nổi bật bộ mặt thật của tên chính khách thực dân xảo quyệt, "kẻ phản bội nhục nhã" đó. Đặc biệt, chú ý phân tích giọng lưỡi của Va-ren khi gặp Phan Bội Châu trong nhà tù – cuộc gặp mặt mà tác giả gọi là "những trò lố chính thức của ông Va-ren ". Qua những lời lẽ hùng biện thao thao bất tuyệt của Va-ren, có thể thấy gì về bản chất con người này ?

3. Phân tích nhân vật Phan Bội Châu trong cuộc gặp gỡ với Va-ren. Vì sao Phan "im lặng dửng dưng" hoàn toàn trước hàng tràng lời lẽ của Va-ren ? Mấy chi tiết cuối truyện (lời quả quyết của anh lính dõng và của "nhân chứng thứ hai") nói lên điều gì ? Qua truyện, có thể thấy tình cảm của Nguyễn Ái Quốc đối với Phan Bội Châu như thế nào ?

4. Em có nhận xét gì về những đặc sắc nghệ thuật của truyện ? (Gợi ý : tạo dựng tình huống gặp gỡ độc đáo làm bộc lộ tính cách nhân vật và nổi rõ chủ đề tác phẩm ; cách khắc họa nhân vật đặc sắc ; ngòi bút miêu tả sắc sảo, sinh động – chú ý đoạn miêu tả đường phố Sài Gòn náo nhiệt ; ngôn ngữ tự nhiên, linh hoạt ; các biện pháp trào phúng ...).

Bài 5

thuongmaitr

MUỐN LÀM THẰNG CUỘI[1]

TẢN ĐÀ

Tiểu dẫn

Tản Đà (1889[*] – 1939), tên thật là Nguyễn Khắc Hiếu, quê làng Khê Thượng, nguyên thuộc huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây (nay thuộc huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây), gần núi Tản Viên và ven sông Đà. Là nhà thơ nổi bật nhất trên văn đàn khu vực hợp pháp ba mươi năm đầu thế kỉ XX, Tản Đà có một hồn thơ dồi dào, phóng túng, đầy lãng mạn. Thơ Tản Đà được coi là gạch nối giữa nền thơ cổ điển và nền thơ hiện đại trong văn học Việt Nam. Ngoài thơ, Tản Đà còn sáng tác văn xuôi (truyện, hồi kí, tùy bút, tiểu phẩm, phê bình văn học...) và dịch thơ.

Tác phẩm chính : *Giấc mộng con* (truyện, hai tập), *Khối tình con* (thơ, hai tập), *Thề non nước* (truyện).

Đêm thu buồn lắm chị Hằng[2] ơi !
Trần thế[3] em nay chán nửa rồi.
Cung quế[4] đã ai ngồi đó chửa ?
Cành đa[5] xin chị nhắc lên chơi.
Có bầu có bạn, can chi tủi,
Cùng gió cùng mây, thế mới vui.
Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám,
Tựa nhau trông xuống thế gian[6] cười.

truongxua.vn

(Theo *Tuyển tập Tản Đà*, NXB Văn học, Hà Nội,1986)

Chú giải

(*) Có sách ghi 1888.

(1) *Thằng Cuội :* theo truyền thuyết dân gian, ở trên cung trăng có thằng Cuội.

(2) *Chị Hằng :* tức chị Hằng Nga, chỉ mặt trăng.

(3) *Trần thế :* cõi đời.

(4) *Cung quế :* theo thần thoại Trung Quốc, trên cung trăng có cây quế, do đó, trăng còn được gọi là cung quế.

(5) *Cành đa :* theo thần thoại Trung Quốc và Việt Nam, trên mặt trăng có cây đa, lại có thằng Cuội ngồi gốc cây đa.

(6) *Thế gian :* cõi đời (như *trần gian*), nơi người đời ở.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Qua bài thơ, em thấy vì sao nhà thơ "muốn làm thằng Cuội", muốn lên chơi trên cung trăng với chị Hằng ? Phân tích tâm sự của nhà thơ (chú ý hai câu đầu và hai câu cuối).

2. Nhiều người đã nhận xét xác đáng rằng Tản Đà có một hồn thơ "ngông". Hãy cho biết cái ngông của Tản Đà thể hiện trong bài thơ này như thế nào ? Thử giải thích và đánh giá cái ngông đó.

3. Em có nhận xét gì về sức hấp dẫn nghệ thuật của bài thơ và nêu rõ những yếu tố gì đã tạo nên sức hấp dẫn đó ?

Bài 6

GÁNH NƯỚC ĐÊM

TRẦN TUẤN KHẢI

thuongmaitr

Tiểu dẫn

Trần Tuấn Khải (1895 – 1983), bút danh chính là Á Nam, quê ở làng Quang Xán, huyện Mĩ Lộc, tỉnh Nam Định. Thơ Trần Tuấn Khải thường mang tâm sự thời thế, đất nước, được thể hiện bóng gió và bằng các thể thơ cổ truyền của dân tộc, đương thời đã được truyền tụng rộng rãi.

Tác phẩm chính : các tập thơ *Duyên nợ phù sinh* (hai tập, 1921 và 1923), *Bút quan hoài* (hai tập, 1924 và 1927), *Với sơn hà* (1936)...

Em bước chân ra,
Con đường xa tít,
Non sông mù mịt,
Bên vai kĩu kịt,
Nặng gánh em trở ra về,
Ngoảnh cổ trông sông rộng giời khuya...
Vì chưng nước cạn, nặng nề em dám kêu ai !

Nghĩ tiếc công cho bà Nữ Oa[1] đội đá vá giời,
Con dã tràng[2] lấp bể biết đời nào xong ?
Bước đêm khuya thân gái ngại ngùng,
Nước non gánh nặng,
Cái đức ông chồng hay hỡi có hay ?
Em trở vai này... !

(Theo *Thơ văn Á Nam Trần Tuấn Khải*,
NXB Văn học, Hà Nội 1984)

Chú giải

(1) *Nữ Oa :* theo thần thoại Trung Quốc, là nữ thần khổng lồ đã luyện đá vá trời. Ý nói người làm những việc hết sức lớn lao, phi thường.

(2) *Dã tràng :* động vật giáp xác (như cua) nhỏ, sống ở bãi biển, thường đào lỗ vê cát thành những viên tròn nhỏ, nhưng nước triều lên lại xóa sạch ; *công dã tràng :* công khó nhọc mà không có ích gì, như việc dã tràng xe cát.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

ruongxua.vn

1. Mượn lời người phụ nữ gánh nước đêm than thân, nhà thơ muốn nói bóng gió về thời thế, đất nước. Hãy phân tích hình ảnh người phụ nữ gánh nước cô đơn trong cảnh đường xa, đêm khuya, gánh nặng và tâm sự của cô; qua đó, hãy cho biết tâm sự của nhà thơ trước thời thế, đất nước khi đó.

2. *Gánh nước đêm* – cũng như nhiều bài thơ khác của Trần Tuấn Khải – đã thể hiện tấm lòng yêu nước của tác giả. Em có nhận xét gì về tấm lòng yêu nước đó, mặt tích cực và cả mặt hạn chế ?

3. Em hãy nhận xét những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ.

Bài 7

SỐNG CHẾT MẶC BAY

PHẠM DUY TỐN

Tiểu dẫn

Phạm Duy Tốn (1883 – 1924), quê ở làng Phượng Vũ, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Đông (nay là Hà Tây). Ông viết không nhiều và chỉ viết

truyện ngắn, đáng chú ý nhất là *Sống chết mặc bay, Con người Sở Khanh, Nước đời lắm nỗi*... Ông là cây bút truyện ngắn xuất sắc nhất ở nước ta khoảng ba chục năm đầu thế kỉ XX.

Gần một giờ đêm. Trời mưa tầm tã. Nước sông Nhị Hà lên to quá; khúc đê làng X. thuộc phủ X. xem chừng núng thế[1] lắm ; hai ba đoạn đã thẩm lậu[2] rồi, không khéo thì vỡ mất.

Dân phu kể hàng trăm nghìn con người, từ chiều đến giờ hết sức giữ gìn, kẻ thì thuổng, người thì cuốc, kẻ đội đất, kẻ vác tre, nào đắp, nào cừ[3], bì bõm dưới bùn lầy, ngập quá khuỷu chân ; người nào người ấy, lướt thướt như chuột lột. Tình cảnh trông thật là thảm.

Tùy trống đánh liên thanh, ốc[4] thổi vô hồi[5], tiếng người xao xác gọi nhau sang hộ[6], nhưng xem chừng ai ai cũng đã mệt lử cả rồi. Ấy vậy mà trên trời thời mưa vẫn tầm tã trút xuống, dưới sông thời nước cứ cuồn cuộn bốc lên. Than ôi! Sức người khó lòng địch nổi với sức trời! Thế đê không sao cự lại với thế nước! Lo thay! Nguy thay! Khúc đê này hỏng mất !

Ấy, lũ con dân đang chân lấm tay bùn, trăm lo nghìn sợ, đem thân hèn yếu mà đối sức với mưa to nước lớn, để bảo thủ[7] lấy tính mạng gia tài, thế thời nào quan cha mẹ ở đâu ?

Thưa rằng : Đang ở trong đình kia, cách đó chừng bốn năm trăm thước. Đình ấy cũng ở trên mặt đê, nhưng cao mà vững chãi, dẫu nước to hơn thế nữa, cũng không việc gì.

Trong đình, đèn thắp sáng trưng ; nha lệ[8] lính tráng, kẻ hầu người hạ, đi lại rộn ràng. Trên sập, mới kê ở gian giữa, có một người quan phụ mẫu[9], uy nghi[10] chễm chện ngồi. Tay trái dựa gối xếp, chân phải duỗi thẳng ra, để cho một tên người nhà quỳ ở dưới đất mà gãi. Một tên lính lệ đứng bên, cầm cái quạt lông, chốc chốc sẽ phẩy. Tên nữa đứng khoanh tay, chực hầu điếu đóm. Bên cạnh ngài, mé tay trái, bát yến hấp đường phèn, để trong khay khảm, khói bay nghi ngút, tráp đồi mồi chữ nhật để mở, trong ngăn bạc đầy những trầu vàng, cau đậu, rễ tía, hai bên nào ống thuốc bạc, nào đồng hồ vàng, nào dao chuôi ngà, nào ống vôi chạm, ngoáy tai, ví thuốc, quản bút, tăm bông,

trông mà thích mắt. Chung quanh sập bắc bốn ghế mây, bắt đầu từ phía hữu quan, thì có thầy đề[11], rồi lần lượt đến thầy đội[12] nhất, thầy thông nhì[13], sau hết giáp phía tay tả ngài, thì đến chánh tổng sở tại cùng ngồi hầu bài[14].

Ngoài kia, tuy mưa gió ầm ầm, dân phu rối rít, nhưng trong này xem chừng tĩnh mịch nghiêm trang lắm : trừ quan phụ mẫu ra, mọi người không ai dám to tiếng. So với cái cảnh trăm họ đang vất vả lấm láp, gội gió tắm mưa, như đàn sâu lũ kiến ở trên đê, thời ở trong đình rất là nhàn nhã, đường bệ[15], nguy nga[16] : nào quan ngồi trên, nào nha ngồi dưới, người nhà, lính lệ khoanh tay sắp hàng, nghi vệ[17] tôn nghiêm[18], như thần như thánh. Thỉnh thoảng nghe tiếng quan phụ mẫu gọi : "Điếu, mày" ; tiếng tên lính thưa "Dạ" ; tiếng thầy đề hỏi : "Bẩm, bốc[19]" ; tiếng quan lớn truyền : "Ừ". Kẻ này : "Bát sách[20]! Ăn"; người kia : "Thất văn[21]... Phỗng[22]", lúc mau, lúc khoan, ung dung êm ái, khi cười, khi nói vui vẻ dịu dàng. Thật là tôn kính, xứng đáng với một vì phúc tinh[23].

Ấy đó, quan phụ mẫu cùng với nha lại, đương vui cuộc tổ tôm[24] ở trong đình ấy. Ngài mà còn dở ván bài, hoặc chưa hết hội, thì dầu trời long đất lở, đê vỡ dân trôi, ngài cũng thây kệ.

Ôi ! Trăm hai mươi lá bài đen đỏ, có cái ma lực[25] gì mà đun dủi cho quan mê được như thế ?... Này, này đê vỡ mặc đê, nước sông dầu nguy, không bằng nước bài cao thấp. Đứng trên đê mà đốc kẻ cầm cừ, người đổ đất, lấm nỗi lầm than, sao bằng ngồi trong đình, đã sẵn kẻ bốc nọc, người chia bài, nhiều đường thú vị.

Than ôi ! Cứ như cái cách quan ngồi ung dung như vậy, mà hai bên tả hữu, nha lại nghiêm trang, lính hầu rầm rập, thì đố ai dám bảo rằng : gần đó có sự nguy hiểm to, sắp sinh ra một cảnh nghìn sầu muôn thảm, trừ những kẻ lòng lang dạ thú, còn ai nghĩ đến mà chẳng động tâm[26], thương xót đồng bào huyết mạch[27] !...

Mặc ! Dân, chẳng dân thời chớ ! Con bài ngon há[28] nỡ bỏ hoài ru ! Quan lớn ngài ăn, ngài đánh ; người hầu kẻ dạ, kẻ vâng. Sướng bao nhiêu thích bao nhiêu ! Lúc quan hạ, bài ù[29], ai ai là người chẳng

ngợi khen tấm tắc ! Một nước bài cao, bằng mấy mươi đê lở, ruộng ngập. Vậy mà không hiểu, thời thật là phàm[30] !

Quan lớn ù thông[31]. Người đầu cánh kẻ cuối tay[32] tranh nhau phô bài để quan lớn rõ, rằng : "Mình vào được, nhưng không dám cố ăn kìm[33] !". Rằng : "Mình có đôi, mà không dám phỗng qua mặt !". Hèn chi[34] mà quan chẳng ù luôn! Quan ù, ấy là hạnh phúc !...

Khi đó, ván bài quan đã chờ rồi. Ngài xơi bát yến vừa xong, ngồi khểnh vuốt râu, rung đùi, mắt đang mải trông đĩa nọc[35], bỗng nghe ngoài xa, tiếng kêu vang trời dậy đất. Mọi người đều giật nảy mình, duy quan vẫn điềm nhiên[36], chỉ lăm le chực người ta bốc trúng quân mình chờ mà hạ. Vì ngài sắp ù to.

Có người khẽ nói :

– Bẩm, dễ có khi đê vỡ !

Ngài cau mặt, gắt rằng :

– Mặc kệ !

Rồi ngài xếp bài lại, quay gối dựa sang bên tay phải, nghiêng mình bảo thầy đề lại :

thuongmaitr

– Có ăn không thì bốc chứ !

Thầy đề vội vàng :

– Dạ, bẩm, bốc.

Vừa lúc đó thì tiếng người kêu rầm rĩ, càng nghe càng lớn. Lại có tiếng ào ào như thác chảy xiết ; rồi lại có tiếng gà, chó, trâu, bò kêu vang tứ phía.

Bấy giờ ai nấy ở trong đình, đều nôn nao sợ hãi. Thốt nhiên một người nhà quê, mình mẩy lấm láp, quần áo ướt đẫm, tất tả chạy xông vào thở không ra lời :

– Bẩm... quan lớn... đê vỡ mất rồi !

Quan lớn đỏ mặt tía tai, quay ra quát rằng :

– Đê vỡ rồi !... Đê vỡ rồi, thời ông cách cổ[37] chúng mày, thời ông bỏ tù chúng mày ! Có biết không ?... Lính đâu ? Sao bay dám

để cho nó chạy xồng xộc vào đây như vậy ? Không còn có phép tắc[38] gì nữa, à ?

– Dạ, bẩm...

– Đuổi cổ nó ra !

Ngài quay mặt vào, lại hỏi thầy đề :

– Thầy bốc quân gì thế ?

– Dạ, bẩm, con chưa bốc.

– Thì bốc đi, chứ !

Thầy đề tay run cầm cập, thò vào đĩa nọc, rút ra một con bài, lật ngửa, xướng rằng :

– Chi chi[39] !

Quan lớn vỗ tay xuống sập kêu to :

– Đây rồi !... Thế chứ lại !

Rồi ngài vội vàng xòe bài, miệng vừa cười vừa nói :

– Ừ ! Thông tôm[40], chi chi nẩy[41] !... Điếu, mày !

truongxua.vn

...

Ấy, trong khi quan lớn ù ván bài to như thế, thì khắp mọi nơi miền đó, nước tràn lênh láng, xoáy thành vực sâu, nhà cửa trôi băng, lúa má ngập hết ; kẻ sống không chỗ ở, kẻ chết không nơi chôn, lênh đênh mặt nước, chiếc bóng bơ vơ, tình cảnh thảm sầu, kể sao cho xiết !

Làm ngày tháng Juillet[*] 1918

(Theo tạp chí *Nam Phong*, số 18, tháng 12–1918)

Chú giải

(*) Tháng Bảy.

(1) *Núng thế :* tình thế khó còn đứng vững để chống đỡ được nữa.

(2) *Thẩm lậu :* nước thấm rỉ chảy ra ngoài.

(3) *Cừ :* dãy các tấm gỗ, sắt ghép lại ngăn không cho nước thấm qua hoặc giữ đất đá khỏi sụt lở ; cũng còn có nghĩa là cột đóng dưới nước ; khác với *cừ* là ngòi, lạch nước.

(4) *Ốc :* động vật vỏ cứng và xoắn, sống ở nước hoặc ở cạn ; ở đây là vỏ ốc lớn được dùng thổi kêu to làm hiệu.

(5) *Vô hồi :* nhiều, liên tiếp, không kể hết.

(6) *Sang hộ :* gọi nhau sang hộ đê.

(7) *Bảo thủ :* ở đây có nghĩa là giữ lấy.

(8) *Nha lệ : nha* (*nha lại*, người viên chức làm công việc văn thư ở cửa quan) và *lệ* (lính *lệ*, lính chuyên hầu hạ ở cửa quan).

(9) *Quan phụ mẫu :* cách gọi cung kính đối với quan, coi quan là bậc cha mẹ.

(10) *Uy nghi :* dáng vẻ oai vệ, tôn nghiêm.

(11), (12) *Đề* và *đội : đề* là *đề lại* : viên chức đứng đầu văn phòng các phủ, huyện thời trước ; *đội :* chức vụ quân sự thời Pháp thuộc, tương đương tiểu đội trưởng.

(13) *Thông nhì : thông* là gọi tắt của *thông phán*, viên chức loại trung ở tỉnh, huyện trước đây, *thông nhì :* thông phán loại nhì.

(14) *Hầu bài :* kẻ dưới được ngồi chơi bài với người bề trên.

(15) *Đường bệ :* chững chạc, bệ vệ.

thuongmaitr

(16) *Nguy nga :* to lớn, đẹp đẽ, sang trọng (nói tòa nhà).

(17) *Nghi vệ :* những thứ trang hoàng, bày biện để tăng vẻ tôn nghiêm xung quanh vua quan.

(18) *Tôn nghiêm :* nghiêm trang, đầy tôn kính.

(19) *Bốc* (tiếng dùng riêng trong chơi bài) : lấy cây bài ở phần cỗ bài chung đặt ở đĩa nọc lật xuống một cửa (mỗi người chơi có một cửa thuộc về mình ở bên phải).

(20), (21) *Bát sách* và *Thất văn :* tên hai quân bài tổ tôm.

(22) *Phỗng :* ăn con bài đánh (hoặc bốc) ở cửa nào khi trong tay mình đã có một đôi như thế.

(23) *Phúc tinh :* ngôi sao cứu mạng, giống như *cứu tinh* ; ý nói người cứu thoát khỏi cơn nguy hiểm.

(24) *Tổ tôm :* trò chơi đánh bài lá có 120 quân bài, năm người cùng chơi.

(25) *Ma lực :* sức cám dỗ, lôi cuốn kì lạ, không cưỡng nổi, như là thần bí.

(26) *Động tâm :* cảm thấy xúc động hoặc chạm tự ái.

(27) *Huyết mạch :* mạch máu, dòng máu ; ở đây có nghĩa là tình đồng bào cùng chung dòng máu.

(28) *Há :* không lẽ để như thế (ý khẳng định nhưng nói lối nghi vấn).

(29) *Ù :* thắng ván bài khi bắt được đúng quân bài mình đang chờ.

(30) *Phàm* (từ nay ít dùng) : tầm thường, kém cỏi.

(31) *Ù thông :* ù liền hai ván bài.

(32) *Người đầu cánh, kẻ cuối tay :* người ở gần kề bên này, kẻ ở xa hơn một chút bên kia.

(33) *Vào được, nhưng không dám cố ăn kìm : vào, ăn kìm* là những tiếng dùng riêng trong chơi bài tổ tôm ; ở đây ý nói những người đang cùng chơi tổ tôm vì *sợ* quan hay *chiều* quan nên không dám ăn.

Có đôi mà không dám phỗng qua mặt : đã có đôi quân, đáng lẽ có thể *phỗng* nhưng không dám *phỗng* qua mặt (phỗng quân bài thuộc cửa bên trái người ngồi trước khiến người ngồi trước mất lượt).

(34) *Hèn chi* (từ miền Trung) : thảo nào.

(35) *Đĩa nọc :* đĩa đựng phần cỗ bài chung để những người chơi bài lấy dần cho bài phần mình.

tuongxua.vn

(36) *Điềm nhiên :* dáng vẻ thản nhiên, coi như không biết, không quan tâm có gì đang xảy ra.

(37) *Cách cổ* (khẩu ngữ, cách nói xẵng) : cách chức.

(38) *Phép tắc :* quy tắc, khuôn phép đã quy định.

(39) *Chi chi :* tên một quân bài tổ tôm.

(40), (41) *Thông tôm* và *chi chi nẩy :* những tiếng dùng riêng trong trò chơi tổ tôm.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Phân tích hình tượng "quan phụ mẫu". Thái độ "sống chết mặc bay" của quan được thể hiện như thế nào ?

2. Phân tích hai cảnh tượng đối lập : cảnh đám dân phu hộ đê "tình cảnh trông thật là thảm" và cảnh đê vỡ – với cảnh quan huyện cùng nha lại đang điềm nhiên chơi bài tổ tôm trong đình. Miêu tả nổi bật sự đối lập đó, tác giả muốn nói lên điều gì ? Từ đó, em hãy phát biểu chủ đề của truyện.

3. *Sống chết mặc bay* được coi là một trong những sáng tác mở đầu khuynh hướng văn học hiện thực ở Việt Nam. Theo em, truyện có những đặc điểm gì để chứng tỏ là một sáng tác hiện thực ?

4. Hãy nhận xét về nghệ thuật đặc sắc của truyện (chú ý bút pháp tả thực, với những chi tiết cụ thể chân thực, sinh động, tả nhân vật bằng những chi tiết về diện mạo, dáng điệu, ngôn ngữ nhân vật, chứ tác giả về căn bản không đứng ra thuyết lí, bình luận; câu văn tuy vẫn có chỗ còn dấu vết lối văn biền ngẫu, nhưng nói chung tự nhiên, linh hoạt, gần ngôn ngữ đời sống...).

ĐỌC THÊM

LƯU BIỆT KHI XUẤT DƯƠNG[1]

PHAN BỘI CHÂU

Tiểu dẫn

Bài thơ sáng tác bằng chữ Hán năm 1905, khi tác giả chia tay các đồng chí (trong Hội Duy tân vừa được thành lập) lên đường sang Trung Hoa, rồi Nhật Bản, mở đầu phong trào Đông du, tranh thủ sự giúp đỡ của nước ngoài cho cách mạng trong nước.

thuongmai

Làm trai phải lạ ở trên đời[2],
Há để càn khôn[3] tự chuyển dời[4].
Trong khoảng trăm năm, cần có tớ[5],
Sau này muôn thuở, há không ai ?
Non sông đã chết, sống thêm nhục,
Hiền thánh[6] còn đâu, học cũng hoài[7].
Muốn vượt bể Đông theo cánh gió,
Muôn trùng sóng bạc tiễn ra khơi.

Tôn Quang Phiệt *dịch*
(Theo *Văn thơ Phan Bội Châu*, NXB Giáo dục, 1976)

Chú giải

(1) *Xuất dương :* ra nước ngoài.

(2) *Làm trai phải lạ ở trên đời* : ý nói làm trai phải có sự nghiệp khác thường ở trên đời.

(3) *Càn khôn* : chỉ trời đất, vũ trụ.

(4) Câu thơ này có nghĩa là : chẳng nhẽ cứ để cho trời đất tự chuyển vần hay sao.

(5) Ý của câu này : trong khoảng trăm năm này, cần có ta ; có nghĩa là ta phải chứng tỏ sự có mặt của mình trong cõi đời này, tức phải để lại một sự nghiệp gì trên đời.

(6) *Hiền thánh* (thánh hiền) : danh hiệu người đời gọi các bậc tài đức vượt hẳn lên người thường ; thường dùng gọi người sáng lập Nho giáo : Khổng Tử, Mạnh Tử. Sách do Khổng Tử, Mạnh Tử viết ra được coi là sách kinh điển của thánh hiền mà các thế hệ nhà nho bao đời sau ra sức học tập.

(7) Câu này, nếu dịch sát câu thơ chữ Hán thì có nghĩa là : thánh hiền đã không còn thì đọc mãi (sách thánh hiền) chỉ càng ngu si mà thôi. Câu thơ cho thấy tư tưởng mới mẻ, tiến bộ đặc biệt của nhà nho yêu nước Phan Bội Châu khi đó.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

ruongxua.vn

1. Phân tích bốn câu đầu bài thơ để thấy quan niệm của Phan Bội Châu về chí làm trai, một quan niệm hết sức tích cực, đầy khí phách anh hùng.

2. Phân tích hai câu 5, 6 và nhận xét về tấm lòng yêu nước và tư tưởng tiến bộ đặc biệt của nhà nho Phan Bội Châu.

3. Phân tích hai câu kết. Chú ý giọng thơ và tư thế hăm hở, hào hùng của nhà yêu nước quyết vượt biển Đông ra đi cứu nước.

CHIÊU HỒN NƯỚC[1]

(Trích)

PHẠM TẤT ĐẮC

Tiểu dẫn

Phạm Tất Đắc (1910 – 1935) quê làng Dũng Kim, huyện Lí Nhân, tỉnh Hà Nam. Do tham gia tổ chức truy điệu và hô hào bãi khóa để tang nhà yêu nước Phan Châu Trinh, Phạm Tất Đắc bị đuổi học khỏi trường Bưởi (trường Trung học bảo hộ Hà Nội). Ít lâu sau, ông bị bắt và đưa đi đày vì viết

bài *Chiêu hồn nước* tràn đầy lòng yêu nước. Bài thơ nhanh chóng được truyền bá rộng rãi và gây xúc động mạnh trong giới thanh niên, học sinh khi đó.

Cũng nhà cửa, cũng giang san[2],
Thế mà nước mất nhà tan hỡi trời !
Nghĩ lắm lúc đang cười hóa khóc,
Muốn ra tay ngang dọc, dọc ngang.
Vạch trời thét một tiếng vang,
Cho thân tan với giang san nước nhà !
Đồng bào hỡi con nhà Đại Việt,
Có thân mà chẳng biết liệu đời.
Tháng ngày lần lữa đợi thời,
Ngẩn ngơ ỷ lại ở người, ai thương ?
Nay sóng gió bốn phương càng dữ,
Tính nết xưa còn giữ mãi sao ?
Đồng bào chút giọt máu đào,
Thương ôi ! Tội nghiệp đời nào xót đây ?
Nên mau mau dậy ngay kẻo muộn,
Mà xót thương đến chốn Nhị, Nùng[3].
Xưa kia cũng lắm anh hùng,
Dọc ngang trời đất vẫy vùng bể khơi.
Xưa cũng có lắm người hào kiệt[4],
Trong một tay nắm hết sơn hà[5],
Nghìn thu gương vẫn không nhòa,
Mở mày mở mặt con nhà Lạc Long.
Non sông vẫn non sông gấm vóc,
Cỏ cây xem vẫn mọc tốt tươi,
Người xem cũng dáng con người.
Cũng tai cũng mắt như đời khác chi.
Cảnh như thế, tình thì như thế,
Sống mà chi, sống để làm chi ?
Đời người đến thế còn gì !
Nước non đến thế còn gì nước non !

thuongmaitr

Nghĩ thân thế héo hon tấc dạ,
Trông non sông lã chã dòng châu[6].
Một mình cảnh vắng đêm thâu,
Muốn đem máu đỏ nhuộm màu giang san.

(Theo *Thơ văn yêu nước và cách mạng đầu thế kỉ XX*.
Sách đã dẫn)

Chú giải

(1) *Chiêu hồn :* gọi hồn người chết ; *chiêu hồn nước :* gọi hồn nước trở về.

(2) *Giang san* (giang sơn) : sông núi, ngụ ý non sông đất nước.

(3) *Nhị, Nùng :* sông Nhị (Nhị hà, tức sông Hồng) và núi Nùng (quả núi đất ở trong Hà Nội, kinh đô lâu đời của nước ta); *chốn Nhị, Nùng :* ý nói giang sơn, Tổ quốc.

(4) *Hào kiệt :* xem chú thích (1), tr. 12.

(5) *Sơn hà :* cũng như *giang san*, ngụ ý đất nước.

(6) *Dòng châu :* dòng nước mắt.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Giải thích ý nghĩa của đầu đề bài thơ. Qua đoạn thơ trích, có thể thấy tác giả đã "chiêu hồn nước" như thế nào ?

2. Phân tích tâm sự yêu nước nung nấu của nhà thơ qua đoạn thơ. (Chú ý một loạt câu thơ thể hiện nỗi đau đớn, vò xé, muốn *"Vạch trời thét một tiếng vang..."* hoặc *"Nghĩ thân thế héo hon tấc dạ..., Muốn đem máu đỏ nhuộm màu giang san"*; giọng thơ thống thiết với những cảm thán từ liên tiếp...). Vì sao bài thơ vừa được bí mật in ra đã được phổ biến nhanh chóng và gây xúc động mạnh mẽ trong giới học sinh, sinh viên khi đó ?

ĐỌC THÊM

NHỚ CẢNH CẦU HÀM RỒNG[1]

TẢN ĐÀ

Ai xui ta nhớ Hàm Rồng
Muốn trông chẳng thấy cho lòng khôn khuây.
Từ ta trở lại Sơn Tây
Con đường Nam, Bắc ít ngày vãng lai[2]

Sơn cầu còn đỏ chưa phai ?
Non xanh còn đối(3) sông dài còn sâu ?
Còn thuyền đánh cá buông câu ?
Còn xe lửa chạy trên cầu như xưa ?
Lấy ai viếng cảnh bây giờ
Mà hay cảnh có đợi chờ cùng nhau !
Ước sao sông cứ còn sâu
Non cao còn cứ giữ màu xanh xanh.
Khung cầu còn cứ như tranh(4)
Hỏa xa(5) cứ chạy, bộ hành(6) cứ đi.
Xuân sang cỏ cứ xanh rì
Thuyền ai chài lưới con chì(7) cứ tung.
Sơn Tinh(8), Hà Bá(9) hay cùng
Giữ nguyên phong cảnh Hàm Rồng đợi ta !
Có ngày xe lửa đi qua
Trong xe lại có Tản Đà đứng trông
Lại vui cùng núi cùng sông
Người xưa cảnh cũ tương phùng(10) còn lâu
Nhắn non, nhắn nước, nhắn cầu.

(Theo *Tuyển tập Tản Đà*. Sách đã dẫn)

Chú giải

(1) *Cầu Hàm Rồng :* cầu bắc qua sông Mã, trên quốc lộ số 1, gần thành phố Thanh Hóa.

(2) *Vãng lai :* qua lại.

(3) *Non xanh còn đối :* phía hai đầu cầu Hàm Rồng có hai quả núi nhỏ đối nhau.

(4) *Khung cầu còn cứ như tranh :* cầu Hàm Rồng khi đó có khung hình cong và không có trụ, trông đẹp " như tranh ".

(5) *Hỏa xa :* xe lửa, tàu hỏa.

(6) *Bộ hành :* người đi bộ trên đường.

(7) *Con chì :* những thỏi chì nhỏ móc ở lưới đánh cá.

(8) *Sơn Tinh :* thần núi (trong truyền thuyết *Sơn Tinh, Thủy Tinh*, Sơn Tinh là thần núi Tản Viên).

(9) *Hà Bá :* thần sông.

(10) *Tương phùng :* gặp gỡ nhau.

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Nỗi nhớ cảnh cầu Hàm Rồng của nhà thơ được thể hiện như thế nào? Phong cảnh Hàm Rồng hiện ra trong nỗi nhớ đó như thế nào ?

2. Qua bài thơ, em có nhận xét gì về tấm lòng của nhà thơ đối với cảnh đẹp của non sông đất nước ?

3. Em có nhận xét gì về giọng thơ trữ tình của tác giả trong bài thơ ? Chú ý một loạt câu hỏi và một loạt câu nói lên lòng mong ước thiết tha (*"Ước sao sông cứ còn sâu - Non cao còn cứ... như tranh"*– có một loạt chữ *cứ* lấp đi lấp lại), lời nhắn, hẹn (*Nhắn non, nhắn nước, nhắn cầu*).

Bài 8

NHỚ RỪNG

truongxua.vn

THẾ LỮ

Tiểu dẫn

Thế Lữ (1907 – 1989), tên thật là Nguyễn Thứ Lễ, là nhà thơ có công đầu trong phong trào Thơ mới (1932 – 1945). Với hồn thơ dồi dào, đầy lãng mạn, Thế Lữ đã góp phần đổi mới thơ ca dân tộc và đem lại chiến thắng cho Thơ mới. Ngoài thơ, ông còn viết truyện trinh thám, truyện đường rừng và một số truyện ngắn. Sau Thế Lữ chuyển hẳn sang hoạt động sân khấu và là một trong những người có công đầu của ngành kịch nói ở Việt Nam.

Tác phẩm thơ : *Mấy vần thơ* (1935, in lại có sửa chữa và bổ sung với tên *Mấy vần thơ, tập mới*, 1940). *Nhớ rừng* là bài thơ tiêu biểu, đặc sắc nhất của Thế Lữ. Mượn lời con hổ bị nhốt ở vườn Bách thú[1], tác giả đã thể hiện tâm sự chán ghét thực tại tầm thường, tù túng và niềm khao khát tự do mãnh liệt của một tâm hồn lãng mạn. Bài thơ đã có tiếng vang rộng rãi và ít nhiều có tác dụng khơi dậy tình cảm yêu nước, khao khát độc lập, tự do của người dân Việt Nam sống trong cảnh nô lệ khi đó.

Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt
Ta nằm dài, trông ngày tháng dần qua
Khinh lũ người kia ngạo mạn[2], ngẩn ngơ,
Giương mắt bé giễu oai linh[3] rừng thẳm.
Nay sa cơ[4], bị nhục nhằn tù hãm
Để làm trò lạ mắt, thứ đồ chơi,
Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi
Với cặp báo chuồng bên vô tư lự[5].

Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ
Thuở tung hoành hống hách những ngày xưa.
Nhớ cảnh sơn lâm[6], bóng cả[7], cây già,
Với tiếng gió gào ngàn[8], với giọng nguồn hét núi
Với khi thét khúc trường ca dữ dội,
Ta bước chân lên, dõng dạc, đường hoàng
Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng
Vờn bóng âm thầm, lá gai, cỏ sắc
Trong hang tối, mắt thần khi đã quắc
Là khiến cho mọi vật đều im hơi.
Ta biết ta chúa tể[9] cả muôn loài,
Giữa chốn thảo hoa[10] không tên, không tuổi.

Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan ?
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang sơn[11] ta đổi mới ?
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng ?
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?
– Than ôi ! Thời oanh liệt[12] nay còn đâu?

*

thuongmaitr

Nay ta ôm niềm uất hận[13] ngàn thâu,
Ghét những cảnh không đời nào thay đổi,
Những cảnh sửa sang, tầm thường, giả dối :
Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng ;
Dải nước đen giả suối, chẳng thông dòng
Len dưới nách những mô gò thấp kém ;
Dăm vừng lá hiền lành, không bí hiểm[14],
Cũng học đòi bắt chước vẻ hoang vu[15]
Của chốn ngàn năm cao cả, âm u.

Hỡi oai linh, cảnh nước non hùng vĩ[16] !
Là nơi giống hầm[17] thiêng ta ngự trị[18]
Nơi thênh thang ta vùng vẫy ngày xưa
Nơi ta không còn được thấy bao giờ !
Có biết chăng trong những ngày ngao ngán,
Ta đương theo giấc mộng ngàn[19] to lớn
Để hồn ta phảng phất được gần ngươi,
– Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi !

truongxua.vn

1934

(Theo *Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội,1988)

Chú giải

(1) *Vườn Bách thú :* công viên nuôi nhốt, trưng bày các loại cầm thú quý hiếm.

(2) *Ngạo mạn :* kiêu căng, khinh mạn người khác.

(3) *Oai linh* (hoặc *uy linh*) : sức mạnh linh thiêng.

(4) *Sa cơ :* lâm vào tình cảnh không may.

(5) *Vô tư lự :* không lo nghĩ gì.

(6) *Sơn lâm :* núi rừng.

(7) *Cả :* lớn.

(8) *Ngàn :* rừng.

(9) *Chúa tể :* kẻ ở ngôi chủ, có quyền lực tối cao.

(10) *Thảo hoa :* hoa cỏ, cây cối.

(11) *Giang sơn :* sông núi ; bờ cõi, đất đai thuộc chủ quyền ai đó.

(12) *Oanh liệt :* tiếng tăm lừng lẫy, vang động khắp nơi.

(13) *Uất hận :* nỗi căm giận chất chứa trong lòng không được giải tỏa.

(14) *Bí hiểm :* chứa đựng những cái rất khó hiểu, khó dò ra, mang nguy cơ tai họa.

(15) *Hoang vu :* nơi cây cối mọc tự nhiên như thuở ban sơ.

(16) *Hùng vĩ :* lớn lao, mạnh mẽ (thường nói về cảnh vật).

(17) *Hầm :* hùm (con hổ).

(18) *Ngự trị :* giữ vai trò thống trị, chi phối mọi cái khác.

(19) *Giấc mộng ngàn :* mộng tưởng về chốn núi rừng.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Đọc diễn cảm và học thuộc bài thơ.

2. Tìm hiểu, phân tích tâm trạng con hổ bị nhốt ở vườn Bách thú được thể hiện trong bài thơ. Tâm sự đó của con hổ có gì gần gũi với tâm sự chung của người dân Việt Nam mất nước khi đó ?

3. Phân tích sự đối lập gay gắt giữa cảnh "tầm thường giả dối" ở vườn Bách thú và cảnh sơn lâm hùng vĩ qua sự cảm nhận của con hổ. (Chú ý phân tích đoạn thơ 22 dòng (từ dòng 9 đến dòng 31) là đoạn hay nhất của bài thơ, miêu tả cảnh "nước non hùng vĩ" hiện ra trong " tình thương nỗi nhớ " mãnh liệt, da diết của con hổ).

4. Bài thơ có những đặc sắc gì về mặt hình thức nghệ thuật khiến cho nó có sức truyền cảm đặc biệt đến thế? (*Gợi ý :* sự mãnh liệt của cảm xúc, những đặc sắc về ngôn ngữ với những từ ngữ được sử dụng đích đáng ; giọng thơ sôi nổi da diết và hào hùng; mạch thơ cuồn cuộn ; hình ảnh thơ rực rỡ đầy gợi cảm với những so sánh, ẩn dụ táo bạo đầy nghệ thuật, chẳng hạn : *"Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối – Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan"*, hoặc: *"Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng – Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt – Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật ..."*).

thuongmaitr

Bài 9

ÔNG ĐỒ

VŨ ĐÌNH LIÊN

Tiểu dẫn

Vũ Đình Liên sinh năm 1913 tại Hà Nội. Ông tham gia phong trào Thơ mới từ những ngày đầu với một hồn thơ nhân hậu, giàu tình thương người và mang nặng niềm hoài cổ. Ngoài làm thơ, ông còn nghiên cứu văn học và dạy học. Ông mất ngày 18–1–1996.

ruongxua.vn

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ[1] già
Bày mực tầu[2] giấy đỏ
Bên phố đông người qua.

Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc[3] ngợi khen tài
"Hoa tay[4] thảo[5] những nét
Như phượng múa rồng bay".

Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu ?
Giấy đỏ buồn không thắm ;
Mực đọng trong nghiên[6] sầu...

Ông đồ vẫn ngồi đấy,
Qua đường không ai hay,
Lá vàng rơi trên giấy ;
Ngoài trời mưa bụi bay.

Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa.
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ ?

(Theo *Thi nhân Việt Nam*. Sách đã dẫn)

Chú giải :

(1) *Ông đồ :* người làm nghề dạy học chữ Nho trước đây ; cũng là từ gọi chung người Nho học nhưng không đỗ đạt, làm quan.

(2) *Mực tầu :* thỏi mực đen, mài vào nước để viết chữ Hán, chữ Nôm (hoặc để vẽ) bằng bút lông.

(3) *Tấm tắc :* nói luôn miệng những lời khâm phục, ca ngợi.

(4) *Hoa tay :* những đường vân xoáy tròn ở đầu ngón tay có dạng đặc biệt, được coi là dấu hiệu của tài hoa.

(5) *Thảo :* viết tháu chữ Hán hoặc Nôm ; còn có nghĩa là viết ra thành bài, bản, sau đó có thể còn xem, chữa lại (*thảo bức thư, thảo hịch...*).

(6) *Nghiên :* dụng cụ để mài mực và đựng mực tầu.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

Ông đồ là nhân vật thường gặp trong xã hội Việt Nam xưa. Những nhà nho, nếu không đỗ đạt cao và đi làm quan, thì thường ngồi dạy học, gọi là "ông đồ". Mỗi dịp Tết đến, lại có những ông đồ bày giấy bút trên hè phố viết câu đối thuê, bán... Nhưng sau khi chế độ khoa cử phong kiến bị bãi bỏ, chữ Nho không còn mấy người chuộng, các ông đồ trở thành những kẻ sinh không gặp thời, bị gạt ra ngoài lề xã hội và dần vắng bóng. Khi đó,

ông đồ chỉ còn là *"cái di tích tiều tụy đáng thương của một thời tàn"* – lời của Vũ Đình Liên. Viết bài *Ông đồ*, nhà thơ đã thể hiện niềm cảm thương chân thành trước một lớp người đang tàn tạ, và cũng là nỗi tiếc nhớ những cảnh cũ người xưa.

1. Phân tích so sánh những nét khác nhau của hình ảnh thơ ở khổ hai và khổ bốn, ở khổ đầu và khổ cuối. Sự khác nhau đó làm nổi lên điều gì, gợi cho em cảm xúc thế nào?

2. Phân tích để làm rõ cái hay của những câu sau :

– *Giấy đỏ buồn không thắm ;*
Mực đọng trong nghiên sầu...

– *Lá vàng rơi trên giấy ;*
Ngoài trời mưa bụi bay.

3. Em có nhận xét gì về thể thơ năm chữ được sử dụng trong bài ?

Bài 10

uongxua.vn

QUÊ HƯƠNG

TẾ HANH

Tiểu dẫn

Tế Hanh (sinh 1921) là bút danh của Trần Tế Hanh, quê ở một làng ven biển tỉnh Quảng Ngãi. Quê hương là nguồn cảm hứng lớn trong suốt đời thơ Tế Hanh. Ngay từ những bài thơ đầu tay, Tế Hanh đã viết về làng quê của ông với một tình cảm trong sáng, đằm thắm. Sau Cách mạng, Tế Hanh sáng tác càng dồi dào, nhưng được biết đến nhiều nhất vẫn là những bài viết về quê hương miền Nam yêu thương của nhà thơ.

Tác phẩm chính : *Hoa niên* (1945), *Gửi miền Bắc* (1958), *Tiếng sóng* (1960), *Hai nửa yêu thương* (1963), *Khúc ca mới* (1966), *Đi suốt bài ca* (1970), *Theo nhịp tháng ngày* (1974)...

Chim bay dọc biển đem tin cá (*)

Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới,
Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông.

Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng
Dân trai tráng(1) bơi thuyền đi đánh cá
Chiếc thuyền nhẹ băng như con tuấn mã(2)
Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...

Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ
Khắp dân làng tấp nập đón ghe(3) về
"Nhờ ơn trời, biển lặng cá đầy ghe"
Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.

Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm ;
Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.

Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ
Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi
Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá !

1939

(Theo *Thi nhân Việt Nam*. Sách đã dẫn)

Chú giải

(*) Câu thơ của phụ thân tôi (chú thích của nhà thơ Tế Hanh).

(1) *Trai tráng :* trai trẻ, khỏe mạnh.

(2) *Tuấn mã :* ngựa đẹp, phi nhanh.

(3) *Ghe* (tiếng địa phương miền Nam) : thuyền.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Phân tích đoạn thơ miêu tả cảnh "bơi thuyền đi đánh cá" trong bài thơ (gồm sáu dòng, kể từ dòng thứ ba).

2. Phân tích cái hay của những câu thơ :

Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...

... Dân chài lưới, làn da ngăm rám nắng
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm ;
Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.

3. Hình ảnh làng quê "làm nghề chài lưới" được thể hiện trong bài thơ có những nét gì nổi bật ?

4. Hình ảnh người dân chài và cuộc sống lao động của họ được thể hiện như thế nào trong bài thơ ? Em có nhận xét gì về tình cảm đối với cảnh vật, con người và cuộc sống quê hương của nhà thơ ?

ĐỌC THÊM

SƠN TINH, THỦY TINH

NGUYỄN NHƯỢC PHÁP

uongxua.vn

Tiểu dẫn

Nguyễn Nhược Pháp (1914 – 1938) sinh tại Hà Nội ; ông mất cũng tại Hà Nội. Cuộc đời sáng tác của ông thật ngắn ngủi, nhưng giọng thơ trong trẻo, hóm hỉnh của ông có một ý vị đặc biệt. Ngoài thơ, Nguyễn Nhược Pháp còn viết kịch.

Tác phẩm chính : *Ngày xưa* (tập thơ, 1935).

I

Ngày xưa, khi rừng mây u ám,
Sông núi còn vang um tiếng thần,
Con vua Hùng Vương thứ mười tám,
Mị Nương, xinh như tiên trên trần...

Tóc xanh viền má hây hây đỏ ;
Miệng nàng bé thắm như san hô[1] ;
Tay ngà trắng nõn, hai chân nhỏ ;
Mê nàng, bao nhiêu người làm thơ.

Hùng Vương thường nhìn con yêu quá,
Chắp tay ngẩng lên giời tạ ân ;
Rồi cười bảo xứng ngôi phò mã[2],
Trừ có ai ngang vì thần nhân.

Hay đâu thần tiên đi lấy vợ !
Sơn Tinh, Thủy Tinh lòng tơ vương,
Không quản rừng cao, sông cách trở
Cùng đến Phong Châu[3] xin Mị Nương.

Sơn Tinh có một mắt ở trán
Thủy Tinh râu ria quăn xanh rì.
Một thần phi bạch hổ trên cạn,
Một thần cưỡi lưng rồng uy nghi[4].

Hai thần bên cửa thành thi lễ[5].
Hùng Vương âu yếm nhìn con yêu.
Nhưng có một nàng mà hai rể,
Vua cho rằng thế cũng hơi nhiều !

Thủy Tinh khoe thần có phép lạ ;
Dứt lời, tay hất chòm râu xanh,
Bắt quyết[6] hò mây to nước cả[7],
Dậm chân rung khắp làng gần quanh.

thuongmaitr

Ào ào mưa đổ xuống như thác,
Cây xiêu, cầu gẫy, nước hò reo,
Lăn, cuốn, gầm, lay, tung sóng bạc.
Bò, lợn và cột nhà trôi theo.

Mị Nương ôm Hùng Vương kinh hãi.
Sơn Tinh cười, xin nàng đừng lo ;
Vung tay niệm chú[8] : núi từng dải,
Nhà lớn, đồi con lổm ngổm bò.

Chạy mưa. Vua tùy con kén chọn.
Mị Nương khép nép như cành hoa :
"Con đây phận đào tơ[9] bé mọn,
Nhân duyên[10] cúi để quyền mẹ cha !"

Vua nghĩ lâu hơn bàn việc nước,
Rồi bảo mai lửa hồng nhuốm sương[11],
Lễ vật[12] thần nào mang đến trước.
Vui lòng vua gả nàng Mị Nương.

II

Bình minh má ửng đào phơn phớt.
Ngọc đỏ rung trên đầu lá xanh.
Ngọn liễu chim vàng ca thánh thót.
Ngự giá[13] Hùng Vương lên mặt thành.

Mị Nương bên lầu son tựa cửa,
Rèm ngọc lơ thơ phủ áo hồng.
Cánh nhạn long lanh vờn ánh lửa ;
Mê nàng, chim ngẩn lưng giời đông.

Rừng xanh thả mây đào man mác.
Sơn Tinh ngồi bạch hổ đi đầu,
Mình phủ áo bào hồng ngọc dát,
Tay ghì cương hổ, tay cầm lau.

Theo sau năm chục con voi xám
Hục hặc, lưng cong phủ gấm điều,
Tải bạc, kim cương, vàng lấp loáng,
Sừng tê, ngà voi và sừng hươu.

Hùng Vương trên mặt thành liễu rủ,
Hớn hở thần trông, thoáng nụ cười.
Thần suốt đêm dài sao không ngủ,
Mày ngài, mắt phượng vẫn còn tươi.

Sơn Tinh đến lạy chào bên cửa.
Vua thân ngự[14] đón nàng Mị Nương.
Lầu son nàng ngoái trông lần nữa.
Mi xanh lệ ngọc mờ hơi sương.

Quỳ lạy cha già lên kiệu bạc,
Thương người, thương cảnh xót lòng đau.
Nhìn quanh, khói tỏa buồn man mác.
Nàng kêu: "Phụ vương[15] ôi ! Phong Châu !"

ruongxua.vn

Kiệu nhỏ đưa nàng đi thoăn thoắt,
Hùng Vương mơ, vịn tay bờ thành.
Trông bụi hồng tuôn xa, xa lắc,
Mắt nhòa lệ ngọc ngấn đầm quanh...

Thoảng gió vù vù như gió bể.
Thủy Tinh ngồi trên lưng rồng vàng,
Yên gấm tung dài bay đỏ chóe,
Mình khoác bào xanh da giời quang.

Theo sau cua đỏ và tôm cá,
Chia đội năm mươi hòm ngọc trai,
Khập khiễng bò lê trên đất lạ ;
Trước thành tấp tểnh đi hàng hai.

Hùng Vương mặt rồng[16] chau ủ rũ.
Chân giời còn phảng bóng người yêu.
Thủy Tinh thúc rồng đau kêu rú,
Vừa uất vì thương, vừa bởi kiêu.

Co hết gân, nghiến răng, thần quát :
"Giết, giết Sơn Tinh hả hờn ta !"
Tức thời nước sủi reo như thác ;
Tôm cá quăng ngọc trai mà hoa.

thuongmaitr

III

Sơn Tinh đang kèm theo sau kiệu.
Áo bào phơ phất nụ cười bay.
(Vui chỉ mê ai xinh mới hiểu)
Thần trông kiệu nhỏ hồn thêm say.

Choàng nghe sóng vỗ reo như sấm,
Bạch hổ dừng chân, lùi, vểnh tai.
Mị Nương tung bức rèm đỏ thắm,
Sơn Tinh trông thấy càng dương oai[17].

Sóng cả gầm reo lăn như chớp,
Thủy Tinh cưỡi lưng rồng hung hăng.
Cá voi quác mồm to muốn đớp ;
Cá mập quẫy đuôi cuồng nhe răng.

Càng cua lởm chởm giơ như mác ;
Tôm kềnh chạy quấp đuôi xôn xao,
Sơn Tinh hiểu thần ghen, tức khắc
Niệm chú, đất nẩy vù lên cao.

Hoa tay thần vẫy hùm, voi, báo ;
Đuôi quấp, nhe nanh, giơ vuốt đồng.
Đạp long đất núi, gầm, xông xáo,
Máu vọt phì reo muôn ngấn hồng.

Mây đen hăm hở bay mù mịt,
Sấm ran, sét động nổ lòe xanh.
Tôm cá xưa nay im thin thít,
Mở quác mồm to kêu thất thanh...

Mị Nương kinh hãi ngồi trong kiệu.
Bỗng chợt nàng kêu, mắt lệ nhòa
(Giọng kiêu hay buồn, không ai hiểu,
Nhưng thật dễ thương) : "Ô ! vì ta !"

ruongxua.vn

Thủy Tinh năm năm dâng nước bể,
Đục núi hò reo đòi Mị Nương.
Trần gian(18) đâu có người dai thế,
Cũng bởi thần yêu nên khác thường.

4.1933

(Theo *Ngày xưa*, NXB Văn học, Hà Nội, 1987)

Chú giải

(1) *San hô :* động vật sống dưới biển, có bộ xương đá vôi hình cành hoa, nhiều màu sắc, thường là màu đỏ đẹp.

(2) *Phò mã :* con rể vua.

(3) *Phong Châu :* kinh đô của nước Văn Lang, thời vua Hùng, thuộc tỉnh Phú Thọ ngày nay.

(4) *Uy nghi :* dáng vẻ tôn nghiêm, đầy quyền lực.

(5) *Thi lễ* (từ cũ) *:* chào cung kính theo nghi thức.

(6) *Bắt quyết :* dùng các ngón tay đan vào nhau để làm bùa phép, trấn áp ma quỷ hoặc các lực lượng hung bạo (động tác của các thầy phù thủy, thầy cúng, đạo sĩ...).

(7) *Nước cả :* nước lớn.

(8) *Niệm chú :* đọc lẩm nhẩm những câu thần chú để làm phép lạ.

(9) *Phận đào tơ :* phận gái non trẻ, yếu đuối.

(10) *Nhân duyên :* duyên vợ chồng.

(11) *Lửa hồng nhuốm sương :* ở đây ngụ ý ánh hồng ban mai, tức sáng sớm.

(12) *Lễ vật :* vật để dâng tặng hoặc cúng tế.

(13) *Ngự giá :* xe, kiệu của vua.

(14) *Thân ngự :* đích thân vua làm.

(15) *Phụ vương :* vua cha.

(16) *Mặt rồng :* mặt vua (rồng là con vật linh thiêng, được dùng để chỉ về vua một cách tôn kính : *mặt rồng, ngai rồng*...).

(17) *Dương oai :* tỏ rõ uy lực, uy thế.

(18) *Trần gian :* cõi trần, cõi người.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Đọc diễn cảm một lượt cả bài thơ và cho biết cảm tưởng chung của em sau khi đọc. Em thích những câu thơ nào hơn cả, vì sao ?

2. Nhà phê bình Hoài Thanh nhận xét : *"Đọc thơ Nguyễn Nhược Pháp, lúc nào hình như cũng thoáng thấy bóng một người đương khúc khích cười, đó là nụ cười kín đáo, hiền lành và có duyên"*. Qua bài *Sơn Tinh, Thủy Tinh* em hãy chứng minh nhận xét đó của Hoài Thanh. Chú ý dẫn ra những câu thơ mà em thấy rõ nụ cười đó của tác giả hơn cả.

3. Bài thơ kể về một câu chuyện huyền thoại cổ xưa, nhưng lại có những câu chỉ thích hợp với thời hiện đại (chẳng hạn : *Mê nàng, bao nhiêu người làm thơ*). Phải chăng đó là khuyết điểm của tác giả ?

4. Theo em, sức hấp dẫn nghệ thuật của bài thơ chủ yếu là do những yếu tố gì ? Cách gieo vần trong bài thơ (một vần bằng lại một vần trắc, xen đều nhau) có tác dụng nghệ thuật gì ?

NẮNG MỚI

LƯU TRỌNG LƯ

Tiểu dẫn

Lưu Trọng Lư (1912 – 1991) quê ở huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Ông là một trong những người khởi xướng Thơ mới và là một trong những đại biểu nổi bật của phong trào Thơ mới những năm ba mươi. Sau Cách mạng,

thuongmaitr

ông tiếp tục làm thơ, viết truyện, kịch thơ... phục vụ cách mạng và kháng chiến.

Tác phẩm chính trước Cách mạng : *Người sơn nhân* (truyện, 1933), *Tiếng thu* (tập thơ, 1939), *Chiếc cáng xanh* (truyện, 1941)... ; sau Cách mạng : *Tỏa sáng đôi bờ* (tập thơ, 1959), *Người con gái sông Gianh* (tập thơ, 1966), *Tuổi hai mươi* (kịch thơ, 1973)...

Bài thơ *Nắng mới* in lần đầu trên tờ *Hà Nội báo* năm 1936, sau in trong tập thơ *Tiếng thu* (1939).

Mỗi lần nắng mới hắt bên song
Xao xác gà trưa gáy não nùng ;
Lòng rượi buồn theo thời dĩ vãng,
Chập chờn sống lại những ngày không.

Tôi nhớ Me tôi thuở thiếu thời[1],
Lúc Người còn sống, tôi lên mười ;
Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội[2],
Áo đỏ Người đưa trước giậu phơi.

truongxua.vn

Hình dáng Me tôi chửa xóa mờ
Hãy còn mường tượng[3] lúc vào ra :
Nét cười đen nhánh sau tay áo
Trong ánh trưa hè, trước giậu thưa.

(Theo *Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học. Sách đã dẫn)

Chú giải

(1) *Thiếu thời :* thời còn ở tuổi thiếu niên.

(2) *Nội :* đồng, đồng bãi (ví dụ : *nội cỏ*).

(3) *Mường tượng :* nhớ lại, tưởng tượng, hình dung ra.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Phân tích hình ảnh người mẹ đầy yêu thương hiện ra trong nỗi nhớ và gắn liền với kỉ niệm về tuổi thơ của tác giả.

2. Một nhà phê bình nhận xét : *"Lưu Trọng Lư có một tâm hồn sầu mộng"*. Qua bài *Nắng mới*, em hãy chứng minh nhận xét đó.

MÙA XUÂN CHÍN[1]

HÀN MẶC TỬ

Tiểu dẫn

Hàn Mặc Tử (1912 – 1940) tên thật là Nguyễn Trọng Trí, quê ở Đồng Hới (Quảng Bình), nhưng chủ yếu sống ở Quy Nhơn (Bình Định), mất cũng ở Quy Nhơn, do bệnh phong. Ông là một trong những tên tuổi nổi bật của phong trào Thơ mới, với một hồn thơ mãnh liệt, đau thương và kì dị. *Mùa xuân chín, Đây thôn Vĩ Dạ, Tình quê*... là những bài thơ đầy thơ mộng viết về cảnh quê, tình quê của Hàn Mặc Tử.

Tác phẩm chính đã xuất bản : *Gái quê* (tập thơ, 1936), *Thơ Hàn Mặc Tử* (1942).

Trong làn nắng ửng : khói mơ tan,
Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng.
Sột soạt gió trêu tà áo biếc,
Trên giàn thiên lí[2]. Bóng xuân sang.

Sóng cỏ[3] xanh tươi gợn tới trời.
Bao cô thôn nữ[4] hát trên đồi ;
– Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi...

Tiếng ca vắt vẻo lưng chừng núi,
Hổn hển như lời của nước mây...
Thầm thĩ [5] với ai ngồi dưới trúc,
Nghe ra ý vị và thơ ngây...

Khách xa gặp lúc mùa xuân chín,
Lòng trí bâng khuâng sực nhớ làng.
– Chị ấy năm nay còn gánh thóc
Dọc bờ sông trắng nắng chang chang ?

(Theo *Thi nhân Việt Nam*. Sách đã dẫn)

Chú giải

(1) *Mùa xuân chín* : có thể hiểu là mùa xuân đang độ chín, tức là đậm vẻ xuân nhất.

thuongmaitr

(2) *Thiên lí :* một loại cây leo, có hoa nhỏ màu vàng lục, mùi thơm nhẹ, thường được trồng thành giàn để lấy bóng râm mát. Hoa có thể nấu canh ăn được.

(3) *Sóng cỏ :* bãi cỏ xanh rợn, rập rờn như sóng.

(4) *Thôn nữ :* cô gái quê.

(5) *Thầm thĩ* (từ nay ít dùng) : thầm thì, thiết tha.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Đọc diễn cảm một lượt bài thơ và cho biết cảm nhận chung, ấn tượng đậm nhất của em về bài thơ. Em cảm thấy thích những câu thơ nào nhất ? Vì sao ?

2. Bài thơ là một bức tranh mùa xuân nơi thôn dã, tất cả đều đậm vẻ xuân, xuân trong cảnh vật và xuân trong lòng người. Em hãy phân tích các chi tiết thơ để làm sáng tỏ nhận xét đó.

3. Em có cảm nhận gì về hai câu thơ cuối cùng ? (chú ý hình ảnh "chị ấy" gánh thóc dọc bờ sông nắng và âm hưởng đầy gợi cảm của câu cuối cùng, tạo nên bởi một loại điệp âm : sông *trắng nắng chang chang*).

ruongxua.vn

4. Nhận xét của em về những nét đặc sắc nghệ thuật nổi bật của bài thơ.

CHỢ TẾT

ĐOÀN VĂN CỪ

Tiểu dẫn

Đoàn Văn Cừ (sinh năm 1913) ở làng Đô Quan, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Trước Cách mạng, ông chỉ có mấy bài đăng báo nhưng đã chứng tỏ là một cây bút thơ chuyên thể hiện những cảnh sắc độc đáo của thôn quê, nhất là những cảnh hội hè, đình đám. Thơ Đoàn Văn Cừ thường "đầy rẫy sự sống và rộn rịp những hình sắc tươi vui" (*Thi nhân Việt Nam*, 1942).

Sau Cách mạng, Đoàn Văn Cừ gia nhập quân đội, tiếp tục sáng tác phục vụ kháng chiến và ca ngợi quê hương đổi mới.

Dải mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi,
Sương hồng lam ôm ấp nóc nhà gianh,
Trên con đường viền trắng mép đồi xanh,
Người các ấp[1] tưng bừng ra chợ Tết.
Họ vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc ;
Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon,
Vài cụ già chống gậy bước lom khom,
Cô yếm thắm che môi cười lặng lẽ,
Thằng em bé nép đầu bên yếm mẹ.
Hai người thôn gánh lợn chạy đi đầu,
Con bò vàng ngộ nghĩnh đuổi theo sau.
Sương trắng rỏ đầu cành như giọt sữa,
Tia nắng tía nháy hoài trong ruộng lúa,
Núi uốn mình trong chiếc áo the[2] xanh,
Đồi thoa son nằm dưới ánh bình minh[3].

Người mua bán ra vào đầy cổng chợ
Con trâu đứng vờ dim hai mắt ngủ,
Để lắng nghe người khách nói bô bô.
Anh hàng tranh kĩu kịt quảy đôi bồ,
Tìm đến chỗ đông người ngồi giở bán.
Một thầy khóa[4] gò lưng trên cánh phản,
Tay mài nghiên[5] hí hoáy viết thơ xuân.
Cụ đồ nho[6] dừng lại vuốt râu cằm,
Miệng nhẩm đọc vài hàng câu đối đỏ.
Bà cụ lão bán hàng bên miếu[7] cổ,
Nước thời gian gội tóc trắng phau phau.
Chú hoa man[8] đầu chít chiếc khăn nâu,
Ngồi xếp lại đống vàng[9] trên mặt chiếu.
Áo cụ lí[10] bị người chen sấn kéo,
Khăn trên đầu đương chít cũng tung ra.
Lũ trẻ con mải ngắm bức tranh gà
Quên cả chị bên đường đang đứng gọi.
Mấy cô gái ôm nhau cười rũ rượi,
Cạnh anh chàng bán pháo dưới cây đa,

thuongmaitr

Những mẹt cam đỏ chót tựa son pha,
Thúng gạo nếp đong đầy như núi tuyết,
Con gà sống mào thâm như cục tiết,
Một người mua cầm cẳng dốc lên xem.

Chợ tưng bừng như thế đến gần đêm.
Khi chuông tối bên chùa văng vẳng đánh,
Trên con đường đi các làng hẻo lánh,
Những người quê lũ lượt trở ra về.
Ánh dương[11] vàng trên cỏ kéo lê thê,
Lá đa rụng tơi bời quanh quán chợ.

(Theo *Thi nhân Việt Nam*. Sách đã dẫn)

Chú giải

(1) *Ấp :* làng, xóm nhỏ được lập nên do mới khai khẩn. *Ấp* còn có nghĩa là xóm ở biệt lập nơi xa.

(2) *The :* hàng dệt bằng sợi tơ nhỏ, mặt thưa, mỏng, thường dùng để may áo dài.

(3) *Bình minh :* lúc hửng sáng, khi mặt trời sắp mọc.

truongxua.vn

(4) *Thầy khóa :* gọi người học chữ Nho đã đỗ kì sát hạch ở địa phương trước đây ; cũng còn dùng gọi người học chữ Nho mà chưa đỗ đạt nói chung.

(5) *Nghiên :* xem chú giải (6) bài *Ông đồ*.

(6) *Đồ nho :* người dạy học chữ Nho ; người (lớn tuổi) theo học chữ Nho.

(7) *Miếu :* nơi thờ thần (hoặc thờ nhân vật đã thần linh hóa).

(8) *Hoa man :* người làm hàng mã.

(9) *Vàng :* ở đây là vàng mã ; vàng làm bằng giấy để cúng.

(10) *Lí* (gọi tắt) : lí trưởng, người đứng đầu chính quyền của làng trước đây.

(11) *Ánh dương :* ánh sáng mặt trời.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Đọc một lượt cả bài thơ và hãy cho biết cảm nhận chung về bức tranh phiên chợ Tết ở làng quê được vẽ ra trong bài thơ. Tác giả cuốn *Thi nhân Việt Nam* (1942) có nhận xét rằng nhà thơ đồng quê Đoàn Văn Cừ

"có ngòi bút dồi dào và rực rỡ", thơ ông *"đầy rẫy sự sống và rộn rịp những hình sắc tươi vui"*. Qua bài *Chợ Tết*, em hãy chứng minh nhận xét đó.

2. Em thích những câu thơ nào hơn cả trong bài thơ và cho biết vì sao?

3. Hãy phân tích cái hay của đoạn thơ :

Sương trắng rỏ đầu cành như giọt sữa,
Tia nắng tía nháy hoài trong ruộng lúa,
Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh,
Đồi thoa son nằm dưới ánh bình minh ;

và hai câu : *Bà cụ lão bán hàng bên miếu cổ,*
Nước thời gian gội tóc trắng phau phau.

4. Em có nhận xét gì về hai câu kết thúc bài thơ :

Ánh dương vàng trên cỏ kéo lê thê,
Lá đa rụng tơi bời quanh quán chợ.

Bài 11

GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA

thuongmaitr

THẠCH LAM

Tiểu dẫn

Thạch Lam (1910 – 1942), tên thật là Nguyễn Tường Vinh, sau đổi là Nguyễn Tường Lân, sinh ở Hà Nội, sống và sáng tác chủ yếu ở Hà Nội. Thạch Lam sở trường về truyện ngắn; truyện ngắn Thạch Lam giàu chất thơ và thường thấm đượm niềm cảm thương chân thành đối với những kiếp người bất hạnh.

Tác phẩm chính : các tập truyện ngắn *Gió đầu mùa* (1937), *Nắng trong vườn* (1938), *Sợi tóc* (1942) ; tập tùy bút *Hà Nội băm sáu phố phường* (1943) ; tập tiểu luận, phê bình văn học *Theo dòng* (1941).

Truyện ngắn *Gió lạnh đầu mùa* được in trong tập *Gió đầu mùa* (1937).

Buổi sáng hôm nay, mùa đông đột nhiên đến không báo cho biết trước. Vừa mới ngày hôm qua trời hãy còn nắng ấm và hanh,

cái nắng về cuối tháng mười làm nứt nẻ đồng ruộng, và làm giòn khô những chiếc lá rơi ; Sơn và chị chơi cỏ gà ở ngoài đồng còn thấy nóng bức, chảy mồ hôi.

Thế mà qua một đêm mưa rào[1], trời bỗng đổi ra gió bấc[2] rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt. Sơn tung chăn tỉnh dậy, nhưng không bước xuống giường ngay như mọi khi, còn ngồi thu tay vào trong bọc, bên cạnh đứa em bé vẫn nằm tay ngủ kĩ. Chị Sơn và mẹ Sơn đã trở dậy, đang ngồi quạt hỏa lò[3] để pha nước chè uống. Sơn nhận thấy mọi người đã mặc áo rét cả rồi.

Nhìn ra ngoài sân, Sơn thấy đất khô trắng, luôn luôn cơn gió vi vu làm bốc lên những lần bụi nhỏ, thổi lăn những cái lá khô lạo xạo. Trời không u ám, toàn một màu trắng đục. Những cây lan trong chậu, lá rung động và hình như sắt lại[4] vì rét.

Sơn cũng thấy lạnh, vội vơ lấy cái chăn trùm lên đầu rồi cất tiếng gọi. Mẹ Sơn nghe thấy, đặt chén nước chè xuống, bảo chị Lan :

uongxua.vn

– Con vào buồng lấy thúng áo ra, mẹ mặc cho em đi.

Rồi quay lại bảo Sơn :

– Con sang đây mà ngồi cho ấm. Bước khéo để cho em bé ngủ.

Sơn kéo chăn lên đắp cho em, rồi co ro đứng dậy sang phản bên này, ngồi xếp bằng bên khay nước. Mẹ Sơn rót một chén. Sơn cầm lấy chén nóng áp vào mặt, vào má cho ấm rồi để mắt vào miệng chén cho hơi bốc lên. Bà Sơn thường vẫn bảo làm thế chóng tỉnh mắt.

Người vú già[5] xù xù cái áo bông cánh[6] rách, xách siêu nước từ dưới nhà lên, vừa xuýt xoa vừa nói :

– Rét quá, múc nước cóng cả tay.

Vú giơ tay hơ trên hỏa lò. Mẹ Sơn hỏi :

– Năm nay rét sớm hơn mọi năm vú nhỉ ?

Người vú già ra vẻ nhớ lại, đáp :

– Cũng chả bằng cái năm mợ đi cân gạo[7] bên sông. Gớm, mới rét làm sao ! Sáng tôi dậy bà sai đi chợ, cứ run cầm cập.

Sơn cũng nhớ cái rét năm ấy rõ rệt lắm, như mới đây thôi, buổi sớm hôm ấy, mẹ Sơn cũng ngồi uống nước chè như sáng hôm nay và cũng lấy áo rét ra mặc. Chị Lan từ trong buồng đi ra, khệ nệ ôm cái thúng quần áo đặt lên đầu phản. Mẹ Sơn lật cái vỉ buồm[8], lục đống quần áo rét. Sơn nhận ra cũng những cái áo Sơn đã mặc năm ngoái, năm kia, một cái áo vệ sinh màu nâu sẫm với cái áo dạ khâu chỉ đỏ. Sơn cầm giơ những cái áo lên, thấy mát lạnh cả tay. Từ bộ quần áo thoảng ra hơi mốc của vải gấp lâu trong hòm, làm Sơn nhớ lại những buổi đầu mùa rét từ bao giờ, lâu lắm, ngày Sơn còn nhỏ.

Mẹ Sơn giơ lên một cái áo bông cánh đã cũ nhưng còn lành lặn, nói :

– Đây là cái áo của cô Duyên đây.

Duyên là đứa em gái bé của Sơn, chết từ năm lên bốn tuổi. Mẹ Sơn nhắc đến làm Sơn nhớ em, cảm động và thương em quá.

thuongmaitr

Vú già là người đã nuôi Duyên từ lúc mới đẻ, với lấy cái áo lật đi lật lại ngắm nghía, tay mân mê các đường chỉ :

– Giá bây giờ em nó còn cũng chả mặc được.

Mẹ Sơn yên lặng không nói gì, Sơn thấy mẹ hơi rơm rớm nước mắt.

*

* *

Sơn đã mặc xong áo ấm áp, cả cái áo dạ chỉ đỏ lẫn áo vệ sinh, ngoài lại mặc phủ cái áo vải thâm. Sơn đứng trên giường trước mặt mẹ, đã quay đi quay lại bốn lần để mẹ Sơn ngắm áo.

Sau cùng, mẹ Sơn vuốt các tà áo cho phẳng phiu, rồi đẩy Sơn ra, bảo :

– Thôi, con đi chơi.

Sơn xúng xính rủ chị ra chợ chơi. Nhà Sơn ở quay lưng vào chợ, cạnh một dãy nhà lá của những người nghèo khổ mà Sơn quen biết cả, vì họ vẫn vào vay mượn ở nhà Sơn. Sơn biết lũ trẻ con gia đình ấy chắc bây giờ đang đợi mình ở cuối chợ để đánh khăng, đánh đáo.

ruongxua.vn

Không phải ngày phiên, nên chợ vắng không. Mấy cái quán chơ vơ lộng gió, rác bẩn rải rác lẫn với lá rụng của cây đề. Gió thổi mạnh làm Sơn thấy lạnh và cay mắt. Nhưng chân trời trong hơn mọi hôm, những làng ở xa Sơn thấy rõ như gần. Mặt đất rắn lại và nứt nẻ những đường nho nhỏ kêu vang lên tanh tanh dưới nhịp guốc của hai chị em.

Đến cuối chợ đã thấy lũ trẻ đang quây quần chơi nghịch. Chúng nó thấy chị em Sơn đến đều lộ vẻ vui mừng, nhưng chúng vẫn đứng xa, không dám vồ vập. Chúng như biết cái phận nghèo hèn của chúng vậy, tuy Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa với lũ trẻ chứ không kiêu kì[9] và khinh khỉnh[10] như các em họ của Sơn.

Thằng Cúc, thằng Xuân, con Tí, con Túc sán gần giương mắt ngắm bộ quần áo mới của Sơn. Sơn nhận thấy chúng ăn mặc không khác ngày thường, vẫn những bộ quần áo nâu bạc đã rách vá nhiều chỗ. Nhưng hôm nay, môi chúng nó tím lại, và qua những chỗ áo

rách, da thịt thâm đi, mỗi cơn gió đến, chúng nó lại run lên, hai hàm răng đập vào nhau.

Thằng Xuân đến mó vào chiếc áo của Sơn, nó chưa thấy cái áo như thế bao giờ. Sơn lật vạt áo thâm, chìa áo vệ sinh và áo dạ cho cả bọn xem. Một đứa tặc lưỡi, nói :

– Cái áo này mặc thì nóng lắm. Chắc mua phải đến một đồng bạc chứ không ít, chúng mày nhỉ ?

Đứa khác nói :

– Ngày trước thầy tao cũng có một cái áo như thế về sau bán cho ông Lí mất.

Con Cúc ngây ngô giương mắt lên hỏi Sơn :

– Cái này cậu mua tận Hà Nội phải không ?

Sơn ưỡn ngực đáp :

– Hà Nội, chứ ở đây làm gì có. Mẹ tôi còn hẹn mua cho tôi một cái áo nhiều tiền hơn nữa kia.

Chị Lan bỗng giơ tay vẫy một con bé từ nãy vẫn đứng dựa vào cột quán, chị Lan gọi :

thuongmaitr

– Sao không lại đây, Hiên ? Lại đây chơi với tôi.

Hiên là đứa con gái bên hàng xóm, bạn chơi với Lan và Duyên. Sơn thấy chị gọi nó không lại, bước đến gần, trông thấy con bé co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay. Chị Lan cũng đến hỏi :

– Sao áo của mày rách thế Hiên ? Áo lành đâu không mặc ?

Con bé bịu xịu[11] nói :

– Hết áo rồi, chỉ còn cái áo này.

– Sao không bảo u mày may cho ?

Sơn bấy giờ mới chợt nhớ ra là mẹ cái Hiên rất nghèo, chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc thì còn lấy đâu ra tiền mà sắm áo cho con nữa. Sơn thấy động lòng thương cũng như ban sáng Sơn đã nhớ thương đến em Duyên ngày trước vẫn cùng chơi với Hiên đùa nghịch ở vườn nhà. Một ý nghĩ tốt thoảng qua trong trí, Sơn lại gần chị thì thầm :

– Hay là chúng ta đem cho nó cái áo bông cũ, chị ạ.

– Ừ khá đấy. Để chị về lấy.

Với lòng ngây thơ của tuổi trẻ, chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy áo. Sơn đứng lặng yên đợi, trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui.

*

*   *

Nhưng cái vui của Sơn không được bao lâu. Bữa cơm về tới nhà, Sơn không thấy mẹ đâu cả, hỏi vú già :

– Mợ tôi đâu hả vú ?

– Chị Lan và cậu cứ ăn cơm trước đi. Mợ cậu ăn cỗ đến trưa mới về.

Rồi vú già nhìn rõ vào mặt Sơn hỏi :

– Có phải cậu đem cho con Hiên cái áo bông cũ phải không ?

Sơn ngạc nhiên đáp :

– Phải, nhưng sao vú biết ?

tuongxua.vn

– Con Sinh nó nói với tôi đấy (Sinh là đứa em họ Sơn, vẫn hay nói hỗn với u già, nên vú ấy ghét). Nó lại còn bảo hễ mợ về, nó sẽ sang mách mợ cho cậu phải đòn.

Sơn lo quá, sắp ăn, bỏ đũa đứng dậy, van :

– Thế bây giờ làm thế nào, hở vú ? Mợ tôi biết thì chết.

– Ai bảo cậu dại dột đem cho nó áo ? Bây giờ cậu sang bảo cái Hiên trả lại thì không việc gì.

Sơn vội vàng đi ra chợ tìm Hiên nhưng không thấy con bé ở đó. Đến nhà cũng không thấy ai, mẹ nó cũng không có nhà. Hai chị em lo sợ đi ra cánh đồng tìm cũng không gặp. Gần đến buổi chiều, Sơn và chị chưa đòi được áo.

Lan trách em :

– Sao em lại nghĩ đem cho nó áo ấy, có phải bây giờ mẹ mắng chết không.

– Ai bảo chị về lấy. Nếu chị không về lấy thì em biết đâu.

Chị Lan dấu dịu :

– Thôi, bây giờ phải về nhà vậy, chứ biết làm thế nào !

– Nhưng mà em sợ lắm.

Chị Lan thở dài, nắm chặt lấy tay em, an ủi :

– Đằng nào cũng phải về cơ mà. May ra có lẽ mẹ không mắng đâu.

Hai chị em lo lắng dắt nhau lên về nhà. Đến cửa Sơn nghe thấy tiếng mẹ nói ở trong với tiếng một người đàn bà khác nữa, nghe quen quen. Lan dắt tay Sơn khép nép[12] bước vào : Hai chị em ngạc nhiên đứng sững ra khi thấy mẹ con Hiên đang ngồi ở cái ghế con, trên đất trước mặt mẹ, tay cầm chiếc áo bông cũ.

Thấy hai con về, mẹ Sơn ngửng lên nhìn rồi nghiêm nghị bảo :

– Kìa, hai cô cậu đã về kia. Thế áo bông của tôi đâu mà tự tiện đem cho đấy ?

Sơn sợ hãi, cúi đầu lặng im, nép vào sau lưng chị. Bác Hiên vừa cười vừa nói :

thuongmaitr

– Tôi về thấy cháu nó mặc cái áo bông, tôi hỏi ngay. Nó bảo của cậu Sơn cho nó. Tôi biết cậu ở đây đùa, nên tôi phải vội vàng đem lại đây trả mợ. Thôi, bây giờ xin phép mợ tôi về.

Mẹ Sơn hỏi :

– Con Hiên nó không có áo à ?

– Bẩm nhà cháu độ này khổ lắm, chẳng để dành ra được đồng nào may áo cho con cả, thành thử vẫn cái áo từ năm ngoái nó mặc mãi.

Mẹ Sơn với cái âu đồng[13] lấy tiền đưa cho bác Hiên :

– Đây tôi cho bác mượn năm hào cầm về nhà may áo cho con.

Khi bác Hiên bước ra khỏi cửa, mẹ Sơn vẫy hai con lại gần, rồi âu yếm ôm con vào lòng mà bảo :

– Hai con tôi quý quá, dám tự do lấy áo đem cho người ta không sợ mẹ mắng ư ?

(Theo *Tuyển tập Thạch Lam*, NXB Văn học, Hà Nội,1988)

Chú giải

(1) *Mưa rào :* mưa hạt to và nhiều nhưng mau tạnh.

(2) *Gió bấc :* gió mùa lạnh ở miền Bắc, thổi từ hướng đông bắc.

(3) *Hỏa lò :* lò than nhỏ.

(4) *Sắt lại :* khô se, rắn lại.

(5) *Vú già* (từ cũ) : người đàn bà đã nhiều tuổi đi ở.

(6) *Áo cánh :* áo ngắn, cổ đứng hoặc viền, xẻ tà, thường có hai túi dưới. *Áo bông cánh* : áo bông ngắn.

(7) *Cân gạo :* ở đây có nghĩa là đong gạo (để buôn).

(8) *Vỉ buồm :* tấm cói đan dùng để đậy (hoặc lót) thúng, rổ.

(9) *Kiêu kì :* làm ra vẻ trên người, khác người.

(10) *Khinh khỉnh :* tỏ vẻ khinh miệt, không thèm để ý đến người khác.

(11) *Bịu xịu* (từ nay ít dùng) : vẻ mặt, cách nói năng có ý hờn tủi.

(12) *Khép nép :* dáng điệu thu người nhỏ lại, thường vì kính sợ.

(13) *Âu đồng :* cái *âu* (đồ dùng miệng rộng, thành hơi phình ra, thường để đựng trầu cau) bằng đồng. *Âu* cũng có thể bằng sành, sứ, thường để đựng cơm, thức ăn.

uongxua.vn

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Cảnh thiên nhiên lúc chuyển mùa và cảnh sinh hoạt trong gia đình một buổi sớm trời trở lạnh được miêu tả như thế nào ? (*Gợi ý* : đọc kĩ đoạn đầu – truyện có ba đoạn được ngắt rõ rệt, chú ý sự quan sát, cảm nhận và diễn tả chính xác, tinh tế, rất gợi không khí của tác giả về một buổi sớm có "gió lạnh đầu mùa").

2. Phân tích hình ảnh những đứa trẻ nghèo xóm chợ phải chịu rét khi trời trở lạnh và nỗi băn khoăn, ái ngại của chị em Sơn đối với chúng.

3. Phân tích diễn biến tâm trạng của chị em Sơn xung quanh việc tự ý lấy áo của em đem cho đứa bạn nghèo đang chịu rét. Vì sao mẹ Sơn không mắng mà lại âu yếm ôm các con vào lòng? Em có nhận xét gì về mẹ Sơn và hai chị em Sơn trong việc này ?

4. Em thấy ngòi bút miêu tả tâm lí trẻ em của tác giả có gì đặc sắc ?

ĐỌC THÊM

TÔI ĐI HỌC

THANH TỊNH

Tiểu dẫn

Thanh Tịnh (1911-1988), tên thật là Trần Văn Ninh, sinh ở Huế. Trước Cách mạng ông vừa làm thơ, vừa viết truyện và viết báo. Truyện ngắn của Thanh Tịnh trước Cách mạng (tập hợp trong tập *Quê mẹ*, 1941) thường man mác chất thơ, gần với truyện ngắn của Thạch Lam.

Tác phẩm chính trước Cách mạng : các tập truyện ngắn *Quê mẹ* (1941), *Chị và em* (1942), *Ngậm ngải tìm trầm* (1943), *Xuân và Sinh* (1944) ; tập thơ *Hận chiến trường* (1937) ; sau Cách mạng : tập thơ *Sức mồ hôi* (1954), *Những giọt nước biển* (1956), truyện thơ *Đi từ giữa một mùa sen* (1973)...

Truyện ngắn *Tôi đi học* in trong tập truyện ngắn *Quê mẹ* (1941) của tác giả.

thuongmaitr

Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường[1].

Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.

Những ý tưởng ấy tôi chưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết. Nhưng mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đi đến trường, lòng tôi lại tưng bừng rộn rã. Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và đầy gió lạnh. Mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tôi tự nhiên thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn : hôm nay tôi đi học.

Tôi không lội qua sông thả diều như thằng Quý và không đi ra đồng nô đùa như thằng Sơn nữa.

Trong chiếc áo vải dù đen dài tôi cảm thấy mình trang trọng và đứng đắn. Dọc đường thấy mấy cậu nhỏ trạc bằng tuổi tôi áo quần tươm tất, nhí nhảnh gọi tên nhau hay trao sách vở cho nhau xem mà tôi thèm. Hai quyển vở mới đang ở trên tay tôi đã bắt đầu thấy nặng. Tôi bặm tay ghì thật chặt, nhưng một quyển vở cũng xệch ra và chênh đầu chúi xuống đất. Tôi xóc lên và nắm lại cẩn thận. Mấy cậu đi trước ôm sách vở nhiều lại kèm cả bút thước nữa. Nhưng mấy cậu không để lộ vẻ khó khăn gì hết.

Tôi muốn thử sức mình nên nhìn mẹ tôi :

– Mẹ đưa bút thước cho con cầm.

Mẹ tôi cúi đầu nhìn tôi với cặp mắt thật âu yếm :

– Thôi để mẹ cầm cũng được.

Tôi có ngay cái ý nghĩ vừa non nớt vừa ngây thơ này : chắc chỉ người thạo mới cầm nổi bút thước.

Ý nghĩ ấy thoáng qua trong trí tôi nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi.

uongxua.vn

Trước sân trường làng Mĩ Lí dầy đặc cả người. Người nào áo quần cũng sạch sẽ, gương mặt cũng vui tươi và sáng sủa.

Trước đó mấy hôm, lúc đi ngang qua làng Hòa An bẫy chim quyên với thằng Minh, tôi có ghé lại trường một lần. Lần ấy trường đối với tôi là một nơi xa lạ. Tôi đi chung quanh các lớp để nhìn qua cửa kính mấy bản đồ treo trên tường. Tôi không có cảm tưởng nào khác là nhà trường cao ráo và sạch sẽ hơn các nhà trong làng.

Nhưng lần này lại khác. Trước mặt tôi trường Mĩ Lí trông vừa xinh xắn vừa oai nghiêm như cái đình làng Hòa Ấp. Sân nó rộng, mình nó cao hơn trong những buổi trưa hè đầy vắng lặng. Lòng tôi đâm ra lo sợ vẩn vơ.

Cũng như tôi, mấy cậu học trò mới bỡ ngỡ đứng nép bên người thân, chỉ dám nhìn một nửa hay dám đi từng bước nhẹ. Họ như con chim con đứng trên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn

ngập ngừng e sợ. Họ thèm vụng và ước ao thầm được như những người học trò cũ, biết lớp, biết thầy để khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ.

Sau một hồi trống thúc vang dội cả lòng tôi, mấy người học trò cũ đến sắp hàng dưới hiên rồi đi vào lớp. Cảm thấy mình trơ vơ là lúc này. Vì chung quanh là những cậu bé vụng về lúng túng như tôi cả. Các cậu không đi. Các cậu chỉ theo sức mạnh kéo dìu các cậu tới trước. Nói các cậu không đứng lại càng đúng hơn nữa, hai chân các cậu cứ dềnh dàng mãi. Hết co lên một chân, các cậu lại ruỗi mạnh như đá một quả ban tưởng tượng. Chính lúc này toàn thân các cậu cũng đang run run theo nhịp bước rộn ràng trong các lớp.

Ông đốc[2] trường Mĩ Lí cho gọi mấy cậu học trò mới đến đứng trước lớp ba[3]. Trường làng nhỏ nên không có phòng riêng của ông đốc. Trong lúc ông ta đọc tên từng người, tôi cảm thấy như quả tim tôi ngừng đập. Tôi quên cả mẹ tôi đứng sau tôi. Nghe gọi đến tên, tôi tự nhiên giật mình và lúng túng.

Sau khi đọc xong mấy mươi tên đã viết sẵn trên mảnh giấy lớn, ông đốc nhìn chúng tôi nói sẽ :

– Thế là các em được vào lớp năm[4]. Các em phải gắng học để thầy mẹ được vui lòng và để thầy dạy các em được sung sướng. Các em đã nghe chưa. (Các em đều nghe nhưng không em nào dám trả lời. Cũng may đã có một tiếng dạ ran của phụ huynh đáp lại).

thuongmaitr

Ông đốc nhìn chúng tôi với cặp mắt hiền từ và cảm động. Mấy cậu học trò trong lớp ba cũng đua nhau quay đầu nhìn ra. Và ngoài đường cũng có mấy người đứng dừng lại để nhìn vào. Trong những phút này chúng tôi được người ta ngắm nhìn nhiều hơn hết. Vì vậy đã lúng túng chúng tôi càng lúng túng hơn.

Ông đốc lấy cặp kính trắng xuống rồi nói :

– Thôi, các em lên đứng đây sắp hàng để vào lớp học.

Tôi cảm thấy sau lưng tôi có một bàn tay dịu dàng đẩy tôi tới trước. Nhưng người tôi lúc ấy tự nhiên thấy nặng nề một cách lạ. Không giữ được chéo áo hay cánh tay người thân, vài ba cậu đã từ từ bước lên đứng dưới hiên lớp. Các cậu lưng lẻo nhìn ra sân,

nơi mà những người thân đang nhìn các cậu với cặp mắt lưu luyến. Một cậu đứng đầu ôm mặt khóc. Tôi bất giác[5] quay lưng lại rồi giúi đầu vào lòng mẹ tôi nức nở khóc theo. Tôi nghe sau lưng tôi, trong đám học trò mới, vài tiếng thút thít đang ngập ngừng trong cổ. Một bàn tay quen nhẹ vuốt mái tóc tôi.

Ông đốc tươi cười nhẫn nại[6] chờ chúng tôi.

– Các em đừng khóc. Trưa nay các em được về nhà cơ mà. Và ngày mai lại được nghỉ cả ngày nữa.

Sau khi thấy hai mươi tám cậu học trò sắp hàng đều đặn dưới hiên trường, ông đốc liền ra dấu cho chúng tôi đi vào lớp năm. Một thầy trẻ tuổi, gương mặt tươi cười, đang đón chúng tôi trước cửa lớp. Trong thời thơ ấu tôi chưa lần nào thấy xa mẹ tôi như lần này. Tôi cũng lấy làm lạ.

Vì có những hôm đi chơi suốt cả ngày với chúng bạn ở đồng làng Lê Xá, lòng tôi vẫn không cảm thấy xa nhà hay xa mẹ tôi chút nào hết.

Một mùi hương lạ xông lên trong lớp. Trông hình gì treo trên tường tôi cũng thấy lạ và hay hay. Tôi nhìn bàn ghế chỗ tôi ngồi rất cẩn thận rồi tự nhiên lạm nhận là vật riêng của mình. Tôi nhìn người bạn tí hon ngồi bên tôi, một người bạn tôi chưa hề quen biết, nhưng lòng tôi vẫn không cảm thấy sự xa lạ chút nào. Sự quyến luyến tự nhiên và bất ngờ quá đến tôi cũng không dám tin có thật.

truongxua.vn

Một con chim con liệng đến đứng trên bờ cửa sổ, hót mấy tiếng rụt rè rồi vỗ cánh bay cao.

Tôi đưa mắt thèm thuồng nhìn theo cánh chim. Một kỉ niệm cũ đi bẫy chim giữa cánh đồng lúa hay bên bờ sông Viêm sống lại đầy dẫy trong trí tôi. Nhưng tiếng phấn của thầy tôi gạch mạnh trên bảng đen đã đưa tôi về cảnh thật.

Tôi vòng tay lên bàn chăm chỉ nhìn thầy viết và lẩm nhẩm đánh vần đọc :

Bài viết tập : TÔI ĐI HỌC.

(Theo *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 29B,
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1981)

Chú giải

(1) *Tựu trường :* đến trường ngày khai giảng năm học.

(2) *Ông đốc :* ở đây là ông hiệu trưởng.

(3), (4) *Lớp ba, lớp năm :* các lớp bậc tiểu học ; theo hệ thống giáo dục tiểu học trước Cách mạng, lớp năm là thấp nhất.

(5) *Bất giác :* bỗng, chợt.

(6) *Nhẫn nại :* bền bỉ, kiên trì chịu đựng.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. *Tôi đi học* là một truyện ngắn thuộc loại không có chuyện, mà chỉ là "những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường". Nhân vật "tôi" nhớ lại buổi đầu tiên cắp sách tới trường có biết bao "những cảm giác trong sáng nảy nở trong lòng" khi ấy.

2. Em hãy chú ý theo dõi tâm trạng và cảm giác bỡ ngỡ, hồi hộp, lo sợ vẩn vơ của chú bé lần đầu tiên cắp sách tới trường, từ lúc đi trên đường tới trường đến lúc nghe tên gọi, rồi phải rời bàn tay mẹ, cùng các bạn đi vào lớp; chú ý cảm tưởng cái gì cũng mới lạ, coi việc đi học là rất trọng đại của chú bé.

3. Thái độ ân cần, trìu mến của những người lớn đối với các em bé lần đầu đi học ("ông đốc", thầy giáo đón nhận học trò mới và các phụ huynh) thể hiện như thế nào ?

4. Em có nhận xét gì về đặc sắc nghệ thuật của loại truyện này ? Một nhà phê bình nhận xét là truyện ngắn Thanh Tịnh đầy chất thơ. Qua truyện này, em hãy cho biết ý kiến của mình về nhận xét đó.

thuongmaitr

Bài 12

TRONG LÒNG MẸ

(Trích *Những ngày thơ ấu*)

NGUYÊN HỒNG

Tiểu dẫn

Nguyên Hồng (Nguyễn Nguyên Hồng, 1918 – 1982), quê ở thành phố Nam Định nhưng trước Cách mạng, sống chủ yếu ở Hải Phòng, trong một

xóm lao động nghèo. Sáng tác của Nguyên Hồng (tiểu thuyết, truyện ngắn, kí) tập trung viết về những lớp người cùng khổ, "dưới đáy" ở thành phố với niềm yêu thương sâu sắc, mãnh liệt. Ngay từ những sáng tác đầu tay, Nguyên Hồng xứng đáng được gọi là nhà văn của những người lao động cùng khổ.

Tác phẩm chính : trước Cách mạng : *Bỉ vỏ* (tiểu thuyết, 1938), *Những ngày thơ ấu* (hồi kí, 1940)...; sau Cách mạng : *Trời xanh* (tập thơ), *Cửa biển* (bộ tiểu thuyết nhiều tập : *Sóng gầm* – 1961, *Cơn bão đã đến* – 1967, *Thời kì đen tối* – 1973, *Khi đứa con ra đời* – 1976), *Núi rừng Yên Thế* (tiểu thuyết lịch sử nhiều tập)...

Những ngày thơ ấu (đăng báo năm 1938, in thành sách năm 1940) là tập hồi kí gồm chín chương, viết về tuổi thơ cay đắng của tác giả.

Chú bé Hồng – nhân vật chính – lớn lên trong một gia đình sa sút. Người cha sống u uất thầm lặng, rồi chết trong nghèo túng, nghiện ngập. Người mẹ có trái tim khao khát yêu đương đành chôn vùi tuổi xuân trong cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Sau khi chồng chết, người phụ nữ đáng thương ấy vì quá cùng quẫn đã phải bỏ con đi kiếm ăn phương xa. Chú bé Hồng đã mồ côi cha lại vắng mẹ, sống thui thủi cô đơn giữa sự ghẻ lạnh, cay nghiệt của những người họ hàng giàu có, trở thành đứa bé đói rách, lêu lổng, luôn thèm khát tình thương yêu mà không có. Từ cảnh ngộ và tâm sự của đứa bé "côi cút cùng khổ", tác phẩm còn cho thấy bộ mặt lạnh lùng của xã hội đồng tiền, cái xã hội mà cánh cửa nhà thờ đêm Nô–en cũng chỉ mở rộng đón những người giàu sang "khệnh khạng bệ vệ" và khép chặt trước những kẻ nghèo khổ "trơ trọi hèn hạ"; cái xã hội của đám thị dân tiểu tư sản sống nhỏ nhen, giả dối, độc ác, khiến cho tình máu mủ ruột thịt cũng thành khô héo ; cái xã hội đầy những thành kiến cổ hủ bóp nghẹt quyền sống của người phụ nữ...

Những ngày thơ ấu là tập văn xuôi giàu chất trữ tình, với cảm xúc dào dạt thiết tha và rất mực chân thành. Đó cũng là nét đặc sắc nổi bật trong bút pháp nghệ thuật của Nguyên Hồng.

Trong lòng mẹ là chương IV của tập hồi kí *Những ngày thơ ấu.*

Tôi đã bỏ cái khăn tang bằng vải màn ở trên đầu đi rồi. Không phải đoạn tang[1] thầy tôi mà vì tôi mới mua được cái mũ trắng và quấn băng đen.

Gần đến ngày giỗ đầu[2] thầy tôi, mẹ tôi ở Thanh Hóa vẫn chưa về. Trong đó nghe đâu mẹ tôi đi bán bóng đèn và những phiên chợ

chính còn bán cả vàng hương nữa. Tôi nói "nghe đâu" vì tôi thấy người ta bắn tin[3] rằng mẹ và em tôi xoay ra sống bằng cách đó.

Một hôm, cô tôi gọi tôi đến bên cười hỏi :

– Hồng ! Mày có muốn vào Thanh Hóa chơi với mẹ mày không ?

Tưởng đến vẻ mặt rầu rầu và sự hiền từ của mẹ tôi, và nghĩ đến cảnh thiếu thốn một tình thương ủ ấp từng phen làm tôi rớt nước mắt, tôi toan trả lời có. Nhưng, nhận ra những ý nghĩa cay độc trong giọng nói và trên nét mặt khi cười rất kịch[4] của cô tôi kia, tôi cúi đầu không đáp. Vì tôi biết rõ, nhắc đến mẹ tôi, cô tôi chỉ có ý gieo rắc vào đầu óc tôi những hoài nghi[5] để tôi khinh miệt và ruồng rẫy[6] mẹ tôi, một người đàn bà đã bị cái tội là góa chồng, nợ nần cùng túng quá, phải bỏ con cái đi tha hương cầu thực[7]. Nhưng đời nào tình thương yêu và lòng kính mến mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến... Mặc dầu non một năm ròng mẹ tôi không gửi cho tôi lấy một lá thư, nhắn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi lấy một đồng quà.

thuongmaitr

Tôi cũng đã cười đáp lại cô tôi :

– Không ! Cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào mợ cháu cũng về.

Cô tôi hỏi luôn, giọng vẫn ngọt :

– Sao lại không vào ? Mợ mày phát tài[8] lắm, có như dạo trước đâu!

Rồi hai con mắt long lanh của cô tôi chằm chặp đưa nhìn tôi. Tôi lại im lặng, cúi đầu xuống đất : lòng tôi càng thắt lại, khóe mắt tôi đã cay cay. Cô tôi liền vỗ vai tôi cười mà nói rằng :

– Mày dại quá, cứ vào đi, tao chạy cho tiền tàu. Vào mà bắt mợ mày may vá sắm sửa cho và thăm em bé chứ.

Nước mắt tôi đã ròng ròng rớt xuống hai bên mép rồi chan hòa đầm đìa ở cằm và ở cổ. Hai tiếng "em bé" mà cô tôi ngân dài ra

thật ngọt, thật rõ, quả nhiên[9] đã xoắn chặt lấy tâm can[10] tôi như ý cô tôi muốn. Nhưng không phải vì thấy mợ tôi chưa đoạn tang thầy tôi mà đã chửa đẻ với người khác mà tôi có những cảm giác đau đớn ấy. Chỉ vì tội thương mẹ tôi và căm tức sao mẹ tôi lại vì sợ hãi những thành kiến[11] tàn ác mà xa lìa anh em tôi, để sinh nở một cách giấu giếm trốn tránh như một kẻ giết người lúng túng với con dao vấy máu của nó. Tôi cười dài trong tiếng khóc, hỏi cô tôi :

– Sao cô biết mợ con có con ?

Cô tôi vẫn cứ tươi cười kể các chuyện cho tôi nghe. Có một bà họ nội xa vào trong ấy cân gạo về bán. Bà ta một hôm đi qua chợ thấy mẹ tôi ngồi cho con bú ở một bên rổ bóng đèn. Mẹ tôi ăn vận rách rưới, mặt mày xanh bủng, người gầy rạc đi, thấy thế bà ta thương tình toan gọi hỏi xem sao thì mẹ tôi vội quay đi, lấy nón che...

Cô tôi chưa dứt câu, cổ họng tôi đã nghẹn ứ khóc không ra tiếng. Giá những cổ tục[12] đã đày đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi.

Cô tôi bỗng đổi giọng, lại vỗ vai, nhìn vào mặt tôi, nghiêm nghị :

– Vậy mày hỏi cô Thông – tên người đàn bà họ nội xa kia – chỗ ở của mợ mày, rồi đánh giấy[13] cho mợ mày, bảo dù sao cũng phải về. Trước sau cũng một lần xấu, chả nhẽ bán xới[14] mãi được sao ?

Tỏ sự ngậm ngùi thương xót thầy tôi, cô tôi chập chừng nói tiếp :

– Mấy lại rằm tháng tám này là giỗ đầu cậu mày, mợ mày về dù sao cũng đỡ tủi cho cậu mày, và mày cũng còn phải có họ, có hàng, người ta hỏi đến chứ ?

Nhưng đến ngày giỗ đầu thầy tôi, tôi không viết thư gọi mẹ tôi cũng về. Mẹ tôi về một mình đem rất nhiều quà bánh cho tôi và em Quế tôi. Chiều hôm đó, tan buổi học ở trường ra, tôi chợt thoáng thấy một bóng người ngồi trên xe kéo giống mẹ tôi. Tôi liền đuổi theo, gọi bối rối :

– Mợ ơi ! Mợ ơi ! Mợ ơi !...

Nếu người quay lại ấy là người khác thì thật là một trò cười tức bụng cho lũ bạn tôi, chúng nó khua guốc inh ỏi và nô đùa ầm ĩ trên hè. Và cái lầm đó không những làm tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, khác gì cái ảo ảnh[15] của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc.

thuongmaitr

Xe chạy chầm chậm... Mẹ tôi cầm nón vẫy tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp. Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, và khi trèo lên xe, tôi ríu cả chân lại. Mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi òa lên khóc rồi cứ thế nức nở. Mẹ tôi cũng sụt sùi theo :

– Con nín đi ! Mợ đã về với các con rồi mà.

Mẹ tôi lấy vạt áo nâu thấm nước mắt cho tôi rồi xốc nách tôi lên xe. Đến bấy giờ tôi mới kịp nhận ra mẹ tôi không còm cõi xơ xác quá như cô tôi nhắc lại lời người họ nội của tôi. Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má. Hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi lại tươi đẹp như thuở còn sung túc[16] ? Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường.

Phải bé lại và lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng. Từ ngã tư đầu trường học về đến nhà, tôi không còn nhớ mẹ tôi đã hỏi tôi và tôi đã trả lời mẹ tôi những câu gì. Trong những phút rạo rực ấy, cái câu nói của cô tôi lại nhắc lại :

– "Mày dại quá ! Vào Thanh Hóa đi, tao chạy cho tiền tàu. Vào bắt mợ mày may vá sắm sửa cho và bế em bé chứ".

Nhưng bên tai ù ù của tôi, câu nói ấy bị chìm ngay đi, tôi không mảy may nghĩ ngợi gì nữa...

(Theo *Những ngày thơ ấu*. NXB Đời nay, 1940)

truongxua.vn

Chú giải

(1) *Đoạn tang :* hết thời kì để tang.

(2) *Giỗ đầu :* giỗ lần đầu, trong dịp người chết tròn một năm.

(3) *Bắn tin :* đưa ra một tin nhắn đến người nào đó.

(4) *Rất kịch :* rất giống như đang đóng kịch, tức là rất giả dối.

(5) *Hoài nghi :* nghi ngờ.

(6) *Ruồng rẫy :* hắt hủi, bỏ mặc không quan tâm đến và ghét bỏ.

(7) *Thư hương cầu thực* (đúng ra là *tha phương cầu thực*) : đi kiếm ăn nơi xa lạ.

(8) *Phát tài :* kiếm được nhiều tiền.

(9) *Quả nhiên :* đúng như vậy.

(10) *Tâm can :* tim gan, có nghĩa là chỗ sâu kín nhất trong lòng.

(11) *Thành kiến :* cách nhìn nhận, ý kiến không hay đã cố định, không thay đổi.

(12) *Cổ tục :* lề thói, tục lệ xưa cũ.

(13) *Đánh giấy* (khẩu ngữ) : viết thư.

(14) *Bán xới* (khẩu ngữ) : bỏ quê hương, xứ sở mà đi.

(15) *Ảo ảnh :* hình ảnh không có thật nhưng giống như thật. Câu văn ở đây ("*cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc*") là nói đến một hiện tượng đặc biệt ở sa mạc: người đi trên sa mạc trông thấy xa xa có hình ảnh cây cối soi bóng trên mặt nước, nhưng thực ra, đó chỉ là ảo ảnh tạo nên bởi các lớp không khí nóng mà thôi.

thuongmaitr

(16) *Sung túc :* đời sống vật chất đầy đủ.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Qua đoạn đối thoại giữa bà cô và chú bé Hồng, em thấy bà cô là con người như thế nào ? Phân tích lòng dạ thâm độc của bà ta đối với đứa cháu đáng thương (*Chú ý* : vẻ mặt thì tươi cười, giọng nói thì ngọt ngào nhưng "rất kịch", chỉ cốt "cố ý gieo rắc vào đầu óc tôi những hoài nghi để tôi khinh miệt và ruồng rẫy mẹ tôi" ; đặc biệt, việc bà ta cứ "tươi cười" kể cho chú bé đang đau khổ xa mẹ rằng mẹ nó "ăn mặc rách rưới, mặt mày xanh bủng", tủi hổ khi thấy người quen...; rõ ràng bà ta rất thích thú khi biết mẹ chú bé khốn khổ như vậy và cũng rất muốn chú bé phải thật đau lòng...).

2. Phân tích tình cảm của chú bé đối với người mẹ đáng thương của chú (*Gợi ý* : khi nghe những lời lẽ thâm độc của bà cô, chú trào lên niềm thương mẹ và căm ghét cực độ những cổ tục đã đày đọa mẹ mình ;

niềm vui sướng cao độ của chú bé được diễn tả đặc biệt thấm thía, một niềm vui sướng đê mê như thấm vào cả da thịt...).

3. Có nhà nghiên cứu cho rằng Nguyên Hồng là nhà văn của phụ nữ và nhi đồng. Em hiểu ý kiến đó như thế nào ? Qua chương *Trong lòng mẹ*, em hãy chứng minh ý kiến đó.

4. Em có nhận xét gì về đặc sắc nghệ thuật của ngòi bút tác giả trong đoạn văn trích ? Những gì đã làm cho chương truyện hấp dẫn, xúc động người đọc ?

Bài 13

ÔN TẬP[1]

ruongxua.vn

(1) Nội dung ôn tập phần Văn học Việt Nam học kì một được soạn chung với phần ôn tập Văn học Việt Nam học kì hai, in trong Bài 14, sách *Văn học 8*, tập hai *(Hướng dẫn ôn tập Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945).*

PHẦN HAI

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

Bài 1

BỐ CỦA XI-MÔNG

G. MÔ-PA-XĂNG

Tiểu dẫn

thuongmaitr

Bố của Xi- mông là truyện ngắn của Guy đơ Mô-pa-xăng (18 0–1893), nhà văn Pháp đã viết hơn ba trăm truyện ngắn và một số tiểu thuyết.

Chị Blăng-sốt bị một người đàn ông lừa dối, sinh ra Xi-mông, vì vậy Xi-mông trở thành đứa con không có bố. Truyện bắt đầu khi Xi-mông lúc đó khoảng bảy, tám tuổi lần đầu tiên đến trường bị đám học trò chế giễu là không có bố. Em buồn bực, lang thang ra bờ sông, chỉ muốn chết cho xong.

... Trời rất ấm, rất dễ chịu. Ánh nắng êm đềm sưởi nóng cỏ. Nước lấp lánh như gương. Và Xi-mông có những giây phút khoan khoái, có cái cảm giác uể oải thường theo em sau khi khóc lóc, em rất thèm được nằm ngủ ở đây, trên mặt cỏ, dưới nắng ấm.

Một chú nhái con màu xanh lục nhảy dưới chân em. Em định bắt nó. Nó thoát được. Em đuổi theo nó và vồ hụt ba lần liền. Cuối cùng em tóm lấy hai đầu chân sau của nó và em bật cười nhìn con vật cố giãy giụa thoát thân. Nó thu mình lại trên đôi cẳng lớn,

rồi bật phắt lên, đột ngột duỗi cẳng, ngay đơ như hai thanh gỗ ; trong lúc ấy, nó giương tròn con mắt có vành vàng và dùng hai chân trước đập vào khoảng không, huơ lên như hai bàn tay. Điều này khiến em nhớ đến một thứ đồ chơi làm bằng những mảnh gỗ hẹp đóng đinh chữ chi[1] chồng lên nhau, và với động tác cũng giống như thế này, điều khiển những chú lính nhỏ cài bên trên tập tành[2]. Thế là em nghĩ đến nhà, rồi nghĩ đến mẹ, và thấy buồn hết sức, em lại khóc. Người em rung lên, em quỳ xuống và đọc kinh cầu nguyện[3] như trước khi đi ngủ.

Nhưng em không đọc hết được bài kinh, vì những cơn nức nở lại trở lại, dồn dập, xốn xang, choán ngợp lấy em. Em chẳng nghĩ nữa, em chẳng nhìn thấy gì quanh em nữa và em chỉ khóc mà thôi.

Bỗng nhiên, một bàn tay chắc nịch đặt lên vai em và một giọng to ồm ồm hỏi em :

– Có điều gì làm chú buồn phiền nhiều đến thế, chú bé ?

Xi-mông quay lại. Một bác thợ cao lớn, râu tóc đen, quăn, đang nhìn em với vẻ nhân hậu[4]. Em trả lời, mắt đẫm lệ[5], giọng đầy nước mắt :

uongxua.vn

– Chúng nó đánh cháu... vì... cháu... cháu... không có... bố... không có bố.

– Sao thế cháu, – người đàn ông mỉm cười bảo – ai mà chẳng có bố.

Em bé nói tiếp một cách khó khăn, giữa những cơn nấc giật buồn tủi :

– Cháu... cháu không có bố.

Bác thợ bỗng nghiêm lại; bác nhận ra thằng bé con nhà chị Blăng-sôt và mặc dù mới đến vùng này, bác cũng đã mong manh[6] biết chuyện chị. Bác nói :

– Thôi nào, nguôi đi nào, cháu bé, rồi đi với chú về nhà mẹ. Người ta sẽ cho cháu... một ông bố.

Họ lên đường, người lớn dắt tay người bé, và bác đàn ông lại mỉm cười, vì bác chẳng hề phật ý[7] đến gặp chị Blăng-sôt, nghe đồn chị là

một trong những cô gái đẹp nhất vùng. Trong thâm tâm[8], bác cũng tự nhủ thầm rằng một tuổi xuân đã lầm lỡ[9] rất có thể lỡ lầm lần nữa.

Họ đến trước một ngôi nhà nhỏ, quét vôi trắng, hết sức sạch sẽ.

Đứa trẻ nói :

– Đây rồi.

Và em gọi to :

– Mẹ ơi !

Một thiếu phụ[10] xuất hiện, và người thợ bỗng tắt nụ cười, vì bác hiểu ra ngay là không bỡn cợt được nữa với cô gái cao lớn, xanh xao, đứng nghiêm nghị trước cửa nhà mình, như muốn cấm đàn ông bước lên thềm ngôi nhà nơi cô đã bị một kẻ khác lừa dối. E dè, bỏ mũ cầm tay, bác ấp úng :

– Đây, thưa chị, tôi dắt về trả chị cháu bé bị lạc ở gần bờ sông.

Nhưng Xi-mông nhảy lên ôm lấy cổ mẹ và em lại khóc, vừa khóc vừa bảo mẹ :

– Không, mẹ ạ, con muốn xuống sông cho chết đuối, vì chúng nó đánh con... đánh con... tại con không có bố.

Hai má thiếu phụ đỏ bừng và, tê tái đến tận xương tủy, chị ôm con hôn lấy hôn để, trong khi nước mắt lã chã tuôn rơi. Người đàn ông xúc động vẫn đứng đó, không biết bỏ đi thế nào cho phải. Nhưng Xi-mông bỗng chạy đến bên bác, nói với bác :

– Chú có muốn làm bố cháu không?

Im lặng như tờ. Chị Blăng-sôt, lặng ngắt và quằn quại vì hổ thẹn, dựa người vào tường, hai tay ôm ngực.

Thấy người ta không trả lời mình, em bé nói tiếp :

– Nếu chú không muốn, cháu quay trở lại sông cho chết đuối.

Bác thợ coi như chuyện đùa, và cười đáp :

– Có chứ, chú có muốn.

Em bé bèn hỏi :

– Thế chú tên là gì, để cháu trả lời chúng nó khi chúng nó muốn biết tên chú ?

– Phi-lip – Người đàn ông đáp.

Xi-mông im lặng một giây, để ghi nhớ cái tên ấy trong óc, rồi hoàn toàn khuây khỏa, em chìa hai tay nói :

– Thế nhé ! Chú Phi-lip, chú là bố cháu đấy nhé.

Bác thợ nhấc bổng em lên, đột ngột hôn vào hai má em, rồi sải từng bước dài, rút lui rất nhanh.

Ngày hôm sau, khi em bé đến trường, một tràng cười ác ý[11] đón em. Và lúc tan học, khi thằng kia[12] muốn lặp lại chuyện cũ, Xi-mông ném vào mặt nó những lời này, như ném một hòn đá :

– Bố tao ấy, bố tao tên là Phi-lip.

Tứ phía bật lên những tiếng la hét thích thú :

– Phi-lip gì ? ... Phi-lip nào ? ... Phi-lip là cái gì ? ... Mày lấy đâu ra Phi-lip của mày thế[13] ?

uongxua.vn

Xi-mông không trả lời gì hết, và một mực tin tưởng sắt đá, em đưa con mắt thách thức chúng, sẵn sàng chịu hành hạ, còn hơn là trốn chạy chúng. Thày giáo giải thoát cho em và em về nhà.

LÊ HỒNG SÂM *dịch*
(Theo *Tuyển tập truyện ngắn Pháp thế kỉ XIX*,
NXB Đại học và THCN, Hà Nội, 1986)

Chú giải

(1) *Đóng đinh chữ chi :* đóng đinh theo hình hết chéo lên lại chéo xuống.

(2) *Điều khiển những chú lính nhỏ...:* đây là nói một đồ chơi làm bằng gỗ.

(3) *Kinh cầu nguyện :* bài kinh của những người theo đạo Thiên Chúa.

(4) *Nhân hậu :* có lòng thương yêu, có tình nghĩa.

(5) *Đẫm lệ :* đẫm nước mắt.

(6) *Mong manh :* loáng thoáng, sơ qua, không thật chắc chắn, rõ ràng, đầy đủ.

(7) *Phật ý :* không hài lòng.

(8) *Thâm tâm :* chỗ sâu kín trong lòng, đáy lòng.

(9) *Lầm lỡ :* vì vô ý hoặc nhẹ dạ cả tin mà sai lầm, ở đây nói việc chị Blăng-sôt sinh ra Xi-mông không có chồng hợp pháp.

(10) *Thiếu phụ :* người phụ nữ đã có gia đình, còn trẻ.

(11) *Ác ý :* có ý độc ác.

(12) *Thằng kia :* chỉ thằng học sinh nói cho các bạn biết Xi-mông không có bố hôm Xi-mông đến trường lần đầu tiên.

(13) *Phi-lip gì ? :* ý nói Phi-lip mới chỉ là tên, chưa có họ. Sau đây ta biết phải gọi là Phi-lip Rê-mi mới đầy đủ cả tên họ.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

thuongmaitr

1. Hãy xác định từng phần (bắt đầu từ đâu, kết thúc ở đâu) nếu chia bài văn trên thành bốn phần căn cứ vào diễn biến của truyện : nỗi tuyệt vọng của Xi-mông, Phi-lip gặp Xi-mông và nói sẽ cho em một ông bố, Phi-lip đưa Xi-mông về nhà trả cho chị Blăng-sôt và nhận làm bố của em, Xi-mông đến trường nói với các bạn là có bố tên là Phi-lip.

2. Xi-mông đau đớn vì sao? Nỗi đau đớn ấy được biểu hiện như thế nào (qua ý nghĩ, sự bộc lộ tình cảm, cách nói năng...) trong bài văn ?

3. Qua hình ảnh ngôi nhà của chị Blăng-sôt cùng thái độ của chị đối với khách và nỗi lòng của chị khi nghe con nói, chứng minh rằng chị Blăng-sôt chẳng qua vì lầm lỡ mà sinh ra Xi-mông không có bố, chứ căn bản chị là người tốt.

4. Nêu lên diễn biến tâm trạng của Phi-lip qua các giai đoạn : khi gặp Xi-mông ; trên đường đưa Xi-mông về nhà ; khi gặp chị Blăng-sôt ; lúc đối đáp với Xi-mông.

BỐ CỦA XI-MÔNG

(Tiếp)

Xi-mông vẫn đau đớn vì bọn bạn xấu ở trường bảo rằng bác Phi-lip không phải là ông bố thật sự của em. Em tìm đến lò rèn nơi bác Phi-lip đang làm việc.

Xi-mông vào, không ai trông thấy, và em rón rén đến kéo áo bác. Bác quay lại. Công việc bỗng dừng, cả mấy người đàn ông[1] cùng nhìn, hết sức chăm chú. Thế là, giữa sự yên lặng bất thường đó, cất lên giọng nhỏ nhẹ của Xi-mông:

– Bố Phi-lip này, lúc nãy thằng con bác Mi-sốt[2] bảo con rằng bố không phải là bố của con hẳn hoi.

Bác thợ hỏi :

– Sao lại thế ?

Chú bé trả lời với tất cả sự ngây thơ của chú :

– Vì bố không phải là chồng của mẹ.

Không ai cười hết. Phi-lip vẫn đứng, trán úp vào mu những bàn tay to lớn tì ở cán búa dựng lên trên đe. Bác mơ màng. Bốn người bạn nhìn bác, và bé tí xíu giữa những vị khổng lồ này, Xi-mông lo lắng chờ đợi. Đột nhiên, một bác thợ rèn, đáp ứng ý nghĩ của tất cả mọi người, nói với Phi-lip :

– Dù thế nào, Blăng-sốt vẫn là một cô gái tốt bụng, trung hậu[3], và mặc dù gặp chuyện không hay[4], vẫn can đảm và nền nếp, cô ấy sẽ là một người vợ xứng đáng với một người đàn ông tử tế.

– Đúng như vậy – ba người kia nói.

Bác thợ tiếp :

– Cái cô gái ấy, nếu có lầm lỡ, thì lỗi ở cô chăng? Họ hứa sẽ cưới cô, và tôi biết khối bà bây giờ đây rất được trọng vọng, cũng đã từng làm như thế.

– Đúng như vậy – ba người đàn ông đồng thanh[5] đáp.

Bác lại tiếp :

– Tội nghiệp, cô ta đã vất vả biết bao nhiêu để một mình nuôi dạy con, và đã khóc biết bao nhiêu từ cái ngày chỉ bước ra khỏi nhà để đến nhà thờ, những điều ấy riêng có Chúa biết mà thôi.

– Cũng lại đúng như vậy – những người khác nói.

Thế là người ta chỉ còn nghe thấy tiếng bễ thổi lửa trong lò. Phi-lip bỗng đột ngột cúi xuống với Xi-mông :

– Về bảo với mẹ là tối nay bố sẽ đến nói chuyện với mẹ.

Rồi bác nắm vai em bé ấy ra ngoài.

Bác trở lại công việc, và năm lưỡi búa nện xuống đe cùng một nhát đập. Họ cứ rèn sắt như vậy cho đến tối, mạnh mẽ, tươi vui, cũng như những lưỡi búa hài lòng thỏa mãn. Và, giống như quả chuông lớn tiếng trầm của một ngôi nhà thờ, trong các ngày lễ, vang dội lên trên tiếng reo của những quả chuông khác, lưỡi búa của Phi-lip cũng vậy, nó át tiếng ầm ầm của những lưỡi búa khác, và cứ từng giây, từng giây lại giáng xuống rộn ràng, inh ỏi. Và bác, mắt sáng rực, đứng giữa các tia lửa, rèn rất say sưa.

Trời đầy sao khi bác đến gõ cửa nhà chị Blăng-sôt. Bác mặc chiếc áo khoác ngày chủ nhật[6], sơ mi mới, và râu tóc đã sửa sang. Thiếu phụ bước ra thềm và bảo bác, vẻ phiền muộn[7] :

– Ông Phi-lip, ông đến lúc đêm hôm thế này thực là không phải!

Bác muốn trả lời, bác ấp úng, và bối rối đứng trước chị. Chị tiếp :

– Mà ông cũng đã biết rằng không nên để người ta bàn tán về tôi nữa.

Thế là bác nói, hết sức đột ngột :

– Thế thì có làm sao đâu, nếu cô ưng làm vợ tôi !

Không ai trả lời bác, nhưng bác tưởng như trong bóng tối căn phòng có tiếng người gục xuống. Bác bước vào thật nhanh ; và Xi-mông nằm trong giường nghe thấy tiếng hôn và mấy lời mẹ em thì thầm rất khẽ. Rồi, đột nhiên, em thấy mình được bế bổng lên trong tay bác và bác giơ thẳng em trên hai cánh tay hộ pháp[8], hét bảo em :

– Con sẽ nói với các bạn học của con : bố con là Phi-lip Rê-mi, bác thợ rèn, và bố sẽ kéo tai tất cả những đứa nào bắt nạt con.

Ngày hôm sau, thấy trường đã đông chật và giờ học sắp bắt đầu, bé Xi-mông đứng dậy, mặt tái nhợt, môi run run :

– Bố tớ ấy – em nói rành rọt – bố tớ là Phi-lip Rê-mi, bác thợ rèn, và bố tớ hứa sẽ kéo tai tất cả những đứa nào bắt nạt tớ.

Lần này chẳng đứa nào cười nữa, vì cái nhà bác Phi-lip Rê-mi thợ rèn, thì biết rõ lắm rồi, và đấy thật là một ông bố, mà ai có được cũng phải lấy làm tự hào.

tuongxua.vn

LÊ HỒNG SÂM *dịch*

(Theo *Tuyển tập truyện ngắn Pháp thế kỉ XIX*. Sách đã dẫn)

Chú giải

(1) *Mấy người đàn ông :* đây là những người thợ cùng làm ở lò rèn với Phi-lip.

(2) *Con bác Mi-sôt :* thằng bé vẫn chế giễu Xi-mông.

(3) *Trung hậu :* đối xử tốt trước sau như một với mọi người.

(4) *Chuyện không hay :* chuyện lầm lỡ của chị Blăng-sôt như ta đã biết.

(5) *Đồng thanh :* cùng nói một lúc.

(6) *Áo khoác ngày chủ nhật :* chiếc áo khoác đẹp mặc trong ngày chủ nhật, lễ phục.

(7) *Phiền muộn :* buồn bực trong lòng.

(8) *Hộ pháp :* to khỏe, lực lưỡng.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Kết thúc truyện là niềm vui của cả ba nhân vật Xi-mông, Blăng-sôt, Phi-lip. Ở mỗi người, các nguyên nhân của niềm vui ấy là gì và nguyên nhân nào là chính ?

2. Đoạn miêu tả tiếng búa của Phi-lip giáng xuống rộn ràng trên đe gián tiếp thể hiện tâm trạng của Phi-lip như thế nào ? So sánh những tiếng búa ấy với tiếng chuông nhà thờ có hợp lí không ? Vì sao ?

Bài 2

CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG

O' HEN–RI

Tiểu dẫn

Chiếc lá cuối cùng là một trong số hàng trăm truyện ngắn của nhà văn Mĩ chuyên viết truyện ngắn O' Hen–ri (1862 – 1910). Các truyện của ông thường được kết cấu hết sức chặt chẽ, hầu như không có chi tiết nào thừa, dựng lên các bức tranh nho nhỏ về một mảng hiện thực của nước Mĩ với ngòi bút đầy thương cảm đối với những người nghèo khổ.

Trong một khu nhỏ ở phía Tây công viên Oa-sinh-tơn, phố xá chạy ngang chạy dọc lung tung như hóa rồ, rồi đứt quãng ở những mảnh đất gọi là "quảng trường". Những quảng trường này tạo nên những góc độ và những đường cong kì lạ. Một đường phố tự cắt nó một hoặc hai lần. Một nghệ sĩ có lần đã phát hiện ra là phố này có một khả năng rất quý. Hãy tưởng tượng một tay thu ngân[1] nào đó mang hóa đơn đòi tiền sơn hay giấy và vải vẽ đi qua con đường này, đột nhiên lại gặp ngay chính mình quay trở ra, tiền nợ không thu được một xu nhỏ !

Bởi vậy, chẳng bao lâu, giới nghệ sĩ liền mò tới cái làng Gri-niz cổ kính, kì quặc này, lùng thuê những phòng có cửa sổ hướng bắc, đầu hồi kiểu thế kỉ mười tám. Những buồng xép sát nóc kiểu Hà Lan và

tiền thuê rẻ. Rồi từ Đại lộ thứ Sáu, họ nhập cảng[2] vào vài chiếc cốc vại bằng thiếc, một hai chiếc lò hầm thức ăn và họp thành một xóm.

Phòng họa của Xiu và Giôn-xi đặt ở tầng thượng một ngôi nhà gạch ba tầng thấp lè tè. "Giôn-xi" là tên gọi thân mật của Gio-a-na. Một cô từ bang Men tới, cô kia quê ở Ca-li-pho-ni-a. Họ đã gặp nhau tại bàn ăn chung của hiệu Đen-mô-ni-cô ở Phố thứ Tám và thấy những sở thích của họ về nghệ thuật món rau diếp xoăn trộn dầu dấm và kiểu ống tay rộng hợp nhau đến nỗi kết quả là họ cùng chung nhau thuê một phòng họa.

Khi ấy là khoảng tháng năm. Đến tháng mười một, có một gã khách lạ, lạnh lẽo, chưa ai từng thấy, mà thầy thuốc gọi là chứng viêm phổi, oai vệ đi khắp xóm, ngón tay lạnh ngắt của gã chạm vào chỗ này một người, chỗ kia một người. Bên khu phía Đông, tên phá hoại này xăm xăm bước đi, đánh ngã hàng chục nạn nhân, nhưng khi qua những "quảng trường" chật hẹp, chằng chịt và mọc rêu thì hắn lại từ tốn thong thả tiến bước.

uongxua.vn

Ông viêm phổi không phải là hạng người được gọi là lịch sự mã thượng[3]. Một phụ nữ nhỏ bé, thiếu máu vì những cơn gió hiu hiu của miền Ca-li-pho-ni-a, đâu có phải là đối thủ xứng đáng của tên bợm già có hơi thở dồn dập và nắm tay đỏ lòm ấy. Thế mà hắn vẫn cứ đánh vào Giôn-xi và cô ta nằm lăn như bất động trên chiếc giường sắt sơn và qua những tấm kính cửa sổ nhỏ kiểu Hà Lan, cô trân trân nhìn cái đầu hồi của tòa nhà gạch bên cạnh.

Một buổi sáng, viên bác sĩ bận rộn, nháy cặp lông mày rậm, đốm bạc, mời Xiu ra ngoài hành lang.

– Bệnh tình của cô ấy có thể nói là mười phần chỉ còn hi vọng được một thôi, ta hãy tạm nói thế. – ông vừa nói vừa vẩy cái cặp sốt cho thủy ngân hạ xuống – Và muốn có được một phần đó thì cô ấy phải có ý muốn sống kia. Cái cung cách con người ta cứ sắp hàng đứng sẵn bên phía anh chủ thầu đám ma, làm cho mọi thứ thuốc men đều trở thành vô dụng. Cô bạn nhỏ nhắn của chị yên trí là mình không thể khỏi được. Cô ta có điều gì quan tâm không ?

– Cô ấy... cô ấy mong muốn có ngày được vẽ vịnh Na-plơ[4] – Xiu đáp.

– Vẽ à ? Bậy ! Cô ấy không có điều gì đáng để bận tâm hơn gấp đôi sao ? Chàng trai nào đó chẳng hạn ?

– Một chàng trai nào ư ? – Xiu nói, giọng rít lên như tiếng đàn môi – Một người đàn ông đáng gì để... nhưng không, không có cái chuyện ấy đâu, bác sĩ ạ.

– Thế thì đây là bệnh suy nhược – bác sĩ nói – Tôi sẽ làm tất cả những gì khoa học có thể làm được thông qua những cố gắng của tôi. Nhưng khi nào bệnh nhân bắt đầu đếm những chiếc xe đi theo đám tang của mình thì tôi sẽ phải trừ khả năng chữa bệnh của thuốc men đi năm mươi phần trăm. Nếu chị làm cho cô ta hỏi được một câu về mốt tay áo mới của áo choàng mùa đông thì tôi xin thưa với chị khả năng khỏi bệnh của cô ấy sẽ là một trên năm chứ không phải là trên mười nữa.

Sau khi bác sĩ đi khỏi, Xiu vào phòng làm việc và khóc đến ướt đẫm cả một chiếc khăn trải bàn Nhật Bản. Rồi cô lại thản nhiên mang chiếc bảng vẽ của mình đi vào phòng Giôn-xi, miệng huýt sáo một điệu nhạc Jaz.

thuongmaitr

Giôn-xi nằm quay mặt về phía cửa sổ, tấm khăn trải giường phủ kín người, hầu như không có một gợn. Xiu ngừng huýt sáo, tưởng bạn đang ngủ.

Cô bầy bảng vẽ của mình ra và bắt đầu vẽ bằng bút sắt và mực để minh họa cho một truyện ngắn đăng trên một tờ tạp chí. Các nghệ sĩ trẻ phải lát con đường dẫn tới nghệ thuật bằng những bức tranh minh họa cho những truyện ngắn của các tạp chí, do các nhà văn trẻ viết để lát con đường của họ dẫn tới văn học.

Xiu đang vẽ phác chiếc quần cưỡi ngựa đúng mốt và chiếc kính một mắt trên một nhân vật chính, một tay chăn bò Ai-đa-hô, thì bỗng nghe thấy có tiếng thì thầm cứ nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Cô vội chạy tới bên giường.

Mắt Giôn-xi mở to. Cô đang nhìn ra ngoài cửa sổ và đếm – đếm ngược :

uongxua.vn

– "Mười hai", – cô lẩm bẩm rồi một lát sau – "mười một", rồi "mười", "chín", rồi "tám" và "bảy" thì hầu như được đếm cùng một lúc.

Xiu lo lắng nhìn ra phía cửa sổ. Có cái gì ngoài đó mà đếm? Chỉ thấy một cái sân trơ trụi, ảm đạm và bức tường bên trống trơn của tòa nhà gạch cách đấy chừng sáu thước. Một dây thường xuân[5] già, già lắm, rễ đã mục nát và sần sùi những mấu, leo lên đến giữa bức tường gạch. Hơi thở lạnh lẽo của mùa thu đã bứt rụng hết lá của nó, chỉ còn lại bộ xương cành, gần như trơ trụi, bám vào những viên gạch vỡ nát.

– Gì thế, Giôn-xi ? – Xiu hỏi.

– Sáu, – Giôn-xi nói, giọng gần như thì thào – Bây giờ chúng rụng mau hơn. Trước đây ba ngày còn có tới gần một trăm. Em đếm

nhức cả đầu. Nhưng bây giờ thì thật là dễ. Lại một chiếc nữa. Giờ chỉ còn lại có năm thôi.

– Năm gì, Giôn-xi ? Cho Xiu-đi[6] của em biết đi.

– Những chiếc lá. Trên cây thường xuân khi nào chiếc lá cuối cùng rụng thì em cũng ra đi thôi. Em biết điều đó đã ba ngày nay rồi. Ông bác sĩ không nói với chị sao ?

– Ồ, chị chưa bao giờ lại nghe thấy một chuyện vô lí đến như thế – Xiu trách, làm ra vẻ mạnh bạo khinh thường – Những chiếc lá thường xuân già đó thì có liên quan gì đến việc em khỏi bệnh kia chứ ? Tại em vốn mến cái cây leo ấy đấy, em hư lắm. Đừng nói chuyện ngốc nghếch nữa. Ấy sáng nay ông bác sĩ đã nói với chị là em sẽ chóng bình phục thôi, đúng ra là ông ta nói thế nào nhỉ – khả năng khỏi là mười phần chắc chín; ông ta nói thế ! Ấy cũng tựa hồ như là khi chúng ta ngồi trên xe hàng hay đi qua một tòa nhà mới đang xây ở Niu Yooc này, mười phần thì họa chăng chỉ có một phần mới xảy ra tai nạn. Giờ thì em cố ăn tí cháo nhé và để Xiu-đi quay về với bản vẽ của mình, có thế chị mới bán được tranh cho lão chủ bút, để mua rượu Booc-đô[7] cho đứa em ốm của chị và mua sườn lợn cho cái bản thân háu ăn của chị chứ.

– Chị chẳng cần phải mua thêm rượu nữa đâu – Giôn-xi nói, mắt vẫn nhìn trân trân ra ngoài cửa sổ – Lại một chiếc nữa rụng kìa. Không, em không muốn ăn cháo đâu. Còn lại đúng bốn chiếc. Em muốn thấy chiếc cuối cùng rụng xuống trước khi trời tối. Đến lúc đó thì em cũng ra đi thôi!

– Giôn-xi yêu quý – Xiu nói và cúi xuống bên người bạn,– em hãy hứa với chị là hãy nhắm mắt lại và không nhìn ra ngoài cửa sổ nữa cho tới khi chị xong việc được không ? Mai chị phải trao những bức tranh này rồi. Chị cần ánh sáng, nếu không thì chị đã kéo mành mành xuống rồi đấy.

– Chị không vẽ ở buồng bên được ư ? – Giôn-xi lạnh nhạt hỏi.

– Chị muốn ở đây bên cạnh em kia – Xiu đáp – vả lại chị không muốn em cứ nhìn mãi những chiếc lá thường xuân vớ vẩn đó nữa.

thuongmaitr

– Bao giờ xong chị bảo em ngay nhé ! – Giôn-xi nói rồi nhắm mắt lại, nằm yên và trắng bệch như một pho tượng đổ – Vì em muốn được thấy chiếc lá cuối cùng rụng xuống. Em đợi mãi ngán lắm rồi, em nghĩ mãi mệt lắm rồi. Em muốn buông trôi hết thảy và dong buồm xuôi dòng như một trong những chiếc lá mệt mỏi và tội nghiệp kia.

– Cố ngủ đi – Xiu nói – Chị phải đi mời cụ Bơ-men lên làm mẫu cho chị vẽ một người thợ mỏ già khổ hạnh. Chị sẽ không đi lâu quá một phút đâu. Đừng có động đậy, chờ chị quay lại nhé.

Cụ Bơ-men là một họa sĩ ở tầng dưới cùng, dưới tầng của họ. Cụ đã ngoài sáu mươi và có một bộ râu như Môi-dơ[8] của Mi-ke-lăng-giơ[9] loăn xoăn trừ cái đầu như đầu thần Xa-tia[10] lòa xòa xuống cái thân hình như thân hình một tiểu yêu[11]. Bơ-men là một người thất bại trong nghệ thuật. Cụ múa cây bút vẽ đã bốn mươi năm mà vẫn không với tới được gấu áo vị nữ thần của mình. Cụ luôn luôn có ý định vẽ một bức tranh kiệt tác, nhưng chưa bao giờ bắt đầu cả. Bao năm nay cụ chẳng vẽ được gì, ngoài việc thỉnh thoảng bôi bác một bức cho ngành buôn bán hay quảng cáo. Cụ kiếm được chút ít bằng cách ngồi làm mẫu cho các nghệ sĩ trẻ cùng ở xóm đó, không đủ tiền thuê nổi một người làm mẫu chuyên nghiệp. Cụ uống rượu nặng quá độ và vẫn nói về cái tác phẩm kiệt xuất sắp tới của mình. Còn ngoài ra cụ là một ông già nhỏ nhắn dữ tợn, hay chế nhạo cay độc sự mềm yếu của bất kì ai, và tự coi mình là một con chó xồm lớn chuyên gác cửa bảo vệ hai nữ nghệ sĩ trẻ ở phòng vẽ tầng trên.

Xiu tìm thấy cụ Bơ-men sặc sụa mùi rượu dâu loại nặng trong gian buồng tối om om của cụ ở tầng dưới. Trên giá vẽ ở góc buồng là một tấm vải trống trơn, từ hai mươi lăm năm nay vẫn cứ chờ đợi mãi nét vẽ đầu tiên của bức tranh kiệt tác. Cô kể cho cụ nghe ý nghĩ kì quặc của Giôn-xi và nói cho cụ biết cô lo lắng như thế nào về Giôn-xi ; cô ấy yếu đuối và mảnh mai như một chiếc lá, quả thật, rất có thể sẽ bay đi mất, khi mối ràng buộc mong manh giữa cô ấy ở trên trần thế này suy yếu.

uongxua.vn

Cụ Bơ-men cặp mắt đỏ ngầu, nước mắt chảy ròng ròng, hét lên sự khinh bỉ và nhạo báng của mình đối với những chuyện tưởng tượng ngốc nghếch ấy. Cụ quát to :

– Sao ! Trên đời này lại có những người ngớ ngẩn muốn chết chỉ vì một cây leo chết tiệt nào đó rụng hết lá ư ? Tôi chưa bao giờ nghe thấy một chuyện như thế cả. Không, tôi sẽ không ngồi làm mẫu cho cô vẽ cái lão già ngu xuẩn ngớ ngẩn của cô đâu. Tại sao cô lại để cho những chuyện vớ vẩn ấy chui vào đầu óc cô ta ? Chà, tội nghiệp cô bé Giôn-xi.

– Em nó ốm nặng và yếu lắm – Xiu nói – cơn sốt đã làm đầu óc nó đâm ra bệnh hoạn, đầy những ý nghĩ kì quái. Thôi được, cụ Bơ-men ạ, cụ không muốn ngồi làm mẫu cho cháu thì thôi. Nhưng cháu thấy cụ thật là một ông già kinh khủng, sao mà lắm lời, lắm điều thế.

– Cô thật đúng là đàn bà ! – Cụ Bơ-men hét lên – Ai bảo là tôi không muốn ngồi làm mẫu ? Đi, tôi lên cùng với cô. Tôi đã nói suốt nửa tiếng đồng hồ rằng tôi sẵn sàng ngồi làm mẫu kia mà. Trời, đây không phải chỗ cho một con người tốt như cô Giôn-xi nằm. Một ngày kia tôi sẽ vẽ một tác phẩm kiệt xuất và tất cả chúng ta sẽ đi khỏi nơi này. Trời, nhất định thế.

Khi hai người lên tới gác trên thì Giôn-xi đang ngủ. Xiu kéo tấm mành mành xuống che kín cửa sổ và ra hiệu cho cụ Bơ-men sang buồng bên cạnh. Sang đến nơi, họ ngoái ra ngoài cửa sổ, sợ sệt nhìn cây thường xuân. Rồi họ nhìn nhau, không nói mất một lúc. Một cơn mưa lạnh lẽo, dai dẳng, pha lẫn tuyết đang đổ xuống. Cụ Bơ-men mặc chiếc sơ mi cũ màu xanh, ngồi làm một tay thợ mỏ già trên cái ấm đun nước lật úp giả làm một tảng đá.

Sáng hôm sau, Xiu tỉnh dậy sau khi chợp mắt được một giờ thì thấy Giôn-xi đang mở to cặp mắt thẫn thờ nhìn tấm mành mành màu xanh đã kéo xuống.

– Kéo nó lên, em muốn xem – cô thều thào ra lệnh.

Xiu làm theo một cách chán nản.

Nhưng ô kìa, sau trận mưa vùi dập và những cơn gió phũ phàng kéo dài cả một đêm, tưởng chừng như không bao giờ dứt, vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch. Đó là chiếc lá cuối cùng trên cây. Tuy ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng rìa lá hình răng cưa đã nhuốm màu vàng úa, tuy vậy chiếc lá dũng cảm vẫn bám vào cành cách mặt đất chừng sáu thước.

– Đó là chiếc lá cuối cùng – Giôn-xi nói – Em cứ tưởng là nhất định hôm qua nó đã rụng. Em nghe thấy gió thổi. Hôm nay nó sẽ rụng thôi và cùng lúc đó thì em sẽ chết.

– Em thân yêu, – Xiu nói, cúi khuôn mặt hốc hác xuống gần gối – nếu em không còn muốn nghĩ đến mình nữa thì hãy nghĩ đến chị, chị sẽ làm gì đây ?

Nhưng Giôn-xi không trả lời. Trong khắp thế gian, cái cô đơn nhất là một tâm hồn đã chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi xa xôi bí ẩn của mình. Những sợi dây ràng buộc cô với tình bạn, với thế gian này cứ lơi lỏng dần từng cái một thì ý nghĩ kì quặc kia hình như lại càng choán lấy tâm trí cô mạnh mẽ hơn.

uongxua.vn

Ngày hôm đó trôi qua và ngay cả trong ánh hoàng hôn, họ vẫn trông thấy chiếc lá thường xuân đơn độc bám lấy cái cuống của nó trên tường và rồi, cùng với màn đêm buông xuống, gió bấc lại lồng lộn, trong khi mưa vẫn đập mạnh vào cửa sổ và từ mái hiên thấp kiểu Hà Lan mưa rơi lộp độp xuống mặt đất.

Khi trời vừa hửng sáng thì Giôn-xi, con người tàn nhẫn, lại ra lệnh kéo mành lên.

Chiếc lá thường xuân vẫn còn đó.

Giôn-xi nằm nhìn lá hồi lâu. Rồi cô gọi Xiu đang quấy món cháo gà trên lò hơi đốt.

– Em thật là một con bé hư, chị Xiu ạ. – Giôn-xi nói – Có một cái gì đó đã làm cho chiếc lá cuối cùng vẫn còn đấy để em thấy rằng mình đã tệ như thế nào. Muốn chết là một tội. Giờ thì chị có thể cho em xin tí cháo và chút sữa pha ít rượu Booc-đô và, không, mang cho em chiếc gương tay trước đã, rồi xếp những chiếc gối lại quanh em, để em ngồi dậy xem chị nấu nướng.

Một giờ sau cô lại nói :

– Xiu ơi, em hi vọng một ngày nào đó sẽ được vẽ vịnh Na-plơ.

Buổi chiều, bác sĩ tới và khi ông ta về, Xiu kiếm cớ theo ông ra ngoài hành lang.

– Được năm phần mười rồi, – bác sĩ nói và cầm lấy bàn tay mảnh dẻ run rẩy của Xiu – chăm sóc chu đáo thì chị sẽ thắng. Và bây giờ tôi phải xuống dưới nhà thăm một bệnh nhân khác. Tên ông cụ là Bơ-men, hình như là một nghệ sĩ gì đó. Cũng lại chứng sưng phổi, ông cụ già yếu, bệnh tình nguy kịch, chẳng còn hi vọng gì, nhưng hôm nay ông cụ sẽ vào nằm bệnh viện để được chăm sóc chu đáo hơn.

Hôm sau, bác sĩ bảo Xiu :

– Cô ấy khỏi nguy hiểm rồi, chị đã thắng. Giờ chị chỉ còn bồi dưỡng và chăm nom, có thế thôi.

Và buổi chiều hôm đó, Xiu tới bên giường Giôn-xi đang nằm và đang vui vẻ đan một chiếc khăn choàng len màu xanh thẫm rất vô dụng. Xiu ôm lấy cả người Giôn-xi lẫn những chiếc gối.

thuongmaitr

– Chị có câu chuyện muốn nói với em, con chuột bạch của chị – cô nói – Hôm nay cụ Bơ-men đã chết vì sưng phổi ở bệnh viện rồi. Cụ ấy ốm chỉ có hai ngày. Buổi sáng ngày thứ nhất, bác gác cổng thấy cụ ấy ốm nặng trong căn phòng của cụ ở tầng dưới. Giầy và áo quần cụ ướt sũng và lạnh buốt. Mọi người không ai hiểu được cụ đã đi đâu trong một đêm khủng khiếp như thế, nhưng rồi họ tìm thấy một chiếc đèn bão vẫn còn cháy sáng và một chiếc thang đã bị lôi ra khỏi chỗ để của nó, vài chiếc bút lông rơi vung vãi và một bảng màu xanh vàng pha trộn lẫn lộn, và em ạ, hãy nhìn ra ngoài cửa sổ kia, hãy nhìn chiếc lá thường xuân cuối cùng ở trên tường. Em có tự hỏi tại sao chẳng bao giờ nó rung rinh hoặc lay động khi gió thổi không ? Ồ, em thân yêu, đó chính là tác phẩm kiệt xuất của cụ Bơ-men đấy. Cụ vẽ nó vào cái đêm mà chiếc lá cuối cùng đã rụng.

NGÔ VĨNH VIỄN *dịch*

(Theo *Chiếc lá cuối cùng*, NXB Văn học, Hà Nội 1983)

Chú giải

(1) *Thu ngân :* thu tiền.

(2) *Nhập cảng :* ở đây có nghĩa là mua về.

(3) *Lịch sự mã thượng :* ý nói có tư cách cao thượng của người hiệp sĩ.

(4) *Na-plơ :* tên một thành phố và một cái vịnh ở I-ta-li-a.

(5) *Thường xuân :* một giống cây leo, cũng có khi gọi là trường xuân.

(6) *Xiu-đi :* tên gọi thân mật của Xiu.

(7) *Booc-đô :* một thứ rượu vang.

(8) *Môi-dơ :* nhân vật lịch sử Do Thái.

(9) *Mi-ke-lăng-giơ :* nghệ sĩ nổi tiếng I-ta-li-a (1475 – 1564), tác giả pho tượng Môi-dơ.

(10) *Xa-tia :* á thần trong thần thoại Hi Lạp, đầu tóc bù xù.

(11) *Tiểu yêu :* hạng yêu quái nhãi ranh.

uongxua.vn

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Truyện này được đặt vào không gian và thời gian nào ? Việc khắc họa tỉ mỉ không gian, thời gian ấy có liên quan gì đến cảnh ngộ của các nhân vật trong truyện ?

2. Tuổi tác, tính tình (thích rượu nặng) kết hợp với hình ảnh tấm vải vẽ trống trơn thể hiện như thế nào nỗi trăn trở của họa sĩ Bơ-men muốn vẽ một kiệt tác ? Chiếc lá thường xuân cụ vẽ trên tường có phải là một kiệt tác không ? Vì sao ?

3. Theo dõi diễn biến của hai nhân vật Giôn-xi và Bơ-men, nhất là ở phần cuối của truyện để chứng minh rằng truyện được kết thúc trên cơ sở hai sự kiện bất ngờ đối lập nhau tạo nên hiện tượng đảo ngược tình thế hai lần.

4. Giôn-xi hay Bơ-men là nhân vật nổi bật nhất trong truyện này ? Vì sao ?

Bài 3

CỐ HƯƠNG

LỖ TẤN

Tiểu dẫn

Lỗ Tấn (1881–1936) là nhà văn cách mạng nổi tiếng của Trung Quốc, tên thật là Chu Thụ Nhân, tên chữ là Dự Tài, quê ở phủ Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang. Xuất thân trong một gia đình quan lại sa sút, ông có điều kiện thấy rõ từ bên trong những mặt xấu xa của xã hội phong kiến và sự bất lực trước các thế lực đế quốc của triều đình Mãn Thanh. Từ lúc trẻ, Lỗ Tấn đã từ giã gia đình, quê hương, quyết tâm đi tìm chân lí. Thoạt đầu, nghĩ rằng sức mạnh của khoa học và kĩ thuật có thể cứu được nước, ông lần lượt theo học các ngành hàng hải, địa chất rồi y học. Nhưng rồi ông dần thấy rằng một mình khoa học không thể làm thay đổi được xã hội một cách triệt để. Ông bỏ ngành y, chuyển sang hoạt động văn học vì nghĩ rằng văn học là vũ khí lợi hại để "biến đổi tinh thần" dân chúng đang ở tình trạng "ngu muội" và "hèn nhát". Trước, trong và sau phong trào Ngũ Tứ năm 1919, Lỗ Tấn đã viết được nhiều truyện ngắn xuất sắc sau này tập hợp lại trong hai tập *Gào thét* (1923) và *Bàng hoàng* (1926). *Cố hương* là một trong những truyện ngắn tiêu biểu nhất của tập *Gào thét*.

Trong quá trình đi tìm chân lí, Lỗ Tấn không phải không có những giây phút "trầm tư", "buồn chán", song nhờ luôn gắn bó với phong trào cách mạng qua các giai đoạn, đặc biệt nhờ sự tiếp nhận chủ nghĩa Mác – Lê-nin, Lỗ Tấn dần trở thành một chiến sĩ cộng sản kiên định.

Năm 1981, toàn thế giới đã kỉ niệm 100 năm ngày sinh Lỗ Tấn như một danh nhân văn hóa của nhân loại.

Tôi không quản trời lạnh giá, về thăm làng cũ, xa những hai ngàn dặm mà tôi đã từ biệt hơn hai mươi năm nay[1].

Đang độ giữa đông. Gần về đến làng, trời lại càng u ám. Gió lạnh lùa vào khoang thuyền, vi vu. Nhìn qua các khe hở mui thuyền,

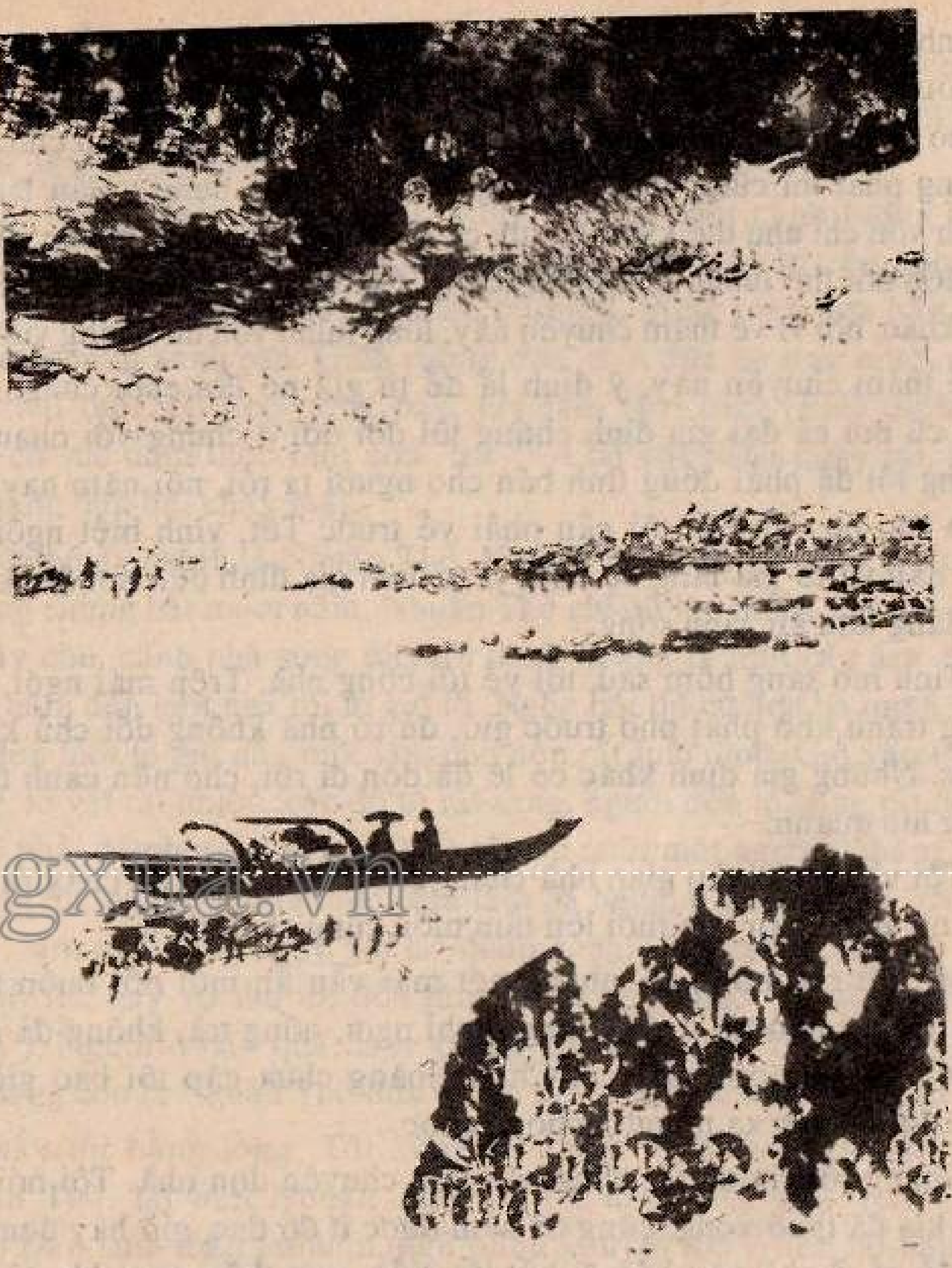

truongxua.vn

thấy xa gần thấp thoáng mấy thôn xóm tiêu điều, hoang vắng, nằm im lìm dưới vòm trời màu vàng úa. Không nén được, lòng tôi se lại.

A, đây thật có phải là làng cũ mà hai mươi năm trời nay tôi hằng ghi lấy hình ảnh trong kí ức[2] không ?

Hình ảnh làng cũ trong kí ức tôi không giống hẳn như thế này. Làng cũ tôi đẹp hơn kia ! Nhưng nếu phải nhớ rõ đẹp như thế nào, nói rõ đẹp ở chỗ nào thì thật không có hình ảnh ngôn ngữ nào diễn tả ra cho được. Phảng phất thì cũng có hơi giống đấy. Tôi nghĩ bụng : Hẳn làng cũ mình vốn chỉ như thế kia thôi, tuy chưa tiến bộ hơn xưa, nhưng cũng vị tất đến nỗi thê lương như mình tưởng. Chẳng qua là tâm tình mình đã đổi khác, bởi vì về thăm chuyến này, lòng mình vốn đã không vui.

Về thăm chuyến này, ý định là để từ giã nó lần cuối cùng. Ngôi nhà cũ nơi cả đại gia đình chúng tôi đời đời ở chung với nhau, mà chúng tôi đã phải đồng tình bán cho người ta rồi, nội năm nay phải giao cho họ. Vì thế, tôi cần phải về trước Tết, vĩnh biệt ngôi nhà yêu dấu và từ giã làng cũ thân yêu, đem gia đình đến nơi đất khách tôi đang làm ăn, sinh sống.

Tinh mơ sáng hôm sau, tôi về tới cổng nhà. Trên mái ngói, mấy cọng tranh khô phất phơ trước gió, đủ rõ nhà không đổi chủ không được. Những gia đình khác có lẽ đã dọn đi rồi, cho nên cảnh tượng càng hiu quạnh.

Tôi vừa bước vào gian nhà chúng tôi ở thì mẹ tôi đã chạy ra đón. Hoàng, đứa cháu vừa mới lên tám tuổi, cũng chạy theo.

Mẹ tôi rất mừng rỡ, nhưng nét mặt vẫn ẩn một nỗi buồn thầm kín. Mẹ tôi bảo tôi ngồi xuống, nghỉ ngơi, uống trà, không đả động gì đến chuyện dọn nhà cả. Cháu Hoàng chưa gặp tôi bao giờ chỉ dám đứng đằng xa nhìn tôi chòng chọc.

Nhưng rồi chúng tôi cũng bàn đến chuyện dọn nhà. Tôi nói nhà trên kia đã thuê xong, cũng đã sắm được ít đồ đạc, giờ hãy đem các thứ đồ gỗ ở nhà này bán đi hết lấy tiền mua thêm sau. Mẹ tôi cho cũng phải và bảo hành lí đã thu xếp gọn gàng đâu vào đấy cả rồi, đồ gỗ không tiện chuyên chở cũng bán được một ít rồi, nhưng tiền chưa thu vén được đủ.

Mẹ tôi nói :

– Con hãy nghỉ ngơi vài hôm, đi thăm các nhà bà con một chút rồi mẹ con mình lên đường.

– Vâng.

– Có anh Nhuận Thổ lần nào đến chơi cũng nhắc nhở đến con và rất mong có ngày được gặp con. Mẹ đã nhắn tin cho anh ấy biết chừng ngày nào con về. Có lẽ anh ấy cũng sắp đến thôi.

Lúc bấy giờ trong kí ức tôi, bỗng hiện ra một cảnh tượng thần tiên, kì dị : Một vầng trăng tròn vàng thắm treo lửng lơ trên nền trời xanh đậm, dưới là một bãi cát bên bờ biển, trồng toàn dưa hấu, bát ngát một màu xanh rờn. Giữa ruộng dưa, một đứa bé trạc mười một, mười hai tuổi, cổ đeo vòng bạc, tay lăm lăm cầm chiếc đinh ba, đang cố sức đâm theo một con "tra"(3). Con vật bỗng quay lại, luồn qua háng đứa bé, chạy mất.

Đứa bé ấy chính là Nhuận Thổ. Khi tôi quen Nhuận Thổ cách đây khoảng chừng hai mươi năm, Nhuận Thổ chỉ độ lên mười. Lúc đó thầy tôi hãy còn, cảnh nhà sung túc, tôi đàng hoàng là một cậu ấm. Năm ấy là năm đến lượt nhà tôi lo giỗ tổ. Nghe nói thì cứ hơn ba mươi năm mới đến lượt lo giỗ này một lần, cho nên rất linh đình. Giỗ vào tháng giêng, lễ vật rất nhiều, các đồ tế rất sang, người đến lễ cũng rất đông, vì thế phải đề phòng mất cắp. Nhà tôi chỉ nuôi một người ở tháng (địa phương tôi, người đi làm thuê chia làm ba hạng, ở năm gọi là "trường niên", làm thuê từng ngày gọi là "đoản công", nhà mình cũng có cày, chỉ giỗ tết, hay vụ thu tô, đến làm mướn cho người ta thì gọi là "ở tháng"). Người ở bận quá, làm không hết việc, liền xin thầy tôi cho gọi thằng con là Nhuận Thổ đến để nó trông coi các thứ đồ tế cho.

Thầy tôi bằng lòng. Tôi cũng rất thích vì đã có nghe nói đến Nhuận Thổ, lại biết Nhuận Thổ với tôi tuổi cũng suýt soát bằng nhau. Hắn sinh tháng nhuận, ngũ hành khuyết thổ(4) nên bố hắn đặt tên là Nhuận Thổ. Hắn bẫy chim sẻ thì tài lắm.

Thế là ngày nào tôi cũng mong cho mau đến năm mới. Năm mới đến thì Nhuận Thổ cũng đến mà! Chờ mãi mới hết năm. Một hôm, mẹ tôi bảo : "Thằng Nhuận Thổ đến rồi đấy !". Tôi liền chạy ra xem. Hắn đang đứng trong bếp, khuôn mặt tròn trĩnh, nước da bánh mật, đầu đội mũ lông chiên bé tí tẹo, cổ đeo vòng bạc sáng loáng. Đủ biết bố hắn quý hắn như thế nào : sợ hắn khó nuôi, bố hắn đã nguyện trước thần phật làm vòng xích, xích lại. Hắn thấy ai là bẽn lẽn,

chỉ không bẽn lẽn với một mình tôi thôi. Khi vắng người, hắn mới nói chuyện với tôi. Thế là chưa đầy nửa ngày, chúng tôi đã thân nhau. Không biết bấy giờ chúng tôi nói với nhau những gì, chỉ nhớ rằng Nhuận Thổ thích chí lắm. Hắn bảo lên tỉnh hắn mới được trông thấy những điều hắn chưa bao giờ trông thấy cả.

Hôm sau, tôi rủ hắn bẫy chim. Hắn nói:

– Không được đâu ! Phải chờ tuyết xuống cho nhiều đã. Làng em toàn đất cát, hễ tuyết xuống là em quét lấy một khoảng đất trống, dùng một cái que ngắn chống một cái nong lớn, rắc ít lúa lép, thấy chim tước xuống ăn, đứng đằng xa giật mạnh sợi dây buộc vào cái que, thế là chim bị chụp vào nong hết. Thứ nào cũng có : sẻ đồng, chào mào, "bột cô", sẻ xanh lưng.

Thế là tôi lại càng chờ ngày tuyết xuống.

Nhuận Thổ lại nói :

– Bây giờ trời đang rét lắm. Đến mùa hè, anh xuống nhà em chơi. Ban ngày, chúng mình ra biển nhặt vỏ sò, màu đỏ có, màu xanh có, đủ cả. Có cả sò "mặt quỷ", sò "tay phật"[5]. Tối đến, em và thầy em đi canh dưa thì anh cũng đi...

– Canh trộm à ?

– Không phải. Ở làng em, người đi qua đường khát nước hái một quả dưa ăn, không kể là lấy trộm. Canh là canh lợn rừng, nhím, tra. Này nhé! Sáng trăng. Có tiếng sột soạt. Tra đang ngốn dưa đấy ! Thế là cầm đinh ba khe khẽ tiến lên...

Hồi đó và cho cả đến bây giờ nữa, tôi vẫn chưa biết con tra là con gì. Chẳng căn cứ vào đâu, tôi cứ tưởng tượng hình thù nó như con chó con nhưng dữ tợn hơn.

– Nó không cắn à ?

– Đã có đinh ba[6] rồi. Tiến lên gần, thấy tra là đâm ngay. Giống ấy tinh khôn lắm. Nó quay lại, đâm thẳng về phía mình rồi luồn qua háng mình biến mất. Lông, da nó trơn như mỡ.

Tôi chưa hề biết trên đời này lại có những chuyện mới lạ như vậy : bên bờ biển có những vỏ sò đủ màu sắc như thế kia, và có được quả

thuongmaitr

dưa hấu ăn cũng phải trải qua bao nhiêu là nguy hiểm. Trước đây tôi chỉ biết quả dưa hấu bán ở hàng hoa quả mà thôi !

– Ở đất cát chúng em, lúc thủy triều dâng lên, có rất nhiều những con "cá nhảy", cứ nhảy lung tung, hai chân như chân nhái.

Trời ! Nhuận Thổ hắn biết nhiều chuyện lạ lùng lắm, kể không xiết! Những chuyện đó, bạn bè tôi từ trước đến nay, không ai biết cả. Chúng nó không biết là vì trong khi Nhuận Thổ sống bên bờ biển thì chúng nó, cũng như tôi, chỉ nhìn thấy một mảnh trời vuông trên bốn bức tường cao bao bọc lấy cái sân mà thôi !

Nhưng tiếc thay, đã hết tháng giêng. Nhuận Thổ phải về quê hấn. Lòng tôi xốn xang, tôi khóc to lên. Hấn lẩn trong bếp, cũng khóc mà không chịu về. Nhưng rồi bố hấn cũng lôi hấn đi. Sau đó, hấn có nhờ bố hấn mang lên cho tôi một bọc vỏ sò và mấy thứ lông chim rất đẹp. Tôi cũng có vài lần gửi cho hấn ít quà. Nhưng từ đấy chúng tôi không hề gặp mặt nhau nữa.

uongxua.vn

Bây giờ mẹ tôi nhắc đến Nhuận Thổ, kí ức tôi bỗng dưng như bừng sáng lên trong chốc lát. Tôi cảm thấy tựa hồ tôi đã tìm ra được quê hương tôi đẹp ở chỗ nào rồi. Tôi trả lời mẹ tôi :

– Thế thì hay quá ! Anh ta... ra sao ?

– Anh ta ấy à ? Tình cảnh cũng chẳng ra gì. – Mẹ tôi vừa nói vừa nhìn ra phía ngoài – Mấy người kia lại đến ! Nói mua đồ gỗ nhưng cứ tiện tay mang bừa đi. Mẹ phải ra xem xem sao.

Mẹ tôi đứng dậy, đi ra. Ngoài cửa có tiếng đàn bà đang hỏi chuyện. Tôi gọi cháu Hoàng đến gần, hỏi vớ vẩn : hỏi nó đã biết viết chưa, có thích đi xa không.

– Chúng ta có đi tàu hỏa không bác ?

– Có, chúng ta đi tàu hỏa.

– Thế có đi thuyền không, bác ?

– Có, đi thuyền trước...

Bỗng có tiếng ai lạ, the thé nói to lên :

– Thế này rồi kia à ! Râu mọc dài thế này rồi kia à !

Tôi giật mình, vội ngẩng đầu lên thì trông thấy một người đàn bà, trên dưới năm mươi tuổi, lưỡng quyền[7] nhô ra, môi mỏng dính, hai tay chống nạnh, không buộc thắt lưng, chân đứng chạng ra, giống hệt cái com-pa trong bộ đồ vẽ, có hai chân bé tí.

Tôi rất lấy làm ngạc nhiên.

– Không nhận ra à ! Ngày bé tôi vẫn bế anh đấy !

Tôi lại càng ngạc nhiên hơn. May mà lúc đó mẹ tôi bước vào, đỡ lời cho :

– Cháu nó đi xa lâu ngày thành ra quên hết cả. Con nhớ nhá !

Rồi ngoảnh về phía tôi nói :

– Đây là thím Hai Dương ở xế cửa nhà ta đây mà ! Thím mở hàng bán đậu phụ.

A ! Nhớ ra rồi. Hồi tôi còn bé, quả có một chị Hai Dương vẫn ngồi trong quán bán đậu phụ xế cửa nhà tôi, người ta gọi chị là "nàng Tây Thi[8] đậu phụ". Nhưng hồi đó, chị xoa phấn, lưỡng quyền không cao như thế này, môi cũng không mỏng như bây giờ. Và chị cứ ngồi suốt buổi nên tôi cũng chưa hề được nhìn thấy cái dáng điệu "com-pa" của chị. Hồi đó người ta nói, sở dĩ hàng đậu phụ bán chạy là vì có chị ta. Song có lẽ vì tôi không cùng lứa tuổi với chị, cũng chưa bao giờ bị chị ta làm cho đắm đuối, nên mới quên bẵng đi. Nhưng cái "com-pa" kia lấy làm bất bình lắm, tỏ vẻ khinh bỉ, cười khẩy tôi như cười khẩy một người Pháp không biết đến Nã Phá Luân[9], một người Mĩ không biết đến Hoa Thịnh Đốn[10] vậy ! Rồi nói :

– Quên à ! Phải, bây giờ cao sang rồi thì để ý đâu đến bọn chúng tôi nữa !

Tôi hoảng hốt, đứng dậy nói :

– Đâu có phải thế ! Tôi...

– Thế thì tôi nói anh nghe nhé ! Anh Tấn này ! Anh bây giờ sang trọng rồi, còn cần quái gì các thứ đồ gỗ hư hỏng này nữa. Chuyên chở lại lịch kịch lắm. Cho chúng tôi khuân đi thôi. Chúng tôi nhà nghèo dùng được tất.

– Có gì đâu mà sang trọng! Chúng tôi cần phải bán các thứ này đi để...

– Ái chà ! Anh bây giờ làm quan rồi mà bảo là không sang trọng ? Những ba nàng hầu. Mỗi lần đi đâu là ngồi kiệu lớn tám người khiêng, còn bảo là không sang trọng ? Hừ ! Chẳng cái gì giấu nổi chúng tôi đâu !

Tôi biết không thể nói làm sao được đành ngậm miệng, đứng trầm ngâm.

– Ôi chào ! Thật là càng giàu có càng không dám rời một đồng xu ! Càng không dám rời một đồng xu lại càng giàu có !

Mụ "com-pa" tức giận, miệng lẩm bẩm, quay gót thong thả đi ra, tiện tay giật luôn đôi bít tất tay của mẹ tôi giất vào lưng quần, cút thẳng.

Sau đó, lại có mấy người bà con hàng xóm và mấy người thân thuộc đến thăm. Tôi vừa tiếp khách vừa tìm chút thì giờ rảnh sửa soạn hành lí. Như thế mất ba bốn ngày.

Một hôm, trời rét lắm. Quá trưa, tôi vừa ăn cơm xong, đang ngồi uống trà, bỗng nghe như có tiếng ai ở ngoài đi vào. Ngoảnh ra xem tôi ngạc nhiên vô cùng vội vàng đứng dậy ra đón.

Người đi vào là Nhuận Thổ. Tuy tôi nhận ra ngay là Nhuận Thổ, nhưng lại không phải là Nhuận Thổ trong kí ức tôi. Anh cao gấp hai trước, khuôn mặt tròn trĩnh, nước da bánh mật trước kia nay đổi thành vàng xạm, lại có thêm những nếp răn sâu hóm. Cặp mắt giống hệt cặp mắt bố anh ngày trước, mi mắt viền đỏ húp mọng lên. Tôi không lấy làm lạ, ở miền biển, gió thổi suốt ngày đại để ai cũng thế cả. Anh đội một cái mũ lông chiên rách tươm, mặc một chiếc áo bông mỏng dính, người co ro cúm rúm, tay cầm một bọc giấy và một tẩu thuốc lá dài. Bàn tay này cũng không phải là bàn tay tôi còn nhớ, hồng hào, lanh lẹn, mập mạp, cứng rắn, mà vừa thô kệch vừa nặng nề, nứt nẻ như vỏ cây thông.

Lúc bấy giờ tôi mừng rỡ vô cùng, nhưng chưa biết nói thế nào cho phải, đành chỉ hỏi :

– À, anh Nhuận Thổ, anh đã đến đấy à !

Tôi còn có rất nhiều chuyện để nói tiếp, tưởng chừng có thể tuôn ra như nước chảy "nào là chim chào mào, nào là cá nhảy, vỏ sò, tra..." nhưng không biết hình như có cái gì chẹn lại, chỉ loanh quanh trong đầu óc, không thốt ra thành lời được.

Nhuận Thổ đứng dừng lại, nét mặt vừa hớn hở vừa thê lương, môi mấp máy, nhưng cũng nói không ra tiếng. Rồi bỗng anh lấy một dáng điệu cung kính, chào rất rành mạch :

– Bẩm ông !

Tôi như điếng người đi. Thôi đúng rồi ! Giữa chúng tôi đã có một bức tường khá dày ngăn cách. Thật là bi đát. Tôi cũng nói không nên lời.

Anh ta ngoảnh đầu lại gọi :

– Thủy Sinh. Con không lạy ông đi kìa !

Anh liền kéo đứa bé nấp sau lưng anh ra. Trông nó giống hệt anh hai mươi năm về trước, chỉ có điều vàng vọt, gày còm hơn một tí, và cổ không đeo vòng bạc mà thôi.

– Thưa, đây là cháu thứ năm đấy ạ ! Chưa đi đâu bao giờ, cứ thấy ai là lẩn tránh...

Mẹ tôi và cháu Hoàng chừng đã nghe thấy tiếng từ trên gác đi xuống.

Anh Nhuận Thổ nói :

– Lạy cụ ạ ! Thư cụ con đã nhận được, biết ông có về chơi, thật mừng quá !

Mẹ tôi vui vẻ nói :

– Ấy, sao lại khách tình thế ! Chẳng phải là trước kia, vẫn gọi nhau bằng anh em cơ mà ? Cứ gọi là anh Tấn như trước thôi !

– Ái chà ! Cụ thật là... Như thế thì còn ra thể thống nào nữa. Hồi đó, còn nhỏ dại, chưa hiểu...

thuongmaitr

Anh Nhuận Thổ vừa nói vừa gọi Thủy Sinh lại chào, nhưng thằng bé bẽn lẽn, bám sát vào lưng bố.

Mẹ tôi nói :

– Cháu Thủy Sinh đấy à ? Cháu thứ năm phải không nhỉ ? Toàn là người lạ, chả trách rụt rè là phải. Hoàng đâu, dẫn em ra chơi đi !

Hoàng nghe nói liền gọi Thủy Sinh. Thủy Sinh nhẹ nhàng khoan khoái cùng Hoàng đi ra. Mẹ tôi bảo Nhuận Thổ ngồi. Anh ngập ngừng một lát rồi cũng ngồi xuống, để cái tẩu thuốc dựa vào mé bàn, đưa cái gói giấy ra nói :

– Ngày đông tháng giá, chẳng có gì. Đây chỉ là ít đậu xanh của nhà phơi khô, xin ông...

Tôi hỏi thăm gia đình anh. Anh chỉ lắc đầu :

– Bẩm, vất vả lắm ! Cháu thứ sáu cũng đã giúp được việc, nhưng nhà vẫn không đủ ăn, lại có được sống yên ổn đâu !... Chỗ nào cũng hỏi tiền, chẳng có luật lệ gì cả. Mùa lại mất. Trồng được gì là gánh đi bán tất. Chỉ đóng góp vài lần là cụt vốn rồi. Không đem bán thì lại thối mục hết.

Anh cứ lắc đầu. Những nếp răn khắc sâu trên mặt anh tuyệt nhiên không động đậy. Trông anh phảng phất như một pho tượng đá. Có lẽ anh chỉ cảm thấy khổ nhưng không nói ra được hết, ngồi trầm ngâm một lúc, rồi cầm lấy dọc tẩu, lặng lẽ hút thuốc.

Mẹ tôi hỏi chuyện anh, biết nhà anh bận lắm việc, ngày mai phải về, lại chưa ăn cơm trưa, liền bảo anh xuống bếp rang cơm ăn.

Anh đi ra. Mẹ tôi và tôi đều than thở, buồn cho cảnh nhà anh : con đông, mùa mất, thuế nặng, lính tráng, trộm cướp, quan lại, thân hào đày đọa thân anh khiến anh trở thành đần độn, mụ mẫm đi ! Mẹ tôi bàn với tôi :

– Cái gì không cần chở đi thì cho anh ta hết. Cứ để cho tùy ý chọn, lấy cái nào thì lấy.

trên vòm trời xanh đậm, treo lơ lửng một vừng trăng tròn vàng thắm. Tôi nghĩ bụng : đã gọi là hi vọng thì không thể nói đâu là thực, đâu là hư. Cũng giống như những con đường trên mặt đất; kì thực trên mặt đất vốn làm gì có đường. Người ta đi mãi thì thành đường thôi.

TRƯƠNG CHÍNH *dịch*
Lỗ Tấn, *Truyện ngắn tuyển tập.*
NXB Văn học, Hà Nội, 1977)

Chú giải

(1) Thực tế không phải như vậy – Trong khoảng hai mươi năm ấy, Lỗ Tấn có về quê một số lần. Đặc biệt từ năm 1909 đến năm 1911, Lỗ Tấn đã dạy học tại các trường trung học và sư phạm ở quê nhà. Không gian, thời gian được trình bày như trong tác phẩm có tác dụng vừa làm nổi bật sự thay đổi của cố hương, vừa tô đậm thêm tình cảm của nhân vật Tôi đối với cố hương.

Dù nhiều chi tiết trong tác phẩm là sự việc có thực trong cuộc đời Lỗ Tấn song không bao giờ nên đồng nhất nhân vật Tôi và tác giả. *Cố hương* là một *truyện ngắn* chứ không phải là *hồi kí*.

thuongmaitr

(2) *Kí ức :* trí nhớ (về những việc đã qua).

(3) *Tra :* tên một giống thú thuộc loài lợn rừng.

(4) *Ngũ hành khuyết thổ :* theo quan niệm duy tâm về tướng số thì người ta có ngũ hành : kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Nhân vật trong truyện này sinh vào tháng nhuận nên thiếu mất một hành là hành thổ, vì thế phải đặt tên là Nhuận Thổ.

(5) *Sò "mặt quỷ", sò "tay phật" :* các giống sò được đặt tên theo hình dáng vỏ ngoài của chúng.

(6) *Đinh ba :* loại vũ khí có cán dài, đầu bằng sắt chĩa ra nhiều mũi nhọn để đâm, xỉa.

(7) *Lưỡng quyền :* hai bên gò má.

(8) *Tây Thi :* tên một phụ nữ rất đẹp ở nước Việt (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) thời Xuân Thu, sau lấy vua nước Ngô là Phù Sai. Người ta thường ví một phụ nữ đẹp, thậm chí một phong cảnh đẹp với Tây Thi. Ở đây dùng điển Tây Thi rất đúng chỗ vì thím Hai Dương là "đồng hương" với Tây Thi song đặt chữ "đậu phụ" bên cạnh tên Tây Thi lại gây nên giọng điệu hài hước, một nét ta

thường thấy ở truyện ngắn Lỗ Tấn, dù là tác phẩm mang đậm màu sắc trữ tình như *Cố hương*.

(9) *Nã Phá Luân :* tên một hoàng đế nước Pháp (phiên âm theo kiểu cũ) nổi tiếng khắp thế giới vào đầu thế kỉ XIX (tiếng Pháp đọc là Na-pô-lê-ông).

(10) *Hoa Thịnh Đốn :* phiên âm theo kiểu cũ tên của Oa-sinh-tơn (1732 – 1799), vị Tổng thống đã sáng lập ra nước cộng hòa Mĩ.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tìm bố cục của truyện (*Gợi ý* : theo trình tự thời gian của chuyến về quê của nhân vật Tôi để chia thành ba phần: phần giữa, dài nhất – "những ngày ở quê" – có thể chia thành một số đoạn nhỏ).

2. Phân tích sự thay đổi ở nhân vật Nhuận Thổ sau hai mươi năm xa cách nhân vật Tôi (về diện mạo, về tinh thần). Nguyên nhân của sự thay đổi ? Sự thay đổi đó nói lên điều gì ? Có mặt nào ở Nhuận Thổ không thay đổi ? Ý nghĩa của những mặt không thay đổi đó ? Tác giả đã dùng những thủ pháp nghệ thuật nào để làm nổi bật sự thay đổi ở Nhuận Thổ?

3. Tìm hiểu diễn biến tình cảm của nhân vật Tôi đối với làng quê (*Gợi ý* : men theo ba phần của truyện, đặc biệt chú ý đoạn hồi ức về quan hệ giữa Tôi và Nhuận Thổ trong quá khứ và phần cuối tác phẩm ghi lại những suy ngẫm của Tôi trên đường rời quê). Những nét đáng quý trong tình cảm đối với quê hương của nhân vật Tôi.

4. Ngoài Nhuận Thổ và Tôi, trong truyện còn có nhiều nhân vật khác : mẹ của Tôi, Hoàng, Thủy Sinh, thím Hai Dương, đứa cháu gái của Nhuận Thổ... Thử phân tích ý nghĩa sự có mặt của *một* trong những nhân vật ấy.

5. Câu hỏi thảo luận : a) Có người cho rằng Nhuận Thổ và Tôi đều là nhân vật chính của truyện nhưng Tôi mới là nhân vật trung tâm. Em có đồng ý không ? Vì sao ? b) Có người cho rằng tác phẩm có một hình tượng bao trùm, ấy là "cố hương". Em có đồng ý không ? Vì sao ?

Bài 4

THỜI THƠ ẤU

(Trích)

GOR-KI

Tiểu dẫn

Măc-xim Gor-ki (1868 – 1936) là một nhà văn lớn của nước Nga, là người có công đầu trong việc xây dựng nền văn học Xô viết (tức là nền văn học của Liên Xô). Cuối thế kỉ trước, Gor-ki xuất hiện như con "chim báo bão" của cách mạng và ngày nay những trang sách của ông vẫn hết sức hấp dẫn, sáng chói niềm tin yêu đối với con người, đối với nhân dân.

Kiệt tác *Thời thơ ấu* được viết trong những năm 1912 – 1913. Đây là những trang hồi kí về những năm thơ ấu của A-li-ô-sa Pê-skôp (tên thật của Măc-xim Gor-ki), từ khi chú bé mới ba tuổi bị mồ côi bố đến ngày phải tự lực kiếm sống, chú bé mới mười tuổi đầu.

Bài văn sau đây được trích từ chương IX, nói về tình bạn giữa A-li-ô-sa (nhân vật xưng "tôi") và ba đứa trẻ nhà láng giềng. A-li-ô-sa thuộc tầng lớp bình dân, cuộc sống khốn khổ. Ba đứa trẻ kia là con của đại tá Ôp-xi-an-ni-kôp, thành phần quý tộc.

thuongmaitr

Hầu như chiều nào cũng vậy, có ba đứa trẻ chơi đùa ở trong sân cho đến tối mịt. Ba đứa cùng mặc áo cánh và quần dài màu xám, cùng đội mũ như nhau. Chúng có khuôn mặt tròn, mắt xám và giống nhau đến nỗi tôi chỉ có thể phân biệt được chúng theo tầm vóc.

Tôi quan sát chúng qua khe hở hàng rào, nhưng chúng không nhìn thấy tôi : tôi thì lại rất muốn chúng nhìn thấy tôi. Tôi thích xem chúng chơi những trò chơi không quen biết một cách rất thú vị, vui vẻ và không bao giờ cãi nhau. Tôi thích cách ăn vận của chúng, thích thái độ săn sóc của chúng đối với nhau, nhất là của hai thằng anh đối với đứa em nhỏ, một thằng bé ngộ nghĩnh và lanh lợi. Mỗi khi thằng em ngã là hai đứa anh lại cười, như người ta vẫn thường cười những người bị ngã, nhưng không phải cười một cách độc ác. Ngay lúc đó

chúng đỡ thằng em dậy, và nếu tay hoặc đầu gối nó bẩn thì chúng lấy lá ngưu bàng hoặc khăn tay lau các ngón tay và quần cho sạch. Thằng anh thứ hai nói một cách hiền hậu :

– Em lóng ngóng quá !

Chúng không bao giờ cãi nhau, không bao giờ gian lận. Cả ba đều rất nhanh nhẹn, khỏe mạnh, không biết mệt mỏi là gì.

Một lần tôi leo lên cây và huýt sáo gọi chúng, chúng dừng ngay lại, rồi không vội vàng, chúng túm lại, đưa mắt nhìn tôi, và thì thầm bàn bạc gì với nhau. Tôi tưởng chúng định lấy đá ném tôi, liền tụt xuống đất, nhặt đá bỏ vào túi, nhét vào trong áo rồi lại trèo lên cây. Nhưng lúc này chúng đã chơi xa chỗ tôi, ở tận phía cuối sân và xem chừng đã quên mất tôi. Tôi buồn quá, tuy vậy tôi cũng vẫn không muốn gây sự trước. Một lát sau có tiếng người gọi chúng qua cửa sổ :

– Đi về, các con !

Chúng thong thả và ngoan ngoãn đi vào hệt như những chú ngỗng.

Đã nhiều lần tôi ngồi trên cây phía trên hàng rào, hi vọng chúng gọi tôi xuống chơi với chúng, nhưng chúng không gọi. Tôi đã chơi với chúng trong ý nghĩ, và có lúc tôi đã say sưa đến nỗi hét lên hoặc cười thật to. Lúc đó ba đứa đều nhìn tôi và nói khẽ với nhau điều gì, còn tôi ngượng quá bèn tụt xuống đất.

Một lần chúng bắt đầu chơi ú tim. Đến lượt thằng anh thứ hai đi tìm, nó đứng vào một xó ở đằng sau nhà kho và lấy hai tay bịt mắt thật kín, còn hai anh em nó thì chạy đi trốn. Thằng anh nhanh nhẹn chui ngay vào trong một cỗ xe trượt tuyết to tướng ở dưới mái hiên nhà kho, còn thằng em thì cuống lên, cứ chạy quanh cái giếng không biết trốn vào đâu trông đến buồn cười.

Thằng anh kêu :

– Một... hai...

Thằng em liền nhảy lên thành giếng, nắm lấy dây và đứng vào chiếc gầu không. Chiếc gầu biến mất, đập vào thành giếng phát ra

những tiếng âm vang. Tôi sững sờ nhìn chiếc ròng rọc trơn dầu lặng lẽ quay nhanh. Nhưng lập tức, tôi hiểu điều sẽ xảy ra, tôi liền nhảy phắt xuống sân, kêu to :

– Ngã xuống giếng rồi !...

Thằng anh thứ hai chạy tới thành giếng cùng một lúc với tôi, nó nắm lấy dây gầu nhưng bị nhấc bổng lên khiến tay nó bị bỏng rát, nhưng tôi đã kịp chộp lấy sợi dây, và liền lúc đó thằng anh lớn chạy tới giúp tôi kéo chiếc gầu lên. Nó nói :

– Khẽ chứ nhé !...

Chúng tôi kéo được thằng bé lên ngay. Nó cũng sợ, bàn tay phải của nó rớm máu, má bị sây sát. Nó bị ướt đến thắt lưng, mặt tái xanh nhưng vẫn mỉm cười. Nó rùng mình, hai mắt mở to, mỉm cười và nói, giọng kéo dài :

– Em bị ng–ã... ã... ghê–ê quá...

– Mày thật là điên, – thằng anh thứ hai nói, ôm lấy thằng bé, và lấy khăn tay lau máu trên mặt nó. Còn thằng anh lớn thì cau mày nói :

– Đi vào thôi, đằng nào cũng chẳng giấu được...

– Các cậu liệu có bị đánh không ? – tôi hỏi.

Nó gật đầu, sau đó chìa tay cho tôi và nói :

– Cậu chạy đến nhanh lắm !

Vui thích vì được khen, tôi chưa kịp nắm lấy tay nó thì nó đã nói với thằng thứ hai :

– Đi vào nhà thôi, kẻo nó bị cảm bây giờ ! Chúng ta sẽ bảo là nó bị ngã, nhưng đừng nói là ngã xuống giếng !

– Phải rồi, đừng nói, – thằng em vẫn còn rùng mình, đồng ý. – Bảo là em ngã vào vũng nước nhé !

Rồi chúng đi vào.

Tất cả những chuyện đó xảy ra nhanh đến nỗi lúc nhìn lại cành cây từ trên đó tôi đã nhảy xuống, tôi thấy nó vẫn còn rung rung và một chiếc lá vàng rụng xuống.

thuongmaitr

Có đến gần một tuần không thấy ba anh em nhà ấy ra sân chơi, nhưng sau đó chúng lại xuất hiện, ồn ào hơn trước. Thằng anh lớn nhìn thấy tôi trên cây, nó gọi, giọng thân mật :

– Xuống đây chơi với chúng tớ !

Chúng tôi leo lên cái xe trượt tuyết cũ để ở dưới mái hiên nhà kho rồi vừa ngắm nghía nhìn nhau, vừa nói chuyện rất lâu.

– Các cậu có bị đánh không ?

– Có, – thằng anh lớn trả lời.

Tôi thấy khó mà tin được rằng những đứa trẻ này cũng bị đánh như tôi, tôi thấy tức thay cho chúng.

– Sao cậu lại bắt chim ? – thằng bé nhất hỏi.

– Vì chúng nó hót hay lắm.

– Không nên bắt, cứ để cho chúng nó muốn bay đi đâu thì bay...

– Được, tớ sẽ không bắt nữa !

– Nhưng cậu hãy bắt cho mình một con đã.

– Cậu muốn chim gì ?

– Chim gì hót vui ấy. Để nhốt vào lồng.

– Thế thì chim bạch yến chứ gì ?

– Mèo nó bắt mất, – thằng thứ hai nói – Mà bố cũng chẳng cho nuôi đâu.

Thằng anh lớn đồng ý :

– Đúng đấy, bố chẳng cho đâu...

– Thế các cậu có mẹ không ?

– Không, – thằng anh lớn nói. Nhưng thằng thứ hai chữa lại :

– Có, nhưng là mẹ khác, không phải là mẹ chúng tớ, chúng tớ không còn mẹ, mẹ chúng tớ chết rồi.

– Mẹ khác thì gọi là dì ghẻ, – tôi nói.

uongxua.vn

Thằng anh lớn gật đầu :

– Ừ.

Và cả ba đứa có vẻ suy nghĩ, gương mặt sầm lại.

Qua những câu chuyện cổ tích của bà tôi, tôi đã biết thế nào là dì ghẻ, vì vậy tôi rất thông cảm với sự yên lặng suy nghĩ của bọn trẻ. Chúng ngồi sát vào nhau, giống nhau như những chú gà con. Tôi nhớ lại chuyện mụ dì ghẻ phù thủy đã dùng mưu đánh lừa để giả làm mẹ thật, tôi liền bảo chúng :

– Mẹ thật của các cậu rồi thế nào cũng sẽ về, rồi các cậu xem !

Thằng anh lớn nhún vai :

– Chết rồi cơ mà, về làm sao được...

Không được ư ? Trời ơi, biết bao nhiêu lần những người chết, thậm chí đã bị xả ra thành từng mảnh, mà chỉ cần vẩy cho ít nước phép là lại sống lại : có biết bao nhiêu người chết mà không phải là chết thật, vì phép của bọn phù thủy !

Tôi bèn kể lại một cách sôi nổi cho chúng nghe những chuyện của bà tôi. Lúc đầu thằng anh lớn chỉ mỉm cười, sau nó nhẹ nhàng bảo :

– Những chuyện ấy chúng tớ biết cả rồi, đấy là những chuyện cổ tích...

Hai em nó im lặng nghe, thằng bé nhất mím chặt môi và phồng má lên, còn thằng kia thì chống khuỷu tay lên đầu gối, cúi về phía tôi, tay kia quàng lên vai em nó, ấn thằng này cúi xuống.

Trời đã bắt đầu tối, những đám mây đỏ treo lơ lửng trên các mái nhà. Bỗng dưng trước mặt chúng tôi hiện ra một lão già với bộ ria trắng, mình vận chiếc áo nâu, dài lùng thùng trông giống như một giáo sĩ ; đầu lão đội chiếc mũ xù lông.

– Đứa nào đây ? – lão già hỏi và chỉ vào tôi.

Thằng anh lớn đứng dậy, hất đầu về phía nhà ông tôi :

– Nó ở bên kia sang...

thuongmaitr

– Đứa nào gọi nó sang ?

Tức thì cả mấy đứa trẻ lặng lẽ bước ra khỏi chiếc xe và đi về nhà, khiến tôi lại nghĩ đến những con ngỗng ngoan ngoãn.

Lão già nắm chặt lấy vai tôi và dẫn tôi qua sân ra cổng. Lão làm tôi sợ đến phát khóc, nhưng lão bước dài và nhanh đến nỗi tôi chưa kịp khóc òa lên thì đã ở ngoài đường rồi. Lão già dừng trước cổng, giơ ngón tay dọa tôi và nói :

– Cấm không được đến chỗ tao !

Tôi cáu tiết :

– Tôi có thèm đến với lão đâu, đồ quỷ già !

Lão giơ cánh tay dài ngoẳng ra và lại tóm được tôi. Lão lôi tôi đi trên hè phố và hỏi tôi một câu làm tôi choáng váng chẳng khác gì bị một nhát búa nện vào đầu :

– Ông mày có nhà không ?

Không may cho tôi là ông tôi lại có nhà[1]. Trông thấy lão già hầm hầm, ông tôi đứng dậy. Đầu ngẩng lên, bộ râu vểnh về phía trước, ông tôi nhìn vào cặp mắt đục và tròn như hai đồng xu của lão già, hấp tấp nói :

– Mẹ nó đi vắng, còn tôi thì bận luôn, thành thử không có ai trông nom nó, xin đại tá tha lỗi cho !

Lão đại tá quát ầm cả nhà, rồi lão quay đằng sau trông cứng đờ như một cây gỗ và đi thẳng. Còn tôi thì một lúc sau bị ném ra sân, vào trong chiếc xe của bác Pi-ôt.

– Chú mày lại bị tóm cổ rồi phải không ? – bác vừa hỏi vừa tháo ngựa ra khỏi xe. – Tại sao bị đánh ?

Khi tôi kể chuyện cho bác nghe, bác nổi xung và rít lên :

– Thế mày chơi với cái lũ con nhà quý tộc, lũ rắn non ấy làm gì ? Chơi với chúng nó đã thấy sướng chưa ! Bây giờ thì mày đi mà nện cho chúng nó một trận, còn chờ gì nữa !

Bác ta nói như thế rất lâu. Bực mình vì trận đòn, lúc đầu tôi còn nghe bác với vẻ đồng tình, nhưng bộ mặt nhăn nheo của bác cứ rung

rung mỗi lúc trông một khó chịu thêm và làm tôi nhớ lại rằng những đứa trẻ kia cũng sẽ bị đánh và đối với tôi chúng không có tội gì cả.

– Sao tôi lại đánh chúng nó ? Chúng nó tốt lắm. Bác chỉ toàn nói láo thôi ! – tôi nói.

Bác nhìn tôi và bất thình lình hét lên :

– Cút khỏi xe tao ngay !

– Đồ ngốc ! – Tôi nhảy xuống đất và hét lên.

Bác liền đuổi theo tôi quanh sân, nhưng cứ bất hụt mãi, vừa chạy bác vừa la, giọng lạc hẳn đi :

– Tao mà là đồ ngốc à ? Tao mà nói láo à ? Tao phải cho mày...

Bà tôi bước ra cửa bếp, tôi liền chạy tới nép vào bà tôi. Còn bác Pi-ôt thì phàn nàn :

– Tôi không thể sống được với cái thằng nhãi ranh này ! Tôi nhiều tuổi hơn nó đến năm lần mà nó dám réo cha réo mẹ tôi ra mà chửi, bảo tôi là đồ nói láo...

Mỗi khi người ta đặt điều ngay trước mặt tôi, tôi thường sững sờ và trở nên đần độn vì kinh ngạc. Lúc này tôi cũng đờ đẫn cả người. Nhưng bà tôi đã trả lời dứt khoát :

– Ối chà, bác Pi-ôt, tự bác đặt điều ra thì có, nó không chửi bác như vậy đâu !

Giá phải ông tôi thì ông tôi đã tin lời lão đánh xe rồi.

Từ hồi đó trở đi bắt đầu một cuộc chiến tranh âm thầm và gay gắt giữa bác Pi-ôt và tôi : bác ta cố tìm mọi cách giả như vô tình để xô đẩy tôi, lấy dây cương quật tôi, thả chim của tôi ra ; một lần bác ta còn đem chim của tôi cho mèo vồ. Bất cứ chuyện gì bác cũng đem mách ông tôi và luôn luôn bịa đặt thêm. Càng ngày tôi càng cảm thấy rằng bác ta cũng là đồ trẻ con như tôi, chỉ có mặt như ông già mà thôi. Về phía tôi, tôi tìm cách tháo giày gai của bác ta ra, tôi bí mật gỡ và cứa đứt những sợi gai để khi bác ta xỏ chân vào thì chúng đứt bung ra. Một hôm tôi đổ hạt tiêu vào mũi của bác làm cho bác ta hắt hơi hàng giờ liền. Nói chung, tôi cố sức trong phạm vi khả năng của tôi không chịu thua kém bác ta. Vào những ngày lễ,

thuongmaitr

suốt ngày bác ta để ý theo dõi tôi và đã nhiều lần bắt gặp tôi nói chuyện với mấy đứa con lão đại tá là điều tôi đã bị cấm. Thế là bác đi tố cáo với ông tôi.

Tôi vẫn tiếp tục chơi với ba đứa bé kia và quan hệ giữa tôi với chúng càng ngày càng trở nên thích thú. Trong một ngách hẹp giữa bức tường nhà tôi và hàng rào nhà Ốp-xi-an-ni-kôp có một cây du, một cây bồ đề và một bụi hương mộc rậm rạp. Nấp sau bụi cây đó tôi khoét một lỗ hổng hình bán nguyệt(2) ở hàng rào. Mấy đứa con lão quý tộc, lần lượt từng đứa hoặc hai đứa một, lại gần, và chúng tôi ngồi xổm hoặc quỳ nói chuyện khe khẽ với nhau. Một đứa trong số ba anh em chúng phải luôn luôn đứng cạnh để đề phòng lão đại tá bất chợt bắt gặp chúng tôi.

Chúng kể cho tôi nghe cuộc sống buồn tẻ của chúng, và những chuyện đó làm tôi rất buồn. Chúng kể cho tôi nghe về những con chim tôi bẫy được đang sống như thế nào và nhiều chuyện trẻ con khác, nhưng tôi nhớ lại thì không bao giờ chúng nói một lời nào về dì ghẻ và bố chúng. Thường thì chúng chỉ đề nghị tôi kể chuyện cổ tích. Tôi kể lại những chuyện mà bà tôi đã kể, và nếu quên chỗ nào thì tôi bảo chúng đợi, rồi chạy về nhà hỏi lại bà tôi. Điều đó thường làm cho bà tôi rất hài lòng.

Tôi cũng kể cho chúng nhiều chuyện về bà tôi. Một hôm thằng lớn thở dài và nói :

– Có lẽ tất cả các bà đều rất tốt, bà mình trước cũng rất tốt...

Nó thường nói một cách buồn bã như vậy : ngày trước, trước kia, đã có lúc... dường như nó đã sống trên trái đất này một trăm năm, chứ không phải mười một năm. Tôi còn nhớ nó có đôi bàn tay nhỏ, những ngón tay thon thon và người nó mảnh dẻ, yếu ớt, cặp mắt nó rất sáng, nhưng dịu dàng như ánh sáng của những ngọn đèn trong nhà thờ. Hai em nó cũng rất đáng yêu, và cũng gây cho tôi một sự tin cậy hoàn toàn. Tôi luôn luôn muốn làm cho chúng vui thích, nhưng tôi ưa thằng lớn hơn cả.

TRẦN KHUYẾN, CẨM TIÊU, THANH NAM *dịch*

(Theo *Thời thơ ấu*, NXB Văn học, 1964)

tuongxua.vn

Chú giải

(1) *Không may cho tôi là ông tôi lại có nhà :* ông của A-li-ô-sa là một người ác nghiệt, dữ đòn.

(2) *Hình bán nguyệt :* hình nửa mặt tròn.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Những dấu hiệu gì chứng tỏ ba đứa trẻ là "con nhà có giáo dục". Nét nào trong tính nết và cách ứng xử của ba đứa trẻ làm em thích hơn cả ?

2. Thời gian đầu ba đứa trẻ hết sức dè dặt trong sự quan hệ với A-li-ô-sa. Vì sao ? Sau vụ hú vía xảy ra ở giếng, chúng thân mật mời A-li-ô-sa cùng chơi. Do đâu có sự thay đổi thái độ như vậy ?

3. Trong ba đứa trẻ, đứa nào tin, đứa nào không tin ở truyện cổ tích? Bản thân A-li-ô-sa có tin ở truyện cổ tích không ?

4. Bác Pi-ôt có thành kiến nặng nề với "lũ con nhà quý tộc", còn A-li-ô-sa thì có thái độ vô tư, hồn nhiên. Theo em, thái độ nào là thỏa đáng?

5. Trong hoàn cảnh gia đình của A-li-ô-sa có chỗ nào giống với hoàn cảnh gia đình của ba đứa trẻ ?

6. Trước sự hống hách của lão quý tộc đại tá, A-li-ô-sa đã phản ứng như thế nào ?

7. Qua bài trích văn này, em hình dung quan hệ của A-li-ô-sa với bà và với ông như thế nào ?

ĐỌC THÊM

THỜI THƠ ẤU

(Trích)

Tiểu dẫn

Bài văn này được trích từ chương XIII *Thời thơ ấu*. Gia đình sa sút, A-li-ô-sa phải lo kiếm tiền, đỡ đần cho bà. A-li-ô-sa hằng ngày cùng mấy đứa trẻ con "bụi đời", trong phố đi nhặt giẻ rách, giấy vụn, cũng có khi kéo nhau đi ăn trộm củi và ván trong những kho gỗ trên bờ sông.

thuongmaitı

Tôi cũng bắt đầu kiếm tiền : cứ đến ngày chủ nhật và ngày lễ là tôi dậy sớm, vớ lấy cái bị và đến các sân nhà, các phố để nhặt xương bò, giẻ rách, giấy vụn, đinh. Những người mua đồ cũ thường mua hai mươi kô-pêch một pút giẻ rách và giấy vụn, sắt cũng vậy, mười hoặc tám kô-pêch[1] một pút xương. Cả những ngày thường, cứ tan học là tôi đi nhặt, thứ bảy nào tôi bán các thứ linh tinh cũng được chừng ba mươi hoặc năm mươi kô-pêch, có khi gặp may còn được nhiều hơn nữa. Bà tôi cầm lấy số tiền của tôi, vội vàng nhét vào túi váy rồi vừa nhìn xuống đất vừa khen tôi :

– Cám ơn cháu ngoan của bà ! Cả hai bà cháu mà lại không kiếm nổi miếng ăn hay sao ? Có phải là chuyện gì ghê gớm lắm đâu !

Một hôm tôi nhìn trộm thấy bà tôi giữ những đồng năm kô-pêch của tôi trong lòng bàn tay, nhìn những đồng tiền ấy và lặng lẽ khóc, một giọt nước mắt đục ngầu đọng trên cái mũi xốm xốp như đá bọt.

Có một cách kiếm được nhiều tiền hơn đi nhặt giẻ rách, đó là ăn trộm củi và ván trong những kho gỗ ở trên bờ sông Ô-ka hoặc ở Pê-xki – một hòn đảo, nơi người ta thường buôn bán sắt trong những quán gỗ dựng vội trong kì hội chợ. Hội chợ xong người ta dỡ các quán đi, còn cột và ván thì xếp thành từng đống và gần như chúng cứ nằm ở đó – ở Pê-xki – mãi cho đến kì nước lũ mùa xuân. Những tiểu thị dân có nhà mua mỗi tấm ván tốt là mười kô-pêch, một ngày có thể lấy được hai ba tấm. Nhưng chỉ có thể làm ăn được vào những ngày xấu trời, khi bão tuyết hoặc mưa xua đuổi và bắt buộc những người gác đi ẩn náu.

Chúng tôi tập hợp được một bọn rất ăn ý với nhau : thằng Xan-ka Vi-a-khi[2] lên mười tuổi, con trai một mụ ăn mày người Mor-đvin[3], một thằng bé rất đáng yêu, tính tình dịu dàng và luôn luôn vui vẻ điềm đạm ; thằng Kô-xtrô-ma không cha không mẹ, tóc lúc nào cũng rối bù, người gầy giơ xương, mắt đen và to (sau này, năm mươi ba tuổi nó đã thắt cổ tự tử trong trại giam các trẻ em phạm tội, nó bị đưa vào đây

uongxua.vn

hết và sau những trận mưa đã rửa sạch những con đường lát đá ở khu hội chợ hoang vắng. Ở đây, trong khu hội chợ này, lúc nào cũng có thể nhặt được trong các cống rãnh rất nhiều đinh, mảnh sắt vụn. Chúng tôi thường nhặt được cả tiền đồng và tiền bạc. Nhưng để cho những người gác các dãy quán khỏi đuổi và khỏi tước mất bị của chúng tôi, chúng tôi hoặc phải biếu họ vài đồng kô-pêch, hoặc phải lạy lục họ rất lâu. Nói chung, chúng tôi kiếm được không phải dễ dàng, nhưng chúng tôi sống với nhau rất thân ái, và mặc dầu thỉnh thoảng có cãi nhau tí chút, nhưng tôi nhớ là không hề có một cuộc đánh nhau nào giữa chúng tôi cả.

Người thường đứng ra hòa giải chúng tôi là Vi-a-khi, nó luôn luôn biết nhằm đúng lúc mà nói với chúng tôi những lời đặc biệt đơn giản, làm chúng tôi phải ngạc nhiên và ngượng nghịu. Chính Vi-a-khi cũng ngạc nhiên khi nói những lời đó. Những ngón ngỗ ngược của I-a-dơ không làm cho Vi-a-khi bực mình, cũng chẳng làm nó hoảng, nó coi những lối chơi xấu là không nên có và thường đáp lại một cách bình tĩnh và xác đáng.

– Hừ, làm thế để làm gì cơ chứ ? – Nó hỏi, và lập tức chúng tôi thấy rõ là đã sai lầm !

Vi-a-khi gọi mẹ nó là "bà Mor-đvin của tao", nhưng cái đó không làm cho chúng tôi buồn cười.

– Hôm qua bà Mor-đvin của tao về nhà lại say bí tỉ, – nó vui vẻ kể, hai con mắt tròn xoe màu vàng sáng long lanh. – Bà ấy đẩy cửa ra, ngồi xuống ngưỡng cửa và cứ hát lải nhải, y như một con gà mái cục tác !

Thằng Sur-ka cái gì cũng muốn biết cặn kẽ, liền hỏi :

– Hát thế nào ?

Vi-a-khi đập tay vào đầu gối, và bằng giọng cao vút nó bắt chước hát lại bài hát của mẹ nó :

Có tiếng gõ cạch cạch :
Chàng mục đồng dễ thương
Gõ gậy vào cửa sổ,
Chúng tôi chạy ra đường !

Đó là chàng Bo–ri–ka,
Chiều chiều thường thổi sáo,
Làm cả làng ngẩn ngơ,
Hết ồn ào, huyên náo.

Nó biết rất nhiều những bài hát ngắn lôi cuốn như vậy và hát những bài đó rất hay.

– Ừ, – nó nói tiếp, – thế là bà ta ngủ luôn ngay ở ngưỡng cửa, làm gió lùa vào phòng lạnh quá, tớ rét run lên, suýt nữa thì chết cóng, nhưng lôi bà ta vào thì không đủ sức. Sáng nay tớ mới bảo mẹ tớ : "Mẹ say gì mà khiếp thế ?". Mẹ tớ nói : "Không sao, hãy chịu khó một tí, ta sắp chết rồi!".

Sur-ka nói với thái độ nghiêm trang :

– Bà ấy sắp chết thật đấy, người sưng phù cả lên rồi.

– Mày có thương không ? – tôi hỏi.

– Sao lại không ? – Vi-a-khi ngạc nhiên đáp lại – Mẹ tao đối với tao rất tốt.

Và mặc dầu tất cả chúng tôi đều biết rằng người đàn bà Mor–đvin ấy đánh đập Vi-a-khi như cơm bữa, nhưng chúng tôi vẫn tin rằng bà ta là người tốt. Thậm chí có hôm không kiếm được tiền, Sur-ka còn đề nghị :

– Nào, chúng ta hãy góp mỗi đứa một kô-pêch để mua rượu cho mẹ Vi-a-khi, kẻo mẹ nó lại đánh nó !

Chú giải

(1) *Kô-pêch :* đồng tiền ở Nga, giá trị nhỏ nhất.

(2) *Vi-a-khi :* có nghĩa là "bồ câu rừng".

(3) *Mor-đvin :* tên một dân tộc thiểu số ở Nga.

(4) *Tac-ta :* tên một dân tộc thiểu số ở Nga.

(5) *Bệnh động kinh :* một bệnh có liên quan đến não, người bệnh khi lên cơn thì bất tỉnh, kèm theo là co giật, giãy giụa.

(6) *Vôt-ka :* một loại rượu mạnh ở Nga.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

A-li-ô-sa và những đứa trẻ bụi đời vẫn giữ được tâm hồn trong sạch và những đức tính đáng yêu. Chúng đối xử với nhau bằng tình thương yêu. Mẹ của Vi-a-khi suốt ngày say bí tỉ và đánh nó như cơm bữa. Nhưng Vi-a-khi rất thương bà và những bạn của nó "vẫn tin rằng bà là người tốt". Đó là lòng nhân hậu.

---

thuongmaitr

MỤC LỤC

Trang

Phần một

VĂN HỌC VIỆT NAM

VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

Bài 1.	Khái quát về văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945	Nguyễn Hoành Khung biên soạn		(2 tiết)	3
Bài 2.	Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông	Phan Bội Châu	–	(1 tiết)	12
Bài 3.	Đập đá ở Côn Lôn	Phan Châu Trinh	–	(1 tiết)	13
Bài 4.	Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu	Nguyễn Ái Quốc	–	(2 tiết)	15
Bài 5.	Muốn làm thằng Cuội	Tản Đà	–	(1 tiết)	22
Bài 6.	Gánh nước đêm	Trần Tuấn Khải	–	(1 tiết)	24
Bài 7.	Sống chết mặc bay	Phạm Duy Tốn	–	(2 tiết)	25
Đọc thêm :					
	– Lưu biệt khi xuất dương	Phan Bội Châu	–		32
	– Chiêu hồn nước *(Trích)*	Phạm Tất Đắc	–		33
	– Nhớ cảnh cầu Hàm Rồng	Tản Đà	–		35
Bài 8.	Nhớ rừng	Thế Lữ	–	(2 tiết)	37
Bài 9.	Ông đồ	Vũ Đình Liên	–	(1 tiết)	40
Bài 10.	Quê hương	Tế Hanh	–	(1 tiết)	43
Đọc thêm :					
	– Sơn Tinh, Thủy Tinh	Nguyễn Nhược Pháp	–		45
	– Nắng mới	Lưu Trọng Lư	–		50
	– Mùa xuân chín	Hàn Mặc Tử	–		52
	– Chợ Tết	Đoàn Văn Cừ	–		53

uongxua.vn

Bài 11. Gió lạnh đầu mùa	Thạch Lam	–		(2 tiết)	56
Đọc thêm :					
– Tôi đi học	Thanh Tịnh	–			64
Bài 12. Trong lòng mẹ (Trích *Những ngày thơ ấu*)	Nguyên Hồng	–		(2 tiết)	68
Bài 13. Ôn tập				(1 tiết)	75

Phần hai

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

Bài 1. Bố của Xi-mông	G.Mô-pa-xăng	Phùng Văn Tửu biên soạn	(2 tiết)	76
Đọc thêm :				
Bố của Xi-mông (*Tiếp*)				81
Bài 2. Chiếc lá cuối cùng	O' Hen-ri	–	(2 tiết)	84
Bài 3. Cố hương	Lỗ Tấn	Nguyễn Khắc Phi biên soạn	(3 tiết)	94
Bài 4. Thời thơ ấu (*Trích*)	Gor-ki	Hoàng Ngọc Hiến biên soạn	(3 tiết)	108
Đọc thêm :				
Thời thơ ấu (*Trích*)	Gor-ki	–		116

thuongmaitr

uongxua.vn

45
1957-2002
NĂM
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 8

1.	Tiếng Việt 8	*Tái bản*
2.	Văn học 8/1	*Tái bản*
3.	Văn học 8/2	*Tái bản*
4.	Tập làm văn 8	*Tái bản*
5.	Dàn bài tập làm văn 8	*Tái bản*
6.	Lịch sử 8/1	*Tái bản*
7.	Lịch sử 8/2	*Tái bản*
8.	Địa lí 8	*Tái bản*
9.	Tài liệu Giáo dục công dân 8	*Tái bản*
10.	Đại số 8	*Tái bản*
11.	Hình học 8	*Tái bản*
12.	Sinh học 8	*Tái bản*
13.	Vật lí 8	*Tái bản*
14.	Hóa học 8	*Tái bản*
15.	Kĩ thuật 8 (VKT - GCVL)	*Tái bản*
16.	Kĩ thuật 8 (CN - NCNN)	*Tái bản*
17.	Tiếng Pháp 8	*Tái bản*
18.	English 8	*Tái bản*
19.	Bài tập Đại số 8	*Tái bản*
20.	Bài tập Hình học 8	*Tái bản*
21.	Bài tập Hóa học 8	*Tái bản*
22.	Bài tập Vật lí 8	*Tái bản*
23.	Bài tập Tiếng Việt 8	*Tái bản*
24.	Bài tập English 8	*Tái bản*
25.	Mĩ thuật 8	*Tái bản*
26.	Âm nhạc 8	*Tái bản*

thuongmaitruongxua.vn

8934980002131

VĂN HỌC 8 - Tập một
Mã số : 2H823T1
In 200.000 bản (ST), khổ 14,3 x 20,3 cm.
Tại Công ty In Nam Định
Số in: 07. Số XB: 1105/213-00
In xong và nộp lưu chiểu tháng 2 năm 2001
Giá: 3.300 đ